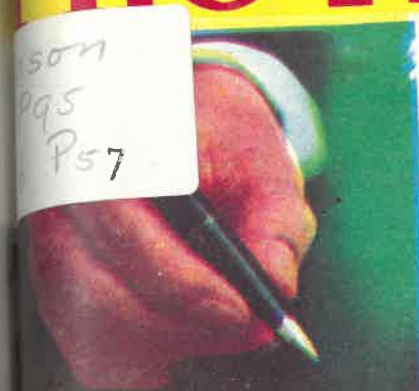


NEUROTOMIC

Từ thôn quê đến thị thành
Sĩ, Nông, Công, Thương chạy dành NEURO

★ BỒI BỒ ỐC

PHỔ THÔNG



Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn.Vỹ



PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN-HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đốc, Chủ bút ; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Sà-gòn — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 241 — 15-3 1970

- | | | |
|--|-------------------|---------|
| 1 — Kỷ niệm Hai bà Trưng | Nguyễn-Vũ | 5 — 9 |
| 2 — Hồi ký | Toàn-Huy | 11 — 14 |
| 3 — Trầm hương — Du xuân
(thơ) | Hoài Nhã Liên Văn | 15 |
| 4 — Nguyễn thạc Chi và bài Dã
Man Phú | Lâm-hữu-Ngân | 16 — 19 |
| 5 — Tình yêu trầm lặng
(truyện ngắn) | Đặng-Doanh | 20 — 29 |
| 6 — Saigon lai rai | Hoàng-Thắng | 30 — 33 |
| 7 — Tôi yêu em mười sáu
(thơ) | Huỳnh-ngọc-Hải | 34 |
| 8 — Một em bé người Thượng
(phóng sự) | Nguyễn-Thuộc | 35 — 38 |
| 9 — Từ chim máy đến
máy người | Trần-lệ-Tài | 39 — 42 |
| 10 — Điệp khúc tạ từ (thơ) | Thâm-Giang | 43 |
| 11 — Trường của các bà | Đào-thi-Ngọc-Diệp | 44 — 46 |
| 12 — Đọc lại tác phẩm | Lan-Đình | 47 — 51 |

13 - Tìm hiểu vị Thủy tổ	Nguyễn-quang-To	52 - 56
14 - Tưởng nhớ cụ Đào-Tấn (tt)	Hoàng-trúc-Ly	57 - 61
15 - Người đàn bà chết (tt)	Giảng Tân	62 - 67
16 - Thỉnh tàu kê (Nam)	Mai-thúy-Lan	68 - 72
17 - Thất sơn (thơ)	Nguyễn-Trương	73
18 - Huế ngày nay (Trung)	Trần-Tử	74 - 79
19 - Hai cái cười	Thái-Bạch	80 - 82
20 - Chiến dịch C S. chống đê mê vì đĩa hát	Ng-khắc tiến Tùng	83 - 85
21 - Đêm đọc thơ	Phương-Tấn	86 - 87
22 - Hồ-xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	88 - 92
23 - Hai ông một bà	Phạm.văn-Sơn	93 - 97
24 - Tìm hiểu và so sánh	Đông-Tùng	98 - 104
25 - Tiểu long nã	Thế-Lan	105 - 110
26 - Tiếng nói của Thế hệ		111 - 121
27 - Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	122 - 125
28 - Đường về bản Thượng (thơ)	Lê.văn-Tông	126
29 - Sách báo mới		127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

Kỷ-Niệm

HAI BÀ TRƯNG

Chính Phủ

LO' LÀ

HỒ' HỮNG



Không

Đề Cao

Lịch Sử



Không Kịch - Động
NHÂN - DÂN

HAI Bà Trưng, là gương Liệt-nữ gần như duy-nhất trong Lịch-sử Việt-Nam, và cả trong Lịch-sử Thế-giới..

Không cần phải tỏ ra một lòng yêu-nước kiêu «Sô-vanh» cuồng tín và chủ-quan tốt-độ, ai cứ xét vô-tư những biến-cổ lịch-sử của nhân loại đều phải nhìn-nhận tính-cách hai lần oanh-liệt của hai Chị em Bà Trưng đối với Dân-tộc và Gia-đình. Phận gái làm Dân đã tự hy-sinh để cứu Nước, làm Vợ để trả thù chồng, trong đời sống của loài người từ xưa đến nay, đã có được một đàn-bà thứ hai nào có thể so-sánh nổi với TRUNG-TRẮC và Em gái của bà?

Chỉ có Nội-giống Rồng Vàng của Long-Nữ Thần Mẫu mới sinh-sản được một Hùng-Nữ Trưng-Vương mà thôi!

Dù lập Triều-đại chỉ ba năm sau khi đại thắng quân thù, khoảng thời gian ngắn-ngủ ấy cũng đã được đôi bàn tay gái Việt ghi dấu-tích. Vinh-quang và Kiêu-hãnh của Độc-Lập. Tự-do, bên cạnh một đế quốc kết-xù, tham tàn bạo-ngược đang làm bá chủ Á-đông.

Một Jeanné d'Arc mà Lịch sử Pháp rất hãnh diện với loài người, chưa hề đạt được một phần nhỏ chiến công vĩ đại của Trưng Trắc và Trưng-

Nhi.

Nếu, hai Bà Trưng là người Cổ Hy-Lạp, Cổ La-Mã, thì chắc chắn hai Bà đã được các César hăng say dựng tượng tôn thờ, không phải như trong một ngôi đền bị bỏ quên ở ngoại ô Thăng Long, mà khắp các đình đời đế quốc, và khắp các Biên thùy.

Uy danh của Hai Bà không những chỉ được ghi trong sử-sách giáo-khoa dành riêng cho học trò, mà chắc chắn trong Huyền Thoại của các vị Thần Thánh linh thiêng của Dân tộc.

Từ khi Nước Nhà đã thu hồi Độc-lập, kẻ viết bài này đã luôn luôn, không biết bao nhiêu lần, nhắc nhở chính quyền Việt Nam dựng tượng và lập đền thờ Hai Bà Trưng để nêu gương Liệt-nữ cho thế-hệ trẻ ngày nay. Nhưng các chính phủ kế tiếp đều một mực làm ngơ.

Năm 1952-53, trong Nhật báo *Dân Ta* liên tiếp trong mấy tháng, tháng này đã đứng ra kêu gọi toàn thể Nhân dân quyền tiền dựng tượng Hai Bà Trưng bằng đồng, nơi giữa Bồn-bình trước chợ Bến thành. Đồng Bào hưởng ứng nhiệt liệt. Hàng ngàn bức thư cảm động từ khắp thành thị thôn quê gửi về làm hậu thuẫn. Một Ủy-Ban dựng tượng hai Bà Trưng đã được

chính thức thành lập tại Tòa Báo gồm có các bà Luật sư Nguyễn phước Đại, Lê thị Ân, Bút-Trà, các ông Trần-quốc-Bửu, Tam Mộc, Việt Nhân, một vị Quan Tòa, một anh và một chị đại-diện giới Lao-Động, và nó.

Ủy-Ban đã đưa đơn lên chính quyền đề xin phép mở cuộc lạc quyền toàn quốc. Chính phủ Bửu Lộc đã chấp-nhận đơn và hứa sẽ triệt-đề ủng-hộ Ủy-ban để hoàn thành công tác tốt đẹp, nhưng lại đặt ra một điều kiện phi-lý, là muốn Ủy-ban phải viết thư mời cựu Nam-phương Hoàng-Hậu lúc đó ở bên Pháp, làm Chủ-tịch Danh-dự.

Ủy-ban đã cương quyết khước từ sự can-thiệp trơ-trẽn ấy, và do đó, công việc đành bỏ dở, không thực-hiện được.

Đến khi Ngô-dinh-Diệm lên làm Tổng thống, kẻ viết bài này lại tiếp tục kêu gọi xây dựng tượng hai Bà Trưng. Chính quyền nhà Ngô liền tự động đảm-đương công việc bằng cách thuê một điêu-khắc-gia Pháp vô-danh đúc một pho tượng Hai Bà Trưng tốn đến mười-mấy triệu bạc mà mặt mũi lại giống y hệt hai mẹ con bà Ngô-dinh-Nhu!

May thay, sau cuộc đảo-chính của Quân-đội lật-đổ nhà Ngô, nhân-dân đã tự động kéo sụp xuống luôn cái trụ đá giả lơ-lãng nhục nhã ấy.

Các nhà cầm quyền kế-tiếp làm ngơ luôn việc dựng Tượng Hai Bà Trưng. Trong khi họ đắp những pho tượng Trần hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn tri-Phương, Phù-Đổng Thiên vương, v.v... và những

tảng đá to lớn đục khắc thành những Chiến sĩ hành quân, không một Ông Tướng Ba Tướng nào nghĩ đến việc xây đắp một pho tượng Hai Bà Trưng để nêu cao gương Phụ Nữ Việt-Nam phất cờ cỡi voi đánh đuổi giặc xâm lăng Trung-quốc.

★

Cho đến ngày nay, trong cuộc chiến đấu của toàn thể Nhân-dân bảo vệ Tự-do, Độc lập, xây dựng Dân quyền, Dân chủ chính phủ quốc-gia chẳng làm được một công tác gì đáng ghi nhớ trong ngày lễ kỷ-niệm Hai bà Trưng. Ngày lễ được nghỉ nhưng Chính phủ lơ là, hờ hững, không tổ chức một chương trình kỷ niệm thích ứng, vĩ đại, để kích động tinh thần yêu nước của Nhân-dân, để nêu cao gương anh hùng của con gái Việt, để chứng tỏ và tăng cường lòng tin tưởng bất diệt của dân tộc đối với vận mệnh Quốc gia.

Ngày lễ Hai Bà Trưng chỉ được nhắc nhở qua loa cho lấy có — hầu như không được chú trọng hơn là một vài xáo trộn kinh tế.

Các cơ quan thẩm quyền không biết khai thác đến mức các biến cố vinh quang của Quá-khứ, không biết kích thích tâm lý quần chúng, không biết kêu vùng lên các đợt sóng thần ngấm ngấm trong lòng dân.





SONG THU

Nữ-sĩ đã qua đời

Chúng tôi rất xúc động được tin Nữ-Sĩ và cách mạng-gia **SONG-THU**, như danh Phạm-thị-Xuân.CHI, Cộng-Sự viên của Tạp-chí Phổ-Thông từ lâu, vừa tạ-thế tại tư-thất, đường Nguyễn-Huệ, Gia-Định, lúc 4 giờ sáng ngày 10-3-1970, hưởng thọ 71 tuổi.

Chúng tôi đau đớn phân-ưu cùng các bạn Chín, Phương Đài, Oanh, Trần-Quân và tang quyến.

Kính-cần nghiêng mình trước Vong Linh Đồng-chí.

NGUYỄN VỸ

THƯƠNG NHỚ NHÀ VĂN

Phú-Đức

Chúng tôi rất xót-xa vừa được tin nhà văn Phú-Đức nổi-danh ở miền Nam từ thời tiền-chiến đã tạ-thế tại tư-thất, số 39 đường Phó-đức-Chính, Gia-Định, lúc 19 giờ 15 ngày 4 tháng 3 năm 1970, hưởng được 70 tuổi.

Chúng tôi kính cần nghiêng mình trước Vong Linh Bạn, và kính gởi lời đau-xót phân-ưu cùng Bà Nguyễn-Đức-Nhuận và tang-quyến.

NGUYỄN-VỸ

THỜI KỶ SINH VIÊN Ở TÂY ĐỨC

Một chuyến đi xe hỏa ngang qua Đông-Đức

« Tôi đang lướt chân trên đất cộng-sản Đông-Đức xa xôi, nhưng ngày nào tôi mới được thấy lại quê hương gần gũi của tôi ? »

□ **TOÀN-HUY (Bonn)**

Tôi bước chân lên chuyến tàu tốc hành đi từ Bonn lúc 10 giờ 9 phút sáng đề sang Tây-Bá-Linh với một tâm trạng bình thường. Chuyến tàu này cũng sẽ đi thẳng đến Varsovie, thủ đô của Balan và mất độ một ngày trời, còn đến Tây-Bá.Linh thì chỉ tốn vào khoảng chín tiếng đồng hồ mà thôi. Từ nhiều năm nay, việc dùng xe hỏa đi ngang qua Đông-Đức đề đến Bá-Linh đối với những người bình thường vô sự không còn có tính cách

là một cuộc mạo hiểm nữa. Tuy nhiên số hành khách người Đức dùng tàu đề đến Bá-Linh cũng rất thừa thớt, nhất là trong mùa đông như hiện nay vì họ rất ghét những sự chậm trễ hàng tiếng đồng hồ hầu như đã trở nên thông lệ đối với những chuyến tàu do nhân viên hỏa xa Đông-Đức đảm trách.

Các chính trị gia Tây-Đức và những người Đức hoặc ngoại quốc nghi ngờ mình có tên

trong sổ đen của Đông-Đức thì mỗi khi đến Tây-Bá-Linh đều chỉ dùng đường hàng không. Đối với những người khác hoặc vì lý do tài chánh hoặc «muốn đi cho biết» thì việc dùng xe hỏa là một việc khá thuận tiện. Giá tiền chỉ hơn một phần ba giá vé tàu bay và những sự kiểm soát trên tàu giản dị và đỡ tốn thì giờ hơn kiểm soát những sự trên các xa lộ đưa đến Bá-Linh nhất là vào những lúc cộng sản Đông-Đức muốn quấy rối các hành lang giữa Tây-Đức và Tây-Bá-Linh như trong những tuần lễ vừa qua.

Còn tàu đồ xuống ga Braunschweig, thành phố lớn của Tây-Đức cách xa biên giới Đông-Tây còn chừng ba mươi cây số nữa. Đa số hành khách đều xuống và trên tàu chỉ còn chừng vài ba chục người tiếp tục cuộc hành trình đến Bá-Linh hoặc đi mãi đến Balan. Các nhân viên an ninh Tây-Đức kiểm soát qua loa giấy tờ hoạt sổ thông hành của những kẻ còn lại và trao cho mỗi người một mẫu đơn có vài dòng chữ

«đơn xin hoàn lại lệ phí lấy chiếu khán». Tôi vội điền vào đó tên họ, ngày sinh tháng đẻ cùng địa chỉ, rồi đưa cho nhân viên đóng dấu. Với giấy tờ này tôi có thể đến lãnh tại bất cứ sở bưu điện nào tại Tây-Bá-Linh hoặc Tây-Đức số tiền năm Đức-Mã tức là số tiền mà chốc nữa đây tôi sẽ phải đóng cho nhân viên an ninh Đông-Đức để được cấp một chiếu khán đi ngang qua đất họ. Vì thiếu ngoại tệ và vì muốn chứng tỏ người ở phía Tây của nước Đức là người «ngoại quốc» đối với người ở phía Đông, nên nhà cầm quyền Đông Đức đã đặt ra lệ cấp chiếu khán cho ngay cả người Tây Đức từ hơn một năm nay. Để cho những hành khách dùng xe lửa khỏi bị thiệt thòi và bị trả một số tiền lệ phí vô lý, chính phủ Bonn đã phải ban hành một đạo luật quy định việc hoàn lại cho mọi hành khách số lệ phí chiếu khán Đông Đức đòi đó. Mà đã là luật thì được áp dụng cho mọi người, cho

nên hành khách ngoại quốc cũng hưởng được lợi này, vì trước kia các hành khách ngoại quốc cũng đã từng phải xin chiếu khán, phải đóng tiền nhưng không được ai hoàn lại cho cả !

Tại nhà ga Helmstedt, trạm cuối cùng trước làn ranh giới Đông Tây Đức, chiếc đầu máy điện tối tân của nha hỏa xa Tây Đức được thay thế bằng chiếc đầu máy hơi nước cũ kỹ của Đông Đức và nhân viên Tây Đức trên tàu cũng đều rời khỏi các toa để nhường chỗ cho những nhân viên Đông Đức. Việc kiểm soát giấy tờ trước ga Marienborn nằm trên lãnh thổ Đông Đức diễn ra một cách kỹ lưỡng những hành lý cũng được nhân viên kiểm soát Đông Đức khám xét cẩn thận từng ly từng tý. Chỉ thấy người ta trao đổi một vài lời chào hỏi thường lệ, còn toàn là một không khí nặng trĩu không ai chuyện trò với ai, ngoại trừ mấy cụ già đi từ Tây Đức đến thỉnh

thoảng tỏ đôi lời nhớ tiếc thời gian khi nước Đức chưa bị chia đôi. Không khí sống động hơn lên từ khi những hành khách Đông Đức đầu tiên bước lên tàu từ ga Marienborn trở đi. Nhưng đa số những hành khách đều tỏ ra rất dễ dặt, không dám phiêu lưu đến những vấn đề có thể làm cho họ bị cảnh sát nhân dân Đông Đức nghi họ là họ có «liên lạc với địch». Còn những người cảnh sát nhân dân Đông Đức trên tàu thì trái lại muốn hỏi các hành khách Tây Đức rất nhiều về giá sinh hoạt, về đời sống chính trị ở Tây Đức và muốn biết họ nghĩ như thế nào đối với Đông Đức. Lẽ dĩ nhiên trong câu chuyện, các anh chàng cảnh sát nhân dân cũng không quên lợi dụng cơ hội để làm quảng cáo cho «thiên đàng của nông dân và lao động» dưới chế độ của nhà «lãnh đạo anh minh» Walter Ulbricht. Để tránh khỏi phải đi vào những câu chuyện nhảm tai khó chịu đó, tôi đã tự giới thiệu là một sinh viên kỹ thuật không biết

gì và cũng không thiết gì đến chính trị kinh tế cả. Thành ra sau vài câu trả lời nhát gừng, tôi đã được người ta để yên cho tiếp tục đọc cuốn «Tiểu ngạo giang hồ» bên nhà mới gọi qua nóng hổi.

Thỉnh thoảng tôi ngước mắt nhìn qua cánh cửa gương xe hỏa. Ngoài trời vạn vật bao phủ dưới một lớp tuyết trắng. Nhiều khu làng mạc với những nóc nhà đang nhả khói có vẻ thơ mộng lạ. Có lẽ cách đây ba bốn mươi năm về trước nước Đức ở vùng này cũng vẫn như thế. Còn quê hương tôi ở miền Bắc với những hàng tre bao kín chung quanh làng mà tôi đã không được thấy lại từ hai mươi măm qua, ngày nay đã ra sao ? Sự trớ trêu của số phận đã khiến giờ đây tôi đang lướt chân trên đất cộng sản của một nước ở miền Đông Âu xa xôi, còn sinh trưởng của tôi họa chăng tôi chỉ có thể thấy lại ngày nào miền Bắc cộng sản thôi mộng thôn tính miền Nam và chuyển hướng dần thành một Nam-Tư hoặc ít ra cũng một Đông-Đức Á-

Châu !?

Đến nhà ga Griebnitzsee, trạm cuối cùng trên đất Đông-Đức trước Tây-Bá-Linh, những cuộc kiểm soát lại diễn ra kỹ càng hơn nữa. Để tránh việc những người Đông-Đức lợi dụng con tàu đi tìm tự do thoát khỏi sự kìm tỏa của cộng sản. Dần dần những ánh đèn quảng cáo sáng chói của thành phố Tây Bá-Linh phồn thịnh hiện ra trước mắt. Ánh sáng huy hoàng rực rỡ nhưng không đủ làm tan biến nỗi những nỗi buồn ngủi trong lòng nhớ quê hương đất Việt của tôi. Có lẽ chuyển về Bonn trong vài ngày nữa, tôi sẽ dùng đường hàng không, vì lòng dạ cộng sản khó thể nào lường được.



Trầm hương

Vườn say nắng ngấm hoa đào
Sưởi bay chim én ngóng chào buổi xuân
Giờng ca dao ngủ thiên đường
Lúc vàng nhớ mạ men hồn nhạc xưa

Du xuân

Hồn nghiêng mái lá che trời
Con sông trầm khói dâng mời gót chân
Bàn tay mây trắng lại gần
Như bầy trẻ nhỏ mùa lân ngoài vườn
Ngoài tình em chải tóc gương
Trong tôi lá cỏ thay sương màu nhợt

HOÀI NHÃ LIÊN VĂN

NGUYỄN-THẠC-CHI

và bài

DÂ-MAN PHÚ

* LÂM HỮU-NGÂN

DÂN tộc Việt-Nam rất kiêu-hùng. Thời vong quốc, vẫn không hiềm người thương nước chân chính đứng lên gìn giữ ngọn đuốc đấu tranh mà tiền nhân đã nêu cao tự nghìn thu trước.

Một trong những người đó là Nguyễn-Thạc-Chi.

Ông tự là Trọng.Thường, con trai thứ hai của nhà cách mạng tiền bối Nguyễn-Thiện Thuật, tức là em của Nguyễn-Tuyên-Chi (hiệu là Thận-Sinh)

Trưởng thành trong một gia đình mà cha anh đều là người vì nước vì dân, Nguyễn-Thạc-Chi đã sớm biết đem tinh-hoa đời mình phụng sự cho toàn dân.

Trong thời gian Nguyễn-Thận-Sinh bốn ba khắp nơi đề chống Pháp, Nguyễn-Thạc-Chi đã giúp anh rất đắc lực, và từng được các đồng chí cử sang Long-Châu (Trung-Hoa) đề liên lạc với cha là quan Tham-tán Nguyễn-Thiện Thuật, vị lãnh tụ kháng-chiến quân Bãi-Sậy, khi ông này đang nương náu cùng tướng cờ đen Lưu-Vĩnh-Phúc đề chờ cơ hội trở lại nước nhà.

Tuy là người sành văn chương thi phú, Nguyễn-Thạc-Chi không màng sự hiển vinh vì quốc dân đang rên xiết dưới gót quân thù.

Trong đời cách mạng, Nguyễn-Thạc-Chi hoạt động cực kỳ hăng say về việc Đông-

NGUYỄN THẠC CHI

du của thanh niên Việt Nam thời bấy giờ. Ông đã từng theo chân cụ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền sang Đức-Quốc đề học hỏi về phương thức duy-tân nước nhà.

Đề có phương tiện dồi dào giúp thanh niên trốn ra xứ ngoài được dễ dàng, ông lập một cơ quan kinh tài bí mật bằng cách vận động hô hào lòng yêu quê hương của các phú hào, điền chủ toàn quốc, đề họ giúp đỡ về tiền bạc.

Thời gian đó Đề Kiều, nguyên thủ lãnh quân Cần Vương miền Hưng-hóa (Bắc Việt), vì thế cô, nên về hàng Pháp, được quyền khai phá, mở mang đồn điền của Pháp tại Tam-lộng Vĩnh yên, tạo được rất nhiều tiền, Đề Kiều hứa giúp cho tổ chức cách mạng 40 ngàn đồng. Thời đó,

40 ngàn trị giá bằng 2.000 lạng vàng y.

Ngoài ra còn thêm một bà quả phụ ở làng Diêm-diên, tỉnh Thái-bình, nhận giúp một số bạc rất lớn là một trăm ngàn đồng. Số tiền này là một phần ba tài sản của bà cụ.

Nhưng đau đớn thay, lòng người lang sói, việc xuất dương của thanh niên càng gặp thêm nhiều hiềm nghèo vì bọn buôn dân bán nước diêm chỉ cho thực dân kịp thời ngăn chặn bắt bớ.

Việc lập ngân ủy cách mạng đành chấm dứt, sự nhận tiền cũng không thực hiện được.

Mộng lớn tan thành mây khói, Nguyễn thạc Chi vô cùng phẫn hận vì lòng người, vì cảnh ngộ, nên có làm một bài phú chữ đời như sau :

Dâ-Man Phú

Mặt trắng phau phau,
Da đen thui thui.
Chẳng phải người Mường

Thế mà giống Mọi

Ừ ở giả thức ấy mới dơ

Đứng đỉnh như chơi dĩ càng thối.

Bo bo, bồm bồm, chớ giữ xương vẫn sợ mất phần.

Cạc cạc, ừ ừ, vệt nghe sấm biết gì mà nói.

Báo quán mấy thằng Ngó ngọng cũng múa mép phong trào,

Sứ thần một lũ hải què lại tỉnh ra tay thượng hải.

Vài ông quan lớn cũng hội viên, cũng nghị viện mà khéo bộ
làm thình.

Ba cậu chiêu con, cũng quốc ngữ, cũng làm thư để lập đường
nói lối,

Biết nó lệ mà lương ăn chêm chêm nay Thụ tịch mai Tri tri

Muốn vẫn mình mà bạc đất kè kè, nay Học đường mai
Hương hội

Thế trong nước như cá nằm chóc thớt, vẫn ti teo ra dáng
vẫn vụng.

Việc ngoại dương như sét đánh ngang tai, thà lặng ngắt
đường làm chi rắc rối.

Thăm mới trắng mắt những lũ bọm già,

Xanh vỏ đỏ lòng rõ phượng giàu xổi

Ao cá vườn cau, cửa ngăn nhà ngói

Thóc lên cây, giữ vững gia nệm

Bạc bỏ lọ chắc như bỏ cối

Tranh nhau ông Tổng ông Lý, vung của ra mà cho cỏ vào
tròng.

Đến khi phải phạt phải đồ, rút cục lại thực đàm đàn vào
bụi.

Một mảy lông không mất, liều cái thân đit thớt đầu chầy,

Ba chữ quên nghĩ hay, thói con cháu mặt gio mây muối,

Toan xuất dương mà năm đồng mười đồng, vài mươi đồng,

học gì học chọc, thói thì thói chọc đit con hươu.

Muốn vào đảng mà một hện, hai hện, làm gì làm thắm, chịu
rõ ra thẳng cuội

Ồi thương ôi ỉ cũng là loài người, khác gì quân đối,

Quyền thế cóc khô, giàu sang mở nôi.

Chỉ nghề ăn mảnh, học thói con buôn.

Lại khéo giả vờ, ra giảng thầy bói.

Đẹp gì bộ cánh, rủ nhau ma nón lông, mà ô mây mà vốc
song ngư, mà xe độc mã, ừ nhiên tốt mẽ nhi dễ cù.

Không sóc mọc đuôi, rủ nhau mà bồi trọc cu li, ma ta kính
mà lính sen đầm.

Uyển nhĩ lơ đồ nhi chó khối, những chắc rằng mình vãng
mình bạc chạ lưu.

Chưa hẳn gặp khổ đồ khổ xanh chi bối.

.....
(Tài liệu mất mấy câu)

.....
Họa chẳng trời có chiều chẳng, ra tay thuốc này mới khỏi.

Giữa năm 1914, do bọn chó
săn người Việt thóc mách,
Pháp bắt được Nguyễn thạch
Chi đày ra Côn đảo. Ở tù đến
năm 1918, ông bị bắn chết trong
vụ tàn sát tập thể của một
viên giám thị Pháp trả thù cho
đồng bọn hần bị giết vì một
trận nổi loạn vượt ngục của
một nhóm tù nhân chính trị.

Không cần lấy thành bại
luận anh hùng, việc Nguyễn
thạch Chi gọi xương ngoài Côn
đảo đáng gọi là một ngọn lửa
thiêng khêu dậy lòng yêu nước
thương nỗi tiềm tàng dũng
mãnh trong lòng dân Việt trải
qua bao mùa cách mạng giữ giữ
quê hương.

Bacliêu, 20-1-70
LÀM HỮU NGÂN



Tình yêu thâm lặng

● DẶNG-DOANH

Chiếc màn che trước hiên đã được gỡ đi từ bao giờ, tôi cũng không biết nữa. Nhưng nếu còn thì nó đã mục nát rồi. Gần mười năm chiếc màn đó ngăn cách chúng tôi với căn gác hàng xóm. Tôi đã hầu quên mất những gì xảy ra ở phía bên kia song cửa. Bây giờ sức nghĩ lại, tôi thấy buồn cười về cử chỉ ngịch ngợm trẻ thơ của mình hồi ấy.

Căn nhà đó trước kia là nơi trú ngụ của bà vợ lẽ một ông chủ thầu. Về sau, qua mấy trận đòn ghen chí tử của bà cả, bà hai rút vào bí mật với cô con gái riêng

mười tuổi. Từ đấy, căn nhà bỏ hoang và những đêm mưa gió tối trời, người ta lại thấy một chiếc xe hơi đậu trước nhà. Ông chủ thầu và một người con gái vội vã lách qua cửa. Ngọn đèn nhỏ được bật sáng trong mười phút rồi cả hai lại vội vã ra đi.

Hồi đó, chúng tôi đặc biệt chú ý tới sự đi về của ông chủ thầu, không phải để khám phá những bí mật trong nghề nghiệp của ông, mà chỉ muốn tránh những cuộc chạm trán bất ngờ có hại cho chúng tôi.

Nguyên từ sau lần bà vợ lẽ ra

TÌNH YÊU

đi, bọn trẻ chúng tôi thường lên trèo mái tôn sang ăn gác của ông chủ thầu để chơi bài cào. Chúng tôi mang chấu và bóng điện từ bên nhà sang rồi đóng cửa kín lại âm thầm sát phạt dưới ánh điện được giấu kín trong ch éc lon sữa bò chỉ đủ soi sáng một vòng tròn hẹp. Có đêm quá ham chơi, chúng tôi mua bánh trái lên ăn rồi ôm nhau nằm ngủ. Trong khi đó, người nhà vẫn lăm lăm tưởng chúng tôi ngồi học trên gác, không hay biết gì về hành động của chúng tôi.

Lâu ngày, sự đi về đã trở thành quen thuộc đến nỗi chúng tôi coi căn gác đó như nhà riêng của chúng tôi. Chúng tôi thay phiên nhau quét dọn và bao nhiêu rác rưởi đều tuôn xuống nhà dưới hết. Đó cũng là nguyên nhân khiến chủ nhà khám phá ra sự khác thường và để ý theo dõi chúng tôi.

Một tổ, trời không mưa và có trăng sáng, chúng tôi, năm thằng bạn trai tuổi từ 12 đến 14, đang nằm khểnh trên giường tán chuyện nếu lăm đề dọ nổi cháo

gà sôi sục trên bếp điện bỗng có tiếng xe hơi ngừng trước sân. Tôi hoảng hốt chạy lại gần cửa sổ nhìn xuống. Đương là ông chủ nhà rồi. Ông đang loay hoay mở cửa xe. Tôi vội quay vào, ra lệnh:

— Tụi mình đột lệ, hầu đến kia.

Miệng nói, tay kéo vạt áo, tôi vội gỡ lấy bóng điện còn nóng hổi, rồi khẽ bưng nổi cháo, người cuộn chiếu, mạnh ai nấy chui qua cửa sổ mà chạy. Chỉ trong khoảng khắc tiếng động im lẩn. Chúng tôi đã thoát nạn, ngờ ngác như lũ chuột con bị mèo rượt, nhìn nhau thở dốc.

Trong khi đó, bên căn nhà đối diện, ông chủ thầu đang lăm lăm nhìn chúng tôi, mắt ông quả lên, trán cau lại, tỏ thái độ phẫn uất đến cùng cực mà không biết nói sao.

Ít lâu sau, một cô me rầy đến ở căn nhà đó. Chúng tôi lại được dịp chứng kiến nhiều cảnh tượng khá lý thú cho tới một tối kia, mẹ tôi biết chuyện.

TÌNH YÊU

Một tấm mảnh mảnh lót vải dày được buông xuống trước hiên, che khuất tầm mắt tò mò của chúng tôi từ khi ấy.

Sau gần mười năm, tôi không còn nhớ căn nhà đó nay thuộc quyền sở hữu của ai, chỉ biết kẻ cư ngụ vẫn thay đổi luôn.



Cách đây hai hôm, một thiếu nữ trẻ đẹp tới thuê căn nhà này với một đứa bé gái và một người đàn bà đã đứng tuổi.

Cuộc sống âm thầm của nàng khiến chúng tôi không hiểu nàng

thuộc loại người nào. Anh thì cho rằng nàng là một quả phụ tới đây sống với con và mẹ già. Anh lại bảo nàng chưa có chồng, chưa có con, đứa bé kia là em nàng còn bà già là mẹ nàng. Nhưng lâu dần chúng tôi biết được nàng gọi đứa bé kia là con và gọi người đàn bà đứng tuổi là chị hai.

Tuy nhiên chúng tôi cứ phân vân tự hỏi không biết nàng từ đâu tới đây và tới đây với tâm sự bí ẩn gì? Suốt ngày nàng chỉ sống quanh quẩn bên con. Hầu như nàng chỉ đọc sách và không thêm đề ý sự có mặt của chúng tôi ở căn gác bên này, luôn luôn tìm cách tán tỉnh, chiêm ngưỡng nàng. Nàng đẹp thùy mị, nước da trắng hồng, đôi mắt u buồn thật đáng yêu.

Trong số các bạn tôi, có lẽ chỉ riêng tôi là say mê nàng hơn cả. Cũng vì vậy mà không một buổi chiều nào tôi quên ra đứng trước hiên nhìn sang nhà nàng. Về lãnh đạm của nàng khiến tôi hết sức căm giận, chỉ muốn làm sao cho nàng quay nhìn tôi một lần để xem

TÌNH YÊU

tôi có phải là tên bất lương đáng khinh bỉ không.

Thú thực tôi chưa yêu nàng đến mù quáng nhưng thái độ hững hờ của nàng kích động tính háo thắng của tôi. Tán tỉnh những người con gái tự cho là mình đẹp, kiêu kỳ và phách lối, tôi chỉ biết họ khác những người con gái khác ở chỗ nào. Tôi cũng chẳng tốt mã đến nỗi luôn luôn thành công trong những cuộc phiêu lưu tình ái như vậy, nhưng mỗi lần thành công đủ khiến tôi tự mãn và thêm được chút kinh nghiệm. Đôi khi kết cuộc chỉ là những chuyện xa cách nửa vời dễ nhớ thương, buồn khổ cho mình nhưng tôi vẫn say mê.

Đứng trước sự thử thách của cô gái hàng xóm, tôi như một quân sư tìm cách chế ngự địch thủ. Trước hết tôi phải làm sao để biết rõ lai lịch của nàng.

Tôi được biết thường thường sau bữa cơm chiều, người đứng tuổi lại âm đứa bé sang cửa hàng nhà chú Tư, ngồi nói chuyện trên chiếc ghế gỗ đặt ngang trước

hiên, vừa dùng làm cái hàng rào ngăn khách phùng bước vào phía trong, vừa dùng làm chỗ ngồi cho khách đến ăn bún.

Chú Tư vào khoảng ngoài bốn mươi, thân hình mập mạp, nước da trắng, là chủ nhân của hàng bún này. Đứng ra công việc bán bún phải dành cho thím Tư mới phải, bởi vì thím Tư nấu nước bún rất ngọt, thím còn biết gói giò và làm bánh cuốn nhân thịt nữa. Nhưng có lẽ trời sanh ra chú Tư chỉ để coi con và trông hàng cho vợ nên thím Tư giao toàn quyền bán bún cho chồng còn thím đi làm lao công sở Mỹ.

Chú Tư ngoài công việc canh chừng thùng nước bún cho sôi đều, đếm bún và nhận tiền của khách hàng, chú chỉ ngồi nói chuyện cà kê với chị bán bún ốc, với cô bán chuối chiên và những bà hàng xóm trước kia vẫn có dịp tâm sự với thím Tư.

Tôi đoán thế nào chú Tư cũng biết ít nhiều về cô gái bên nhà tôi nên tới làm quen với chú. Lúc ấy chú Tư đang ngồi

trông ra đường, vẻ mặt rất hớn hờ. Tôi chợt nhận ra hôm nay chú Tư mang kính mát. Hình như đây là lần đầu tiên chú mang kính mát. Tôi bước đến trước cửa hàng chú Tư, mím cười hỏi:

— Chào chú Tư, hàng đắt không chú?

Chú Tư quay lại, chiếu thẳng đôi mắt kính tròn, xanh đậm như hai miếng vỏ chai về phía tôi, lát sau chú từ từ nở nụ cười rất tươi, đáp:

— Cũng lành nhàng vậy thôi. Đàng ý làm một tô nhá.

Tôi lắc đầu:

— Cám ơn, tôi đang no, chỉ sang thăm chú thôi. Chú mua đâu được cặp kính đẹp thế?

Chú Tư lại cười:

— Mua ở chợ chứ ở đâu, những chín mười lăm đồng đấy.

Tôi suýt bật cười khi nghe tiếng «những» chú dùng để ám chỉ sự đắt giá của món hàng. Tôi vỡ làm bộ ngạc nhiên, hỏi lại:

— Những chín mười lăm đồng cơ à?

Chú Tư bĩu môi:

— Thù thiết mà, kiếm cả chợ mới có đấy.

Chợt thấy đứa bé con cô gái hàng xóm đang nường theo thành ghé đề tập đi trong lúc người đàn bà mài mề ăn ốc, tôi hất hàm hỏi chú Tư:

— Con ai vậy?

Chú Tư ngheo cổ nhìn đứa bé, trả lời:

— Con cô Thúy đấy.

Tôi hiểu ngay «cô Thúy» chính là cô gái hàng xóm nhưng lại vỡ như không biết cau mày hỏi chú Tư.

— Người ta già thế kia mà chú gọi là cô Thúy à?

Chú Tư tưởng tôi lầm cô Thúy với người đàn bà đang ngồi ăn ốc nên cười nói:

— Khi ôi, người ta nói cô Thúy là mẹ con bé này kìa. Còn bà là người ở của cô Thúy.

Tôi à một tiếng rồi lại hỏi:

— Tôi không thấy chồng của cô Thúy đâu, tại sao cô lại có con nhi?

Chú Tư đang ghé sát miệng vào cái bếp lò, thổi mạnh cho ngọn lửa bắt cháy vào mấy cục than vừa được bỏ thêm. Lát sau, chú ngồi thẳng người lên, sắc mặt đỏ gay. Thấy chú ngồi yên nhìn bụi tro hay tỏa khắp gian nhà hẹp, tôi tưởng chú chưa nghe câu hỏi của tôi, định hỏi lại thì chú cắt tiếng nói:

— À, chồng cô Thúy, nghe đâu hần bỏ cô Thúy từ lâu rồi, bây giờ cô vẫn ở vậy thôi.

Nói xong, chú Tư cần thận tháo cặp kính ra, chùi nhẹ nhẹ lên tay áo cho sạch bụi. Tôi nhận thấy cuộc đối thoại ngắn ngủi vừa qua với chú Tư giúp tôi hiểu thêm về Thúy, nếu tôi hỏi nhiều nữa chắc chú cũng chẳng biết nên cáo từ ra về.

Được biết qua về Thúy, tôi mừng lắm, chỉ muốn gặp ngay Thúy để nói cho nàng hiểu là tôi đã khám phá được bí mật của

đời nàng. Có một trở ngại là không bao giờ Thúy chịu gặp mặt tôi. Nếu có khi nào nàng vô tình âm con ra trước lan can mà thấy tôi đứng bên này nhìn sang thì nàng bước vào nhà ngay, cứ chỉ thật vội vàng như là việc nhìn thấy một người đàn ông là trọng tội đối với nàng. Lúc ấy tôi giận nàng ghê gớm đồng thời thêm ghen tức với người đàn ông tốt số nào đó được nàng yêu đến không thèm nghĩ tới ai khác nữa.

Cũng có thể vì bị lừa dối nên bây giờ Thúy thù ghét tất cả mọi người đàn ông. Nếu tôi không yêu được Thúy tôi cũng phải làm sao cho nàng thấy rằng nàng nghĩ vậy là sai, rằng có những chàng thanh niên như tôi chỉ xin được là người bạn để an ủi, giúp đỡ nàng.

Vì vậy, mỗi khi nhìn nàng, tôi muốn dùng hết khả năng truyền đến nàng sự vuốt ve triu mến mà đôi tay tôi không thể mang tới được. Không hiểu có một giây phút nào nàng chợt nhận biết về thiết tha trong đôi mắt của tôi không?

Ngày tháng vẫn qua đi buồn nản, mùa thi gần tới mà tôi không có hy vọng đỗ đạt. Mai, đứa con của Thúy đã chấp chững biết đi. Có những buổi chiều nó bước ra lan can, nín đôi bàn tay trắng mịn vào thành gỗ màu xanh đã bạc màu để nhìn tôi bằng tất cả sự kính ngạc.

Đôi mắt của Mai thật lớn, thật ngây thơ như tất cả sự ngây thơ trong trắng của mẹ nó còn ở lại trong nó.

Một hôm tôi nảy ra ý kiến làm quen với Mai bằng lời cuốn sự chú ý của mẹ nó. Sáng kiến thật hay, tôi vội mua kẹo để hối lộ cho Mai.

Tôi cầm cái kẹo trong tay, tính toán mãi. Nếu tôi ném kẹo sang có thể Mai chưa đủ thông minh để nhận ra hiếp kẹo vừa rơi xuống bên mình nó. Và nếu nó không nhận chiếc kẹo để mẹ nó lượm được thì hỏng chuyện vì nàng sẽ nhốt Mai trong nhà, không cho nhận món quà «bổ thí» kiểu đó nữa.

Tôi cầm cái kẹo trên hai đầu

ngón tay, giờ ra gần sát mặt Mai để nó thấy đó là món ăn nó khoái nhất. Khi Mai đã nhận ra chiếc kẹo và kiễng chân lên, rụt cổ lại hít hà tỏ vẻ ham thích, tôi mới thả chiếc kẹo trúng ngay chân nó và rơi trên sàn. Mai liền ngồi bệt xuống, cầm lấy chiếc kẹo bỏ luôn vào miệng.

Ngay lúc đó có tiếng Thúy gọi từ trong nhà :

— Mai ơi.

Mai vẫn ngẫu nhiên ăn chiếc kẹo trong lúc tôi làm bộ thần nhiên ngắm cảnh.



Thúy bước ra lan can. Nàng thấy Mai đang ngậm cái gì trong miệng thì kinh hãi, vội thò ngón tay vào miệng nó tìm kiếm, lát

sau nàng lôi ra chiếc kẹo. Bất chợt nàng ngược lên nhìn tôi như thăm dò lời cảm ơn tôi đã cho Mai kẹo. Rồi không kịp đợi tôi hỏi chuyện, Thúy đã vội ôm Mai vào nhà.

Có một lần tôi đang lên nhìn Thúy thay áo thì chị Loan bắt gặp, nghiêm giọng bảo tôi :

— Dừng, vào học đi, đừng mơ mộng hão như vậy.

Tôi làm bộ ngạc nhiên hỏi chị :

— Tại sao chị lại bảo em mơ mộng hão, hả chị Loan ?



Chị Loan lại hỏi tôi :

— Thế em nhìn gì bên nhà người ta ?

Tôi biết chị Loan đã hiểu rõ tâm sự tôi, nên cười đáp :

— Em nhìn nàng..

Chị Loan kéo tay tôi bảo :

— Vào nhà chị kể cho em nghe chuyện này.

Tôi theo chị Loan vào nhà. Sau khi ngồi xuống ghế cạnh bàn học của tôi, chị hỏi :

— Dừng có biết nàng tên là gì không ?

Tôi đáp :

— Có, chú Tư cho em biết nàng tên là Thúy.

Chị Loan gật đầu :

— Phải rồi, nàng tên là Thúy. Tên Thúy đẹp phải không em ? Mà đến người cũng đẹp nữa.

Cô Thúy trước kia là một nữ sinh rất ngoan ngoãn. Chỉ vì muốn trở thành ca sĩ nên cô lên học nhạc. Thế rồi số phận đưa đẩy, cô yêu luôn nhạc sư. Nhạc sư là một thanh niên ba mươi tuổi đẹp trai. Hai người yêu nhau tha thiết tưởng không bao giờ xa

nhau được. Buồn thay khi biết nàng có thai, chàng nhạc sư dọn đồ nghề trốn biệt. Thúy cũng bỏ gia đình, sống biệt lập với con nàng tại căn gác nhỏ này để đợi ngày chàng trở lại.

Kể đến đây, chị Loan chợt hỏi tôi :

— Chuyện cảm động không Dũng ?

Tôi đang mãi suy nghĩ về Thúy, chợt nghe chị hỏi, tôi cười nhạt đáp :

— Chuyện cảm động lắm chị ạ. Nhưng làm sao chị biết rõ về Thúy như vậy ?



Chị Loan đứng dậy :

— Có gì lạ. Thúy trước đây là bạn học với chị.

Tôi hỏi theo :

— Thúy ở không như vậy thì lấy gì mà ăn ?

— Gia đình Thúy giàu lắm.

Thúy có thể sống ung dung cả đời. Chỉ buồn một nỗi... Nhưng thôi Dũng ạ. học đi, chị khuyên em học đi cho thành tài, đừng mơ mộng nữa. Sau này có tiền, có địa vị, em tha hồ kén vợ.

Nói đến đây, chị Loan đi xuống nhà dưới. Tôi đứng ngẩn ngơ trước hiên. Càng hiểu rõ về Thúy, tôi càng yêu nàng. Lời khuyên nhủ của chị tôi không làm tôi thay đổi ý kiến.

Đột nhiên một buổi chiều về học tôi nhìn sang thấy căn nhà Thúy đóng kín cửa. Tôi buồn rầu chờ đợi suốt mấy ngày mà không được gặp Thúy.

Thấy tôi ngồi tư lự trước lan can, chị Loan bước lại cười hỏi :

— Sao nhớ Thúy lắm phải không ? Coi chừng lại tương tư nàng đấy nghe.

Tôi không nói gì. Chị Loan lại nói :

— Thôi quên Thúy đi, Thúy đưa con về với gia đình nàng rồi.

Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Sao chị biết ?

Chị Loan cười bí mật :

— Chính chị đã thông báo cho gia đình biết chỗ ở của cô.

Tôi ngược cặp mắt hận thù nhìn chị, định nói «Như vậy là chị giết em rồi»,

Chị Loan tỏ ý hiểu, vắn bắng nụ cười khoan dung, chị nói :

— Chị không muốn Dũng bỏ

bê việc học vì Thúy. Dũng chịu khó học đi, đừng mơ mộng hão. Thúy đáng tuổi chị của Dũng đấy.

Tôi không nói gì, ngồi yên giận chị vô cùng. Chính chị đã phá vỡ mộng đẹp của tôi

Thúy ra đi mang theo tâm sự u uẩn chỉ một mình nàng biết. Tôi ở lại với tâm sự u uẩn của riêng tôi ; tôi đã yêu nàng, yêu trong câm lặng.



● Nếu một người đàn-bà muốn đọc thơ cho anh nghe, anh nên bảo với nàng rằng hoa hồng không cần biết đọc thơ, hoa hồng vẫn đẹp, vẫn thơm.

Nhưng nếu nàng cứ đòi anh phải nghe thơ của nàng, thì anh ừ, rồi nhắm mắt lại.

Vì nhắm mắt, tức là chăm chú nghe vậy.

SAADI (Thơ-hào A Rap)



Tìm Bạn Bốn Phương

● HOÀNG-THẮNG

KHÔNG lúc nào, các nhật báo và tuần báo ở Saigon đặt khách với mục «Tìm Bạn Bốn Phương» đến thế. Có tờ đăng ủng hộ, khỏi mất một xu tềng, có tờ bắt người ham muốn phải cắt dăm bảy cái phiếu in sẵn trong báo, (như vậy, người theo dõi mục này đã thành một độc giả trung thành rồi) có tờ tính tiền giòng rãng rặc.

Dù có tính tiền hay không tính tiền, khách hàng vẫn đông.

Cái món «Tìm Bạn Bốn

Phương» này, không phải ở xứ ta mới có, bên Âu, Mỹ cũng đã có từ khuya rồi.

Tuy nhiên, cái gì nó cũng có bề mặt và bề trái, cái hay và cái hại.

Như ở Paris, một cô gái mơn mớn, 18 xuân non, đọc nơi mục Tìm Bạn và đã kết bạn với một chàng trai rất là hào hoa phong nhã, bỏ trai hết chỗ chê!

Nếu chỉ kết bạn tâm tình mà thôi thì không nói làm gì, đáng cay cô gái đã bị hố lớn. Nhưng tưởng chàng là con nhà giàu

SAIGON LAI RAI

đẹp trai, lịch sự, ăn nói có duyên nên nàng mê chàng như điên đảo. Và nếu chàng có đòi hỏi cái... trình đáng giá ngàn vàng, nàng cũng sung sướng mà dâng, chứ không bán. Một xu cũng không thêm. Cho!

Nhưng chàng đâu có cần cái... trình đó. Chàng cần... đồng cơ! nghĩa là thật nhiều tiền. Chàng bắt ép nàng phải... bán chữ trình cho... một người khác. Và số tiền «mở tiệm» đó, chàng... dứt hết vào túi.

Đầu đã hết. Chàng còn bắt nàng làm... điếm. Không nghe? chàng oán thán. Ấy ba mươi sáu ông sao trên trời. Chàng trói nàng bằng xích sắt vào chân giường, chàng bắt nhện dối, bao giờ chịu... «đề» nữa mới thôi.

Và may mắn thay, nàng đã được nhà chức trách giải thoát và nàng đã đi về thong thả với tâm thân tàn.

Ngay ở cái xứ Sê goong ta, đọc trong mục Tìm Bạn này ta sẽ thấy nhiều «cái» rất kỳ cục, dăm dớ, có khi khoe khoang quá

lố hay rất... bần.

Tôi chưa được rõ, có vụ nào đi tới giai đoạn chót là hai người có tờ giấy Hôn thú trong tay chưa, nên không dám nói nhiều. Tuy nhiên tôi thấy ơn ớn khi nghĩ tới chuyện cần anh nuôi, chị nuôi, em gái nuôi, cha mẹ nuôi hay là con gái nuôi.

Đó! Một ông công chức bị ra tòa chỉ vì đã muốn nhận nuôi một người con gái nhỏ để làm con nuôi, khi ông đã có gia đình con đàn. Kết quả của sự nuôi con nuôi này, là cha mẹ «cô gái mất tích» kia đã thừa ông ta về tội dụ dỗ gái vị thành niên.

Nếu phải... vác chiếu ra Tòa vì tội mà mình không hề có tư

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chính PENICILLINE-G

tưởng bây bạ thì thật là... vô mặt và đau như hoạn.

Trái lại, lại có nhiều cô hay cậu phải nhờ định chính là mình không hề có cần tìm bạn, không hề có đăng báo, đó chỉ là do một kẻ «phá hoại» đã nhân danh tên mình để phá chời.

Chuyện này thì... miễn bần.

Lại nữa, đọc những lời tìm nhau trên báo chỉ ta thấy «thiên hạ» ham dân nhà binh quá t.ời. Thời chiến có khác, «trại khôn tìm vợ chợ đông, gái khôn tìm chồng giữa ch n ba quân». Các chàng trai đang ở trong quân tha hồ mà sương nguyệt. Anh tiền tuyến, em hậu phương mà !

Đây này :

... Lứa tuổi đôi mươi ước muốn được làm quen với anh bạn tuổi từ 24-30, ưu tiên trong giới «kaki» của các đơn vị tác chiến hoặc các anh còn đang thụ huấn quân trường KBC 4028 và kbc 4 100..

(Ghi chú : thú thật tôi cũng không rõ hai kbc ghi trên ở đâu và là... cái gì l vậy mà mấy em hậu phương biết hết, biết rõ)

Hoặc :

... nữ sinh đôi tám, không đẹp tếu, thích ciné, picnic nhạc thời trang, bài phố, soi kem. Mong đón nhận những cánh thư từ 4 vùng chiến thuật, những anh thụ huấn ở Nha Trang Thủ Đức, Đà Lạt, lính phải ba gai, đánh giặc giỏi, không cần bỏ..

(ghi chú) : nếu các em gái hậu phương mong các anh ở bốn vùng chiến thuật đánh giặc giỏi thì... nhất rồi, nhưng muốn các anh phải là «lính ba gai» thì quá... ác đấy nhé !)

Đại loại những lời của em gái

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGOT

hậu phương muốn tìm các anh trai ở tiền tuyến là như vậy.

Và trái lại, các anh trai tiền tuyến cũng cần tìm các em không ít. Như :

... lính 24 tuổi khóa 9168 (...) ra trường hiện đang hành quân khu 32. CT (...) Thích hình cảm văn nghệ, nghệ thuật thương mền lính xin gửi về cho... đại đội (...) KBC (...)

Nếu ta lấy mắt khách quan mà nhìn, thì những lời tìm nhau đó chẳng có chi là quan trọng cả. Và đó là vấn đề tự do cá nhân. Nhưng khi coi tờ chiến sĩ Cộng Hòa, tôi lại thấy nó không đơn giản như vậy. Vì Bộ Tổng Tham Mưu đã ban hành một SVVT lưu ý các đơn vị trưởng giải thích sâu rộng cho quân nhân các cấp hiểu rõ hạn chế tối đa việc trao đổi thư từ với những người chưa quen biết và cần thận trọng trong việc «Tìm Bạn Bốn Phương» vì :

«Nơi mục này, đã có đủ chi

tiết liên quan đến cá nhân : danh tánh, cấp bậc, đơn vị, công tác đảm nhiệm, sở thích và quan niệm cá nhân, nơi đồn trú hoặc địa điểm công tác, như vậy địch có thể lợi dụng bằng cách giới thiệu các nam nữ cán bộ binh vận của chúng trao đổi thư từ và biết bạn theo sở thích cá nhân và một khi tình bạn thâm thiết, địch sẽ dùng áp lực để móc nối, xử dụng các quân nhân vào những công tác có lợi cho chúng (cung cấp tin tức phá hoại nội tuyến, vv..) và vân vân nhiều nhiều...

Với những lời lẽ cảnh giác trên đây, tôi xin miễn góp ý kiến vì tôi là dân sĩ-vin chính cống.

Còn các anh trai tiền tuyến và các em gái hậu phương nghĩ sao ? ?

ANACINE

TRỊ PHONG NGỪA

MỀ ĐAY, HO, SUYỀN



Tôi yêu «Em mười sáu» (1)

Ngày vào lính hồn tôi còn bơ ngỡ
 Dáng thơ sinh chưa đượm vẻ phong trần.
 Tay then thùng ôm chặt lấy thân Em,
 Tuổi mười sáu Em dễ yêu làm sao ấy
 Một tuần lễ tôi không còn e ngại
 Tay sờ mó rồi sờ khắp châu thân
 Mắt tình nghịch liếc nhìn qua «lỗ chiếu»
 «Đỉnh đầu Ruồi» tay đưa lại biết bao lần.
 Tay nhẹ bốp Em cười lên sung sướng,
 Em cười vang khi tôi bốp liên hồi
 «Mùi hương» tỏa khoái lòng tôi ghi chặt
 Khẽ nói lên Em Mười Sáu hồi cô em mười Sáu
 Kể từ đây nàng là «vợ» của ta rồi
 Đêm nào lạnh hoặc gối đầu, má áp
 Hay ôm vào lòng sau phiên gác đêm thâu
 Em hãy ngủ cùng ta em hãy ngủ
 Tuổi vào đời còn trẻ lắm em ơi
 Ta yêu Em và yêu lắm em ơi
 Hồi cô em mười sáu hãy cùng ta xây dựng
 Tôi ghi chặt, tay lại càng ghi chặt
 Viết vào lòng khẽ nói tiếng «Yêu Em»
 Em Mười Sáu ta cùng em xây mộng đẹp

KS1DBSQ HUỲNH NGỌC HẢI
 Tiểu Đoàn Nguyễn Huệ KBC 4091

(1) Em mười sáu tức là khẩu súng M 16

PHÓNG SỰ CỔ NHỊ VIỆN

Một em bé người Thượng, tên là MONT CHILD

□ NGUYỄN THUỘC

giải thích :

— Thưa, tên em này là Mont Child ..

TẠI một cơ quan từ thiện ở Saigon, khách hỏi một em bé người Thượng chưa quá 4 tuổi :

— Ba má cháu ở đâu ?

Đưa bé ngoan ngoan trả lời :

— Dạ, ba má cháu chết hết rồi...

Khách có phần xao xuyến trong lòng, đưa tay vuốt mái tóc đen huyền của đứa bé, rồi chậm rãi hỏi tiếp :

— Cháu tên gì ?

— Con tên... M. o. n. t C. h. i. l. d.

Thấy khách tỏ vẻ ngạc nhiên, không hiểu em bé muốn nói gì, nhân viên của cơ quan từ thiện

Khách vẫn ngỡ ngàng, chưa hiểu gì ? Tại sao lại tên là Mont Child ? Khách đã được giới thiệu, đây là một đứa trẻ người Thượng, mà chữ Thượng đâu có chữ Mont Child, nếu Mont Child là tên Việt Nam cũng không phải nốt. Vậy tại sao em bé Thượng này lại có cái tên lạ lùng là Mont Child ?

Nhân viên cơ quan từ thiện một lần nữa lại kể cho một người khách mới nghe câu chuyện về em Mont Child.

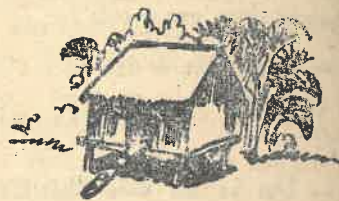
Chính chiến tranh Việt Nam đã tạo ra cái tên Mont Child này !

Cách nay chưa quá sáu tháng, em bé có cái tên Mont Child này sống trong gia đình em ở một Sóc của đồng bào Thượng, đã trở thành bãi chiến trường. Hàng ngàn tấn bom đạn đủ loại của đối bên đã rót vào khu vực này. Cả khu rừng núi của Miền Cao Nguyên trong đó có gia đình của em Mont Child hoàn toàn chìm trong biển lửa suốt cả tuần lễ. Lực lượng đối bên tranh nhau từng tấc đất, chẳng ai nhường ai. Sau cùng phía lực lượng Đồng minh dốc toàn lực tấn công, tiếng súng bên phía địch thưa dần rồi im hẳn. Người ta có cảm tưởng rằng, trong khu vực này không còn một sinh vật gì có thể sống sót được. Các đơn vị tiên phong của Đồng minh được lệnh tiến sâu vào khu vực mà địch đã chiếm làm phòng tuyến trước đây, để thu chiến lợi phẩm đồng thời truy kích địch. Đến triền núi, binh sĩ của một đơn vị tiên phong Đồng minh đã phải giục mình đứng lại, khi thấy có một số nhà đồ nát, đó đây còn nghi ngút khói, chứng tỏ đó là những căn nhà của một số gia đình Thượng sống rải rác

ở vùng rừng núi.

Viên Đại Tá chỉ huy của Đồng Minh cấp tốc ra lệnh cho binh sĩ tìm cứu những người còn sống sót.

Nhưng trước hỏa lực tàn khốc của đối bên trong suốt cả tuần lễ, còn ai có thể sống sót được? Viên Đại Tá buồn bã quan sát kỹ các ngôi nhà bị nạn một lần



nữa, khi đến một căn nhà cuối cùng, ông thấy hình như có một vật gì lay động, tức thì ra lệnh cho binh sĩ nằm xuống, mũi súng hướng về nơi khả nghi.

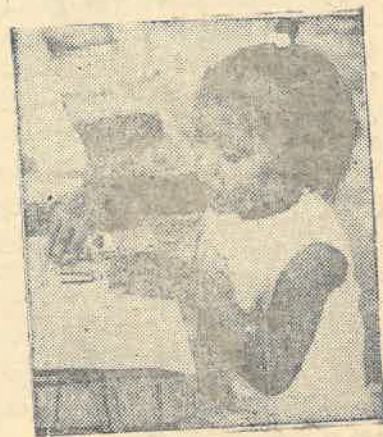
Nhưng viên Đại Tá và các binh sĩ theo ông, sau khi quan sát cẩn thận đã tỏ ra vô cùng kinh ngạc khi biết rằng đó là một em bé. Khi đến gần thì thấy em bé nằm thoi thóp, mắt đỏ ngầu, mình mẩy

đầy máu, đang nằm chờ chết bên cạnh nhiều xác chết, tất cả đều là người Thượng, có lẽ là cha mẹ, và anh em của đứa bé đáng thương này...

Không ai bảo ai, mọi người chứng kiến cảnh tượng bi thương này đã chạy nhanh về nơi đứa bé đang nằm. Hình như đứa bé đã kêu gào khóc thét từ lâu, nên bây giờ đã tắt tiếng, mắt nó nhìn mọi người một cách yếu ớt, nhưng vẫn biểu lộ được sự mừng rỡ, có lẽ nó chờ đợi phút này từ lâu... Những căn nhà đồ nát gần đây vẫn còn cháy nghi ngút. Từ xa tiếng bom đạn vẫn nổ rền, những cụm khói không lồ lại bốc lên cao, nhiều cuộc đụng độ mới lại vừa xảy ra. Bom đạn gầm thét vang rền gần như muốn đốt cháy cả khu rừng núi thâm u ở Miền Cao Nguyên này.

Viên Đại Tá Đồng Minh sau khi cho cứu cấp tạm thời đứa bé, đã cho gọi trực thăng đem em về cứu chữa cũng trong một bệnh viện Đồng Minh tại một Tỉnh Lỵ gần đây. Em bé được săn sóc rất cẩn thận, và gần như ngày nào

nếu không có hành quân, viên Đại Tá Đồng Minh, đã tìm được em ở giữa rừng sâu, đều đến thăm em ở Bệnh Viện. Một tháng sau, đứa bé bình phục, nhưng em đã trở thành một phế nhân cụt mất chơn mắt. Vì thấy em bé đã là một đứa trẻ không gia đình,



không còn cha mẹ, anh em gì cả, viên Đại Tá đã lãnh về nuôi dưỡng. Và cho đến bây giờ, người ta vẫn không biết tên em bé là gì, nhưng người lính Đồng Minh và cả viên Đại Tá nuôi em, khi kể đến trường hợp của em đều gọi em là "đứa trẻ ở trên

núi», do đó mà em bé Thượng đã được mọi người dùng chữ «Mont Child» để chỉ em, và em đã mang luôn tên là «Mont Child» kể từ đó.

Em Mont Child lúc đó mới hơn ba tuổi, lúc đầu em bập bẹ bằng tiếng Thượng, nhưng không ai biết em nói gì cả. Nhưng sau một thời gian gần 2 tháng sống với những người Đồng Minh Mỹ, em đã biết nói những tiếng Mỹ đầu tiên như những trẻ em người Mỹ khác, và quên dần tiếng Thượng đi. Một tháng sau, viên Đại Tá được lệnh nhận công tác mới, phải đi xa không thể tiếp tục nuôi em Mont Child được, và một tổ chức từ thiện ở Saigon hay được câu chuyện thương tâm này nên đã lên Cao nguyên xin lãnh đem về nuôi ở một Trung Tâm dành cho trẻ em tàn phế ở Saigon. Em Mont Child thông minh lạ thường, mới sống có 2 tháng với người Việt Nam, mà em đã nói tiếng Việt Nam rất mau, em lại tỏ ra rất khôn ngoan, và luôn luôn tươi cười mỗi khi có ai hỏi đến mình.

Ngày nay em Mont Child đã lên 4 tuổi, cơ quan từ thiện đã lắp cho em một chân giả, và em đã sử dụng một cây nạng nhỏ dành cho em. Em đã đi lại, nô đùa bằng cái chân giả và cây nạng như những nhanh nhẹn không kém gì các em bình thường.

Có lẽ trong trí óc non nớt của em, em đã quên hẳn giả định âm cúng của mình ở miền rừng núi Cao Nguyên cách nay một năm rồi. Không biết khi trưởng thành, em có biết được rằng mình là một đứa trẻ duy nhất được sống sót một cách lạ lùng ở vùng rừng núi nơi sinh trưởng của em không? Và không biết lúc đó cuộc chiến tranh đã tạo cho em cái tên Mont Child và làm cho em phải sống cảnh cô cút có chấm dứt hay chưa?



MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Từ «CHIM MÁY» tới «MÁY NGƯỜI»

● CHU-MINH-THỤY

Từ ngàn xưa, con người đã nghĩ tới việc chế tạo các đồ vật có thể chuyển động, bắt chước các cử động của con người và sinh vật. Có khi động cơ thúc đẩy tùy thuộc phạm vi tín ngưỡng, có khi chỉ có mục đích giải trí, nhưng động cơ quan trọng nhất vẫn là làm nhẹ bớt sự cực nhọc của con người trong cuộc sống hằng ngày.

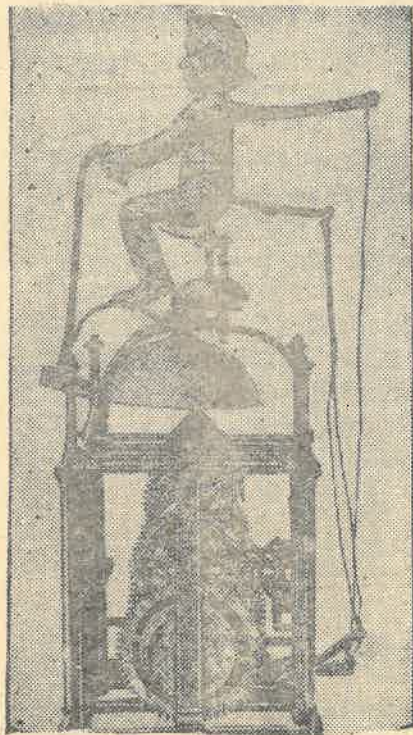
Vào thời Thượng cổ, khoảng thế kỷ thứ 2 trước Tây lịch, một toán học gia kiêm vật lý gia Hi-lạp, tên Héron d'Alemandrie đã làm được những con chim máy, người máy chuyển động bằng cát. Archytas de Tarente thì làm một con bồ câu có thể bay và kêu ra tiếng.

Ở thời Trung cổ, người ta chế tạo loại «jacquemarts» một thứ đồng hồ có nhân vật gõ giờ bằng búa, hoặc nhân vật tượng trưng thần thánh biết cử động. Chiếc nổi tiếng nhất hiện vẫn còn để trong châu thành Strasbourg, do gia đình Unge-rer nối nghiệp nhau chăm sóc.

Vào năm 1340, trên chiếc đồng hồ của tu viện Cluny, người ta thấy có một tấm lịch chỉ năm, tháng, ngày, giờ, phút một tấm lịch «đạo» chỉ ngày lễ, tế lễ, các xung khắc của trăng sao, các tuần trăng và sự chuyển vận của mặt trời. Có hình nộm diễn tả mấy cảnh trong thánh kinh; có gà đập cánh gáy hai lần để báo giờ.

TỪ CHIM MÀY

Có hình Chúa trời ban phúc lành, đoạn sau đó tất cả hình nộm đều đi vô trong, cùng lúc với tiếng chuông, tiếng kiềng đồ liên hồi.,, Cũng cùng lúc ấy



một số quái vật le lười, trơn mắt như hăm dọa đoàn người tự tin ấy.

Tới thế kỷ 18, — thế kỷ của xe hoa trong giai cấp quý tộc và trường giả, mà nước Pháp là trung tâm và đại diện — nghệ thuật làm «*automates*» (hình nộm có thể cử động) tiến đến mức tinh vi. Người ta thấy những con chim kêu hót trong lồng nhờ chuông thủy lực, chim đập cánh nhờ bánh xe có răng cưa, hoặc hót nhờ ống thổi. Nhiều hình nộm có thể làm cho người ngày nay kinh ngạc. Chẳng hạn, trên một cái kiềng soi mặt, loại cầm tay của đàn bà, có gắn một bông hồng bằng kim khí. Hễ bông nở ra, người thấy xuất hiện một con chim nhỏ xiu, vừa xum xoe vừa hót.

Trong số các nhà chế tạo automates tài ba, người ta có thể kể Vaucanson, người đã sáng chế sợi giấy sên và toán vi phân. Vaucanson làm một hình nộm rất nổi tiếng, mệnh danh «*Kẻ thổi Sáo*», nhưng tiếc là bị đập nát vào năm 1792, thời Cách mạng Pháp.

Hiện nay, tại Conservatoire des Arts et Métiers ở Paris,

TỪ CHIM MÀY

người ta còn giữ được nguyên vẹn một hình nộm nổi tiếng. Nhưng trước khi bước vào ngành ảo thuật, Haudin là thợ sửa đồng hồ. Vì vậy, ông chế ra được một automate lấy tên «*Leçon de chant*» (Dạy hát) gồm một người đàn bà ngồi trước bao lơn trên đề một máy phát nhạc; và gần đó có một con chim đậu trên giá. Người đàn bà quay ma ni vên máy phát nhạc. Con chim rón lập lại, nhưng trật giọng. Người đàn bà quay máy lại, và cứ như vậy cho tới khi chim hót đúng bản:

Ở thế kỷ 20, danh từ «*automate*» không còn giữ nguyên ý nghĩa như trước.

«*Automate*» dùng để chỉ một thứ máy thực dụng, không chút dính líu tới nghệ thuật hoặc giải trí tiêu khiển, — mà có nhiệm vụ thi hành các công việc thay thế cho người.

Độ 100 năm trở lại đây, kỹ nghệ đã sử dụng các loại «*máy dụng cụ*» (*machines-outils*) chẳng hạn máy gói hàng; máy cưa cắt, máy chế nước ngọt vô

chai rồi đóng nút. v.v...

Nhưng các máy này chỉ thay thế năng lực của bắp thịt. Sự xuất hiện của những máy tính điện tử (*calculateurs électroniques*, viết tắt là C.E.), tức óc điện tử (*cerveaux électroniques*), tức «*ordinateurs*», đã làm đảo lộn cả nền kỹ nghệ hiện nay. Người ta coi đó là một sự cách mạng, có thể thay đổi cả cơ cấu của nền văn minh cơ khí. Chỉ cần sự phối hợp giữa một người và một óc điện tử, là có thể điều hành nguyên một cửa hàng bán lẻ, một lò luyện kim, hoặc dịch một pho sách cổ.

Thiệt ra, loại «*máy người*» này có nguồn gốc xa xôi trong lịch sử nhân loại. Căn bản của nó là chiếc máy tính, mà bàn tính (*boulier*) của người Tàu — hiện họ vẫn sử dụng — là một trong những thành công sơ đẳng nhất. Nhưng phải đợi tới năm 1623, loại máy tính thiết sự mới ra đời, do Schickard, chế tạo. Kế đó là của Pascal

TỜ CHIM MÁY

(1639), nhà toán học và triết gia nổi tiếng.

Các máy này sử dụng bánh xe có răng cưa và thuộc loại «*digitales*» (do tiếng Anh *digit*: số), chỉ tính toán được các hàng số nguyên (*nombres entiers*). Một loại thứ hai, có tên «*analogiques*» có thể tính toán cho số lượng liên tục, được chuyển động bằng điện hoặc điện giải.

Để trở thành một ordina-
teur, các máy tính cần được bổ
túc về 2 phương diện :

— *programmation*, nhờ
các mạch điện có diodes và
transistors, để thu nhận và hiểu
các ký hiệu.

— *mémoires magnétiques*



● Hạnh phúc duy-nhất là đợi chờ hạnh phúc.

SAÁDI (Thi hào A Ráp)

(ký ức nhờ các bộ phận có từ
(tính để giữ gìn tạm thời hay
thiết thọ các câu giải đáp).

Nhờ các tiến bộ trong địa
hạt điện tử (transistor, mạch
điện in), người ta càng ngày
càng tới gần thiên nhiên. Chẳng
hạn, một mảnh thủy tinh chỉ
có vài ly khối thể tích, mà ngày
nay có thể chứa hơn 50 mạch
điện... nghĩa là gần bằng các tế
bào thần kinh rồi.

Tuy vậy hiện nay, các ordi-
nateurs vẫn phải cần có người
điều khiển. Những người này
rất được ưu đãi và thường
được gọi là «*opérateur*» «*pro-
grammeur*», «*analyste*»... tùy
nhiệm vụ đảm trách.



Điệp khúc tạ từ

Tôi hát bài ca lời ca quỉ dữ
Về trần gian quẩn quít một linh hồn
Tôi dạo hết cung đàn mang hình hài lũ thú
Tìm ẩn tình với sóng bể về đêm !!!
Tôi nói tiếng trầm cùng con chim mộng
Knóc miệt mài, rồi tổ cất cánh bay
Tiếng hát đầu tiên tiếng hát từng ngày
Còn khắc khoải cùng linh hồn than thánh
Tôi hét âm vang cho trời thối động
Ru đàn chim ngủ giấc ngủ miệt mài
Trời đông qua xin nhận lấy bờ vai
Ru tất cả ngủ vui trong gió rét
Tôi hát bài ca lời tình vừa chết
Bằng âm thanh của khói thuốc tàn bay
Hơi rượu nồng, cay đắng ở chũm ngày
Về cầu tạo một thiên đường ảo tưởng ?
Tôi nói tiếng phù và lời chứng tượng
Điệp khúc tạ từ còn mãi dư âm
Tôi dạo cả đề làm chim rừng núi
Năm ngủ vui với cảnh sắc... vừa tan !

THÂM GIANG

(b.n. Tuổi Hôn Này)

Trường của các bà

Duyên dáng và vẻ đẹp có thể học được

★ ĐÀO-THỊ NGỌC-DIỆP
(Manich)

CHÚNG tôi đi thăm bà Marlies Scholz, người sáng lập và quản đốc «Trường của các bà» ở Köln Dusseldorf. Nhà trường quy tụ nhiều người đẹp các nước, trong số đó cả một Hoa khôi quốc tế. Tại đây các mệnh phụ từ Bonn đã nghe những lời chỉ dẫn, học cách thức xã giao và thời trang.

Trường tọa lạc trên từng thềm nhất của một căn nhà mỹ lệ giữa thành phố Cologne bên bờ sông Rhin ngan năm cổ kính. Marlies Scholz, người đàn bà tóc vàng đẹp lịch sự, duyên dáng, đã từng học điêu khắc từng làm việc tại trường khâu mẫu Munich và tốt nghiệp một lớp đào luyện sửa sắc đẹp. Bà thường được các phóng viên, ký giả gọi là «Người đàn bà với đôi mắt thấu thiết như quang tuyến», bà có thể nhận

biết ngay lúc đầu những gì cần phải làm cho một vẻ đẹp còn tiềm ẩn. Chúng tôi gọi chuyện với bà ngay về khả năng này của bà. «Các Ông hãy tự nhìn xem», bà nói: «Trước kia sau đó» là 2 trang của 1 tờ quảng cáo có in hình — trước khi theo học và sau khi đã học xong. Chúng tôi nhìn một cô giáo sư trung học, từ một người khá kình có vẻ soi mói dễ giận dữ, biến thành một người đàn bà duyên dáng vui vẻ; lại một bà nội trợ bình dị, từ chỗ không biết đề ter và ăn mặc ra sao, ở trang sau đã trở nên rạng rỡ như một cô kiều mẫu thời trang hay một cô làm mẫu chụp ảnh đang mỉm miệng cười. Dưới một trường hợp hóa thân trở thành mỹ lệ khác chỉ thấy một giống chữ vắn tắt; «Theo ý lang quân», và cứ như thế tiếp tục...

TRƯỜNG CỦA

Chẳng có phù phép gì trong việc biến đổi đó hết, mà chỉ là một hệ thống những lời khuyên cáo và những giờ học: lời khuyên về thời trang, mua bán áo quần, cách thức ăn uống, thể dục, trang điểm, kiểu tóc, cách giao tiếp cho đúng, lòng tự tin giữa đám đông, cách đối thoại thế nào...v.v...

«Bà thấy phụ nữ Đức ngày nay cũng có cái may mắn như chị em họ ở bất kỳ đâu trên thế giới chứ?», chúng tôi hỏi chuyên viên sắc đẹp Marlies Scholz thế. Chiếc áo «tricot» thể thao đen thích hợp nhất đối với phụ nữ Đức hiện nay. Người đàn bà Đức có cặp đùi đẹp hơn phụ nữ Pháp, hình dáng đẹp hơn phụ nữ Anh, lưng thon hơn phụ nữ Ý. Khi mà người đàn bà Đức lại duyên dáng, hiểu biết về thời trang hơn nữa thì...

Đàn bà cũng có thể làm nên sự nghiệp

Lái xe từ Bonn đến Cologne chỉ cần 30 phút. Ở thủ đô Cộng hòa Liên bang Đức (Bonn) hiện nay có nhiều đáng m y râu làm nên sự nghiệp. Các bà vợ bỗng

nhien vì thế phải xuất hiện tiếp tân, nhưng chính điều đó các bà chưa hề học. Một số lớn các bà đã trang bị cho mình bằng những kiến thức học ở Marlies Scholz (tọa Cologne). Dĩ nhiên các bà làm việc đó âm thầm, không hề rầy rầy với ai ngay cả với bà bạn thân nhất. Chuyện đi học ở trường dạy duyên dáng đối với người đàn bà bình thường của giới thượng lưu vẫn là một điều tối kỵ, không được tiết lộ. Hoặc người ta có duyên hay không, chỉ vậy thôi.

Duyên dáng cần luyện tập

«Không ai đã được sửa soạn trong hôn nhân một cách đúng đắn về tâm lý», đó là sự tin tưởng của Marlies Scholz — bà quản đốc nhà trường. Nhiều bà không một lần để cho chồng đọc báo, và chiều đến khi «chàng» mệt mỏi trở về sau công việc nghề nghiệp, «chàng» lại phải thấy những điều khác hẳn sự an dưỡng cần thiết. Do đó Marlies đã mở một lớp cho những cặp vợ chồng chưa cưới, và thử đào tạo những cô học

trò của mình thành những người vợ hiền lý tưởng.

Là quản đốc một trường dạy duyên dáng thật vất vả vô cùng. Nữ sinh của trường say mê học và ham biết hơn bất cứ một trường nào khác trên thế giới. Dĩ nhiên Marlies có nhiều nữ phụ tá, nhưng gánh nặng vẫn ở nơi bà, đồng thời chính bà là hiện thân sống động của nhà trường — phải luôn luôn duyên dáng tốt bụng. Bà Marlies Scholz thừa hiểu rằng bên cạnh những mỹ phẩm đầy hiệu lực khác, ánh nắng mặt trời, gió, thiên nhiên và thể thao là những

mỹ phẩm giản dị nhất. Thường nếu có thể là đã từ bỏ đời sống thị thành để lui về căn nhà của mình ở đồng quê gần Cologne. Bấy chớ, đàn ngựa của bà và công việc chăm lo trồng tảo đối với bà là niềm hoan lạc và sự nghỉ ngơi tinh dưỡng. Ngoài ra trong những tháng hè cả trường đắp máy bay về miền Nam, sang Thụy sĩ. Ở đó cả các bà Thụy sĩ cũng đi học cùng nữ sinh Đức của nhà trường, trường của sự thanh công của phái yếu.

ĐÀO THỊ NGỌC DIỆP
(Dịch theo Herta Herbst)

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện-thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỦ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN.
NHÃN CỜ ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon TİM 2.701 THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN



Đọc lại tác phẩm của một người vừa chết

● LAN-DÌNH

MỚI mười lăm hôm trước, buổi tối, Song Linh Nguyễn văn Nghiêm — đi với em rể, Tuấn Huy — còn đến nhà tôi, rủ đi uống rượu. Song Linh bảo «mới từ mặt trận về» rồi cười khà khà» (cái tật đưa đà câu chuyện của hắn) Bấy giờ, Song Linh rất lẫn lộn trong bộ đồ Thủy quân Lục chiến hoa hoét, lon Đại úy, kiểu tóc móng lừa, nước da bồ hóng và béo lẳn.

Tôi đang tay búa tay đinh, treo đồ bức sơn dầu «Sát Cánh» của Phạm Cơ cho, mồ hôi, quần đùi may-ô. Ngại ra tiệm, nên

đã giữ họ (Hai người anh vợ em rể Văn hữu), ở nhà, uống trà, lại chuyện viết lách.

Mười lăm hôm sau, buổi sáng, tôi vừa tới sở, đã có gậy nói, tiếng Tuấn Huy như khóc, «LĐ ơi, Song Linh chết rồi tôi ạ, chiều thứ bảy, ở Kiến Hòa».

Ngày hôm sau, đưa đám Song Linh, cái ngày 27-1-1970, tôi bị đóng đinh vào phận sự, không thể nào dứt ra đi tiễn Song Linh về nghĩa trang. Tôi chỉ dành quần áo chỉnh tề, khăn thần : «Song Linh, mày sống khôn chết thiêng, hãy biết cho tao»!

Đêm nay, đứng mãi trước tủ sách rồi tôi lấy ra tập truyện «Thức Giấc Nửa Khuya» của Song Linh. Với tôi, quyển sách này chưa đọc đã thấy Văn nghệ rồi. Trịnh Can vẽ bìa, vẽ cả Song Linh nữa. Nguyên Sa đề tựa. Đặng Tiến tán thưởng. «Văn» xuất bản.

Tôi cần nói ngay «Văn» ở đây là của riêng Song Linh và một số thân hữu (không phải tạp chí «Văn»).

Từ năm 1958, Song Linh đã khoe tôi «Văn» của hắn rồi Song. Linh với hai người bạn con cháu cần làm đồ, một là sĩ quan quân y, một là giáo sư Trung học, tháng tháng lĩnh lương lại chưa rở sổ tiền, gửi vào quỹ tiết kiệm, để xây vốn làm nhà xuất bản, sẽ in sách cho nhau. Văn. Khởi sự là «Thức Giấc Nửa Khuya» năm 1964.

Hồi hai đứa đều còn độc thân, tôi đã vay quỹ của Song Linh 3.000đ (sổ tiền bấy giờ to lắm hơn cả lương tôi), để đánh xi. Tôi đó Song Linh từ Vũng Tàu

(hắn còn là huấn luyện viên của Trường thiếu sinh quân) về «căn gác hợp giấy» của tôi ở Bùn Cỏ, định nói chuyện văn nghệ. Nhưng tôi đang thua bài chỉ hỏi vay tiền. Hắn đưa, và «khà khà» tiền của vẫn đầy nhé. Năm tôi có con đầu lòng, mới gửi trả song linh món nợ «ngày xưa». Hắn viết thư về: «Tên này khá nhỉ, sòng phẳng thế?». Bấy giờ hắn đã lên Trung úy, đã sang Biệt Động Quân, nằm ở Vùng 2.

Còn nhiều kỷ niệm nhớ đời khác nữa giữa Song Linh và tôi. Trong đám cưới của tôi, hắn ngâm toáng lên... «Màu tím hoa sim» của Hữu Loan! Đám cưới nó, vợ tôi vừa xảy thai còn nằm nhà thương, tôi đành vác bộ ly của người ta đã mừng tôi đem đi mừng lại nó! Một bàn gồm Thanh Nam, Tuấn Huy, Ninh Chữ, Thế Hoài, Đặng Giao, và tôi. Thanh Nam viết một bài thơ Đường, đọc tôi ngâm tôi ngượng, lắc đầu, và Song linh.. «khà khà».

Tôi lần giở từng trang «Thức giấc nửa khuya». Những chỗ đánh

dấu bút chì đỏ, của tôi, hồi trước còn đó. Tôi vẫn cho rằng Song linh đã viết văn hơn là viết truyện. Tôi muốn nói Song linh «viết khó», câu nào cũng phải cân nhắc lựa lọc, chỉnh đốn. *Tờ giấy*



Song Linh đứng bên Trịnh-Hải, trong tiệc cưới.

trắng như bụng người con gái trong đêm tân hôn hoen lấm tàn thuốc và vết mực. (Trong «Khởi Đầu»). Văn Song Linh đó. Đọc bất cứ chỗ nào, suốt 288 trang, đều có những giòng chữ dài mãi như vậy. *Tiếng đàn của nó từng từng cục cằn như người ngồi xồm mà vắng tục* (Khởi Đầu). Cũng ở Khởi Đầu, Song Linh cho Tú đứng trong cửa sổ trên toa xe lửa nhìn lại một vùng đêm: (...) *thành phố quần tụ ánh đèn*.

Mới đây có lần đi xa về, lúc máy bay sắp đáp xuống Sài Gòn ban đêm, tôi đã khờ nhọc lắm, mà vẫn «chết chữ» đề dùng cho một vùng bóng điện sao sa, nó nức đó. Cho nên tôi rất đặc ý với ngôn ngữ «quần tụ» của Song Linh, để riêng thì rất thường, nhưng đặt đúng chỗ, đến hay.

Đôi lá mứt và hàng mi đen hạ xuống, tối như bóng đêm thở dài (trong Mùa Xuân Giấc Ngủ).

Những bờ gai xồm chuỗi lừ

về đăng sau *liên liên* (trong *Lối Đi*).

Hàng điện ông cần cù soi
lạnh tâm sự phổ đêm (*Độc Thoại*)

Độc Song Linh, phải nằm, lúc
trước khi đi ngủ, hoặc buổi trưa
ra ngồi ngoài vườn, hoặc nửa
buổi sáng như sáng chủ nhật,
không thể đọc «chụp dật» trong
bữa, điểm tâm, ngoài chợ, hay ở
bàn giấy, cho «đã ghiền» trước
khi còn bận việc khác.

Bởi vì Song Linh không viết
cho những nỗi buồn suốt
mướt những giọt nước mắt
dễ dãi của những người con
gái mơ mộng, yếu đuối đã
lớn lên bằng những cơn
trơn tiêu thuyết. (Khởi Đầu).

Nguyên Sa đã từng nhận thấy:

Người văn nghệ chiến sĩ
Biệt Động Quân ấy (...) đi vào
bão táp (...) vẫn không quên
những đêm «Trăng Sáng
Muộn» những ngày «Nắng
Đồi Ngồi», những «Tiếng
chân độc thoại» «Những
Ngày Xa Vắng» những
«Chuyến tàu khuya»...

Nguyên Sa gọi Song Linh là
«Viên ngọc tinh luyện ở đáy biển
sâu, ở trong cùg thạch động».

Nguyên Sa vừa nói về tâm
vóc. Đặng Tiến phân chất :
«Song Linh mang cái khát vọng
của một lứa tuổi không có tình
yêu»...

Tôi xin viện dẫn thêm : Song
Linh không biết hút thuốc lá,
không biết đánh bạc, và chỉ mới
biết uống rượu hồi gần đây thôi.

Trong tác phẩm, có chỗ Song
Linh đã viết : Anh mất mát
quá nhiều rồi. Phần còn lại
bây giờ anh tự nguyện không
để kẻ nào lợi dụng nữa.
Nó sẽ dành cho...

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa Lan

Và có tiếng gọi «Trịnh ơi !»
«Trịnh» ở đây, tôi chắc là
Trịnh thị Hải, vợ Song Linh.
Tôi còn nhớ chuyện hai người.
Hải có em trai, Sĩ quan quân y,
là bạn nhà binh của Song Linh.
Hải vẫn đọc Song Linh, phục lắm,
nhưng mãi mới biết Song Linh,
cái hôm ngẫu nhiên người em
giết Song Linh về nhà, ăn cơm...
«Anh mất mát quá nhiều rồi» ?
Ở gia đình, bà di ghê cứ rửa
«thật chẳng khác con mẹ nó tí
nào» và «anh» chỉ khóc : «Đi
đánh con đi. Đi đừng chửi mẹ
con. Mẹ con chết rồi».

Trong «Thức giấc nửa khuya»
có một truyện có chuyện nhất là
«Tiếng Chân Độc Thoại». Một
người đã giết ba người trên
đường đi tìm tri kỷ. Nhất là,
chồng đã giết vợ, vợ đẹp, vợ
cưng, giết bằng cách bóp cổ chỉ vì
chồng về cái xe vợ cứ nhìn ra
cái cùi đĩa...

Đủ biết, trước kia Song Linh
đã có đơn lắm lắm.

Hồi còn đi học, có thằng bạn,

về quê nghỉ hè bị chó dại cắn chết
tôi đến chia buồn, bà mẹ nó đã
khóc lán ra ngắt đi. Tôi đang sợ
bài này của mình cũng chỉ làm
khổ thêm gia đình Song Linh.

Có lẽ tôi lại cần đưa ra nguyên
do dẫn mình vào đây ? Tôi đã
tìm đọc khá đủ những giọng chữ
người ta đăng báo chia buồn về
Song Linh. Thiếu tá Nguyễn văn
Nghiem. Chết đi, Song Linh
được truy thăng Thiếu tá, một
cách ghi công.

Thì tôi rất muốn nhắc nhở,
làm chứng, rằng : Hơn nữa,
Song Linh còn để lại trên đời
một tác phẩm, đúng là tác
phẩm.



Tìm hiểu vị thủy tổ khoa Sử Học Đông Phương

Tư-Mã-Thiên

qua bộ Sử Ký của ông

□ NGUYỄN-QUANG-TÔ

● Tư Mã Thiên có phải
thủy tổ khoa Sử học Đông
Phương, nay không ?

Đó là một câu hỏi mà cũng
là tiền đề của bài khảo luận
này. Sở dĩ chúng tôi phải nêu
lên câu hỏi đó trước tiên là vì
đã có người cho rằng : Trước
Tư Mã Thiên tại Trung Hoa
đã có tác giả và tác phẩm lịch
sử rồi, ví dụ ; Kinh Tương-

Thư là bộ ~~sử đầu tiên của~~
Trung-Hoa. Tiếp đó, ~~Kinh~~
Tư với Kinh Xuân-Thu là bộ
sử của nước ~~Lã~~ và ~~H~~
Minh đồng thời với Không tử
với sách Tả-Truyện, nội dung
là phát triển và cụ thể hóa kinh
Xuân-Thu của Không-Tử, tới
cuối thời chiến quốc có bộ Lã-
thị Xuân-Thu của Lã-Bất-Vi
(sau là đại thần của nhà Đinh-
Tần).

Tuy nhiên, những người

NGHIÊN CỨU

nhận định như thế, có thể là
đang rất hời hợt về khoa sử
học. Vì thời kỳ Không-tử, Tả
khâu-Minh cũng như Lã-bất-
Vi mới chỉ là thời kỳ phôi thai
về sử học, vì những tác phẩm
trong thời kỳ đó, chưa có gì
là hoàn bị để gọi là một bộ
lịch sử chính thức. Thiết ra
tới Tư-Mã-Thiên với bộ « Sử
Ký » mới đáng được gọi là một
bộ lịch sử hoàn toàn. Bởi vậy,
hậu thế tôn xưng ông là thủy
tổ khoa sử học Đông phương
mới thiết là đúng.

✧ Vài nét sơ giản về
Tư-Mã-Thiên

Tư-Mã-Thiên, tự Tử-Trường
ngày tháng năm sinh và tử của
ông tới nay đang còn là một
vấn đề nghi vấn. Chỉ biết
ông ra đời và lớn lên
giữa triều đại Hán-Cảnh-
Đế, nguyên quán ở làng Long-
môn nay thuộc tỉnh Thiểm
tây, cũng có thuyết nói ông
người ở Hạ-dương. Tổ tiên
nhiều đời làm sử-quan cho
nhà Chu. Thân phụ ông tên là

Tư-mã-Đàm, giữ chức Thái-
sư - Lệnh triều Hán. Tư-
Mã-Đàm là nhân-vật học thức
uên bác, tinh thông Dịch học
và những khoa Thiên-văn,
địa lý, lịch sử, nghiên cứu
thấu đáo các tư tưởng Không
Phật, Lão, Dương-Chu, Mặc-
địch và Trang-Tử.

Nhờ được cha dạy bảo, lại
có một bản năng thiên phú
thông minh trác tuyệt, mới có
10 tuổi Tư-Mã-Thiên đã đọc
được sách và viết được văn.

Tư-Mã-Thiên sinh ra và
lớn lên giữa giai đoạn lịch-sử
triều Hán đang lúc thịnh trị
lãnh thổ được mở rộng và
thống nhất : phía đông tới
Triều-Tiên, phía nam tới Việt-
Nam, tây nam tới Vân-Nam,

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA

MỀ ĐAY. HO. SUYỀN

phía tây tới Tân-Cương và Trung-Nam. Trên một lãnh thổ rộng lớn bao la như thế, biết bao danh lam, thắng cảnh, kỳ phong dị tục, khiến cho những người thích du ngoạn quan sát phải thêm muốn.



Bởi vậy, năm 20 tuổi, Tư-Mã-Thiên bắt đầu lên đường đi du lịch, quan sát cùng lãnh thổ Trung-Hoa.

Khởi đầu ông đi xuống vùng Hồ-Nam, làm lễ truy niệm Sở Khuất Nguyên là một nhân vật ông rất ngưỡng-mộ; tiếp đó ông lên núi Cửu nghi-sơn, khảo sát về di tích

Nghiêu-Thân. Sau đó ông tới Cốt Kê, Ngũ-Hồ, Hoài-Âm, Tê, Lô, Sở, Lương, Trường-An. Những sông Nguyên, sông Trương, sông Tử, sông Vãn, sông Hoài, Núi Đông-Sơn, núi Vũ-Nguyệt, những danh lam thắng cảnh mà ông đã hằng biết qua sách vở, không chỗ nào ông không tới quan sát tận mắt.

Ngoài những di tích lịch-sử và những danh lam, thắng cảnh, ông còn quan sát nghiên cứu trường tận những nhân tình, phong tục tập quán, kinh-tế, văn-khoa, chính-trị, xã-hội của từng địa phương. Những nơi ông tới quan sát đều ghi bút ký kèm theo những nhận xét và phân tích phê bình, như một nhà khảo cổ, một nhà địa-lý, thực vật, địa chất học, chứ không phải tới xem chơi biết như những người thường khác.

Sau nhiều năm du lịch quan sát, ông trở về triều đình giữ chức Lang-Trung, được nhà vua kính mến.

Vài năm sau đó, ông cùng nhà vua đi tuần-thứ khắp thiên hạ, phía trên tận vùng Hoa Bắc phía dưới tận vùng Hoa Nam, vào tới cả Ba-Thục (Tứ xuyên) và Côn-Minh (Vân-Nam).

Cuộc du lịch của ông trước sau cộng thành 15 năm (từ 20 tuổi tới 35 tuổi).

Đặc tính của Tư-Mã-Thiên là bất kỳ tới chỗ nào liên quan tới vấn đề sử địa, là ông ngừng lại xem xét, phỏng vấn, ghi chép đề sau này dùng vào tài liệu viết sử.

Biết rõ đặc tài và đặc tính của con có thể kế tiếp sự nghiệp của mình hoàn thành bộ quốc sử, nên khi bố ông Tư-mã-Đàm trước giờ lâm chung, gọi ông tới bên giường bệnh mà di chúc rằng: sau khi cha chết, con hãy cố gắng hoàn thành bộ quốc sử mà cha đang bỏ dở. Tư-mã-Thiên ứa lệ vâng lời.

Việc kể trên cho ta thấy rằng, bộ sử ký của Tư-mã-Thiên, bản dự thảo đầu tiên là của bố ông (Tư-Mã-Đàm) mà

ông chỉ là người kế thừa sự.

Ba năm sau, vua Hán cho ông thay cha giữ chức Thái sử lệnh và năm 104, sau khi thu thập được tài liệu nhiều, rồi ông bắt đầu soạn bộ Sử-Ký, năm đó ông 41 tuổi.

Sau hai năm làm việc tận tụy, bộ Sử-Ký mới hoàn thành được một phần, thì tình cờ một việc chẳng may đã xảy tới cho ông, đó là vụ án Lý Lăng. Là một người có biệt tài quan sát, ông biết được họ Lý bị chụp mũ, vu khống oan, cho nên ông thượng sớ lên vua Hán cực lực bênh vực, bảo chữa cho họ Lý, việc làm của ông hoàn toàn trái với bọn triều thần đương thời, nên bọn đó cấu kết lại với nhau chửi thề cho ông cái tội « khi quân ». Hán vũ Đế nổi giận, bắt ông phải chịu một thứ nhục hình nhất đương thời, gọi là « cung hình » (tội thiện dái) cũng gọi là « dịch hoạn », một hình phạt dã man nhất, vô đạo và bẩn thỉu nhất đã làm ông

đau khổ vô cùng. Vụ án Tư mã Thiên, Quách mạt Nhược trong Trung-quốc sử khảo cho là không những chỉ là một vết nhơ trong lịch sử Trung-quốc mà còn là một vết nhơ trong lịch sử nhân loại nữa.

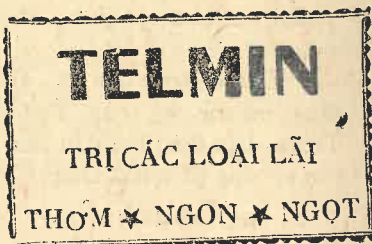
Lúc bấy giờ Tư-mã-Thiên đã có ý tự tử. Một người đầy khí phách cương nghị như Tư-Mã-Thiên, thừa sức làm chuyện đó lắm. Nhưng ông nhớ lại lời đi chúc của cha khi lâm chung, nên ông cố ráng sống lại để hoàn thành bộ Sử Ký.

Sau khi bị thi hành án «Cung hình» Tư-Mã-Thiên lại bị sung vào chức hoạn quan để canh gác cung pại mỹ nữ cho nhà vua, bọn vua chúa phong kiến quá thiệt là tồi.

Từ đó, việc chép sử của ông trở nên khó khăn, nhưng ông vẫn kiên nhẫn để hoàn thành một công tác văn hóa vĩ đại, lý tưởng cao cả của một người cầm bút, riêng ông còn là một việc vâng lời di chúc của cha khi lâm chung nữa.

Bộ Sử Ký của Tư Mã Thiên, ngoài tài liệu lịch sử, nhân sự, còn chứa đựng biết bao tài liệu về danh lam, thắng cảnh, nhân tình, phong tục về người, về tình trạng xã hội, về thồ nghị, sản vật.v.v... cho nên có thể nói Tư Mã Thiên là một nhà nhân chủng, địa chất, khoáng chất và Xã hội học nữa.

Chẳng hạn khi ông quan sát một di tích lịch sử ông đều kèm theo những ý kiến nhận xét rất tinh vi. Ví dụ: khi ông tới nước Sở quan sát đất Phong, đất Bái, tới viếng mộ Tiêu Hà, Tào Tham, Phàn Khoái, Đổng Công, ông ghi nhận: «ở đây tôi đã được nghe mấy cụ già ở địa phương kể cho nghe những chuyện xưa lưu truyền đáng nhớ».



Tưởng nhớ cụ ĐÀO-TẤN

Tác-giả những tuồng Hát bội nổi tiếng

● HOÀNG TRÚC LY

(Tiếp theo P.T 240)

Thực, tôi đã ngạc nhiên khi đọc xong đoạn hồi ký. Tôi không ngờ một lão bà trên 80

tuổi lại có thể xử dụng ngòi bút một cách sáng suốt, mạnh mẽ, linh hoạt đến thế! Tôi lại càng ngạc nhiên khi đọc thơ:

Cảm khái

*Bóng cầu khe cửa thoáng bay qua
Mới đó bình minh đã ập là
Lạc cánh chim uyên vàng nguyệt xế
Vỡ vầng tơ liễu giọt sương sa.*

2

*Vườn Ngự Oanh bay tự thừa nào
Mặt hồ cảm khái ánh trăng sao
Giấc xuân chưa tỉnh nghiêng bình ngọc
Gió lộng rèm châu lạnh gôi đào.*

3

*Trông lớp mây vờn chiếc nhạn xa
Sườn non vừa lặng bóng dương tà*

TƯỜNG NHỚ

Hoa trôi lơ lững bên giòng suối
Mấy độ xuân về mấy độ qua.

4

Cánh mỏng hương quan hện núi sông
Thuyền dơng ngã ngọn gợn hồ trong
Giấc mơ Trang Tử nương hồn bướm
Tiếc đóa hoa xưa nhạt vẻ hồng.

5

Trời khuya bát ngát bến Ngân giang
Cách biệt mà kinh khúc đoạn trường
Ai đứng quảng hàn đêm lạnh buốt
Ai người nhân thế có thâm thương ?

6

Dĩ vãng mơ hồ chạnh nhớ ai
Giòng sông xào xạc sóng ly hoài
Non xanh ấp ủ duyên chờ đợi
Sương tuyết nghìn thu không lạt phai.

7

Bến nước hoàng hôn sóng ngậm ngùi
Con thuyền vô định giữa ngàn khơi
Sương thu vàng nhuộm màu cây cỏ
Một mảnh trăng thề ai rẽ đôi ?

8

Phảng phất hồn hoa gợi ý thơ

TƯỜNG NHỚ

Trang đài cửa mốc nhện giăng tơ
Thiên Thai tuyết lạnh sâu cô tịch
Lưu Nguyên chờ ai bên suối mơ.

Rồi đến bài :

Đan áo len

Mỗi tiết thu tàn nhớ bạn xưa
Giải buồn với mấy cuộn len tơ
Tay đan áo ấm lòng thêm lạnh
Thấm giọt hoài nhân dấu chỉ mờ.

và bài :

Bóng chiều

Đất bằng phút dậy sóng tang thương
Mái tóc phi bông đã điểm sương
Dấu ngựa Tiêu tang đâu thấy nữa
Thấy vồng cỏ nhuộm sắc tà dương.

ĐÀO TRÚC TIÊN

Bà vốn yêu thâm Hán học, thường làm thơ chữ Hán, tự dịch :

Nguyệt Hạ hoài nhân

Thu nguyệt canh thâm hạo
Mãng đình dạ lan hương,
Ly sầu tâm cực mộng
Hà xứ tả thê lương

TƯƠNG NHỚ

Bán chầm quỳnh đề lệ
Bảo cầm tấu Tiêu Tương
Cầm thanh hồ minh vết
Hoài nhân bất năng vương
Trung trường nan thở tận
Thiếu ủy dư quần phượng,

DỊCH :

Dưới trăng nhớ người

Canh muộn trăng càng tỏ
Đầy sân lan dạ hương
Chia ly tìm mộng cũ
Về đâu gợi nỗi buồn
Nửa gối quỳnh rơi lệ
Đàn dạo khúc Tiêu Tương
Tiếng đàn sao nghe ngợp
Nhớ người tơ, rối vương
Tắc sầu khôn bày tỏ
Cùng hoa khuấy nhớ thương.

ĐAO TRÚC TIÊN

Thời hoa mộng, bà cô của tôi
phun châu nhả ngọc đã dành...
Kỳ diệu nhất là nay về già, nay
quá già, thơ của bà hãy còn diễm
ảo như hoa xuân. Hóa ra nước
thời gian dù gọi tóc bạc phơ phơ
vẫn không thể nhạt nhòa một tấm
lòng rực rỡ. Chẳng những thế,
và buổi hoàng hôn của cuộc đời,
tình thơ càng thiết tha, ý thơ càng
mãnh mãnh, như «vườn Ngự
oanh bay», như «trăng dài ngả

TƯƠNG NHỚ

... Đọc thơ của bà, tôi tìm
thấy một tuyệt thống tài hoa, một
hào quang nghệ thuật sáng lên từ
quê mẹ. Tôi càng kính yêu mẹ,
càng sung sướng là con cháu
Đào-Tấn. Với tài liệu sẵn có
trong tủ sách gia đình, tôi hy

vọng ngày gần đây, sẽ trình bày
đầy đủ, đừng dân những công
trình trước tác của cụ Đào-Tấn,
cùng như hậu duệ...

Hy vọng đã bùng nổ...

HOÀNG TRÚC LY



Hay thật!

Hai người dốt ngấu nhiên gặp nhau cùng bước vào trong
Chùa. Một anh đứng trước tấm biển chữ nho làm bộ hay chữ
gật gù, nhếch mép nói:

— Hay thật!

Người kia vội hỏi:

— Họ biết cái gì mà hay thế ông?

— Hay thật! Tuyệt!

— Nghĩa là sao?

— À, thì... họ viết chữ... nho hay thật!

Hay thật:

— ? ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ CHẾT

của DAVID H. KELLER

GIANG-TÂN dịch

(Tiếp theo P.T 240)

CUỐI cùng, tôi đưa tay ra hiệu từ giã vợ tôi, chúc vợ tôi ngủ ngon, đoạn tôi trở lại phòng riêng, lên giường nằm. Vợ tôi không nói năng gì cả. Tôi có cảm tưởng là nàng không hề thấy sự xuất hiện của tôi.

Vào khoảng 2 giờ sáng tôi thức dậy đốt một cây nến bước sang phòng của vợ tôi. Lại lòng thay! Đôi mắt vợ tôi vẫn mở, trông mắt sâu như ngày hôm trước, cảm dưới như dài ra, còn đôi má hỏm sâu thấy rõ. Tôi nghĩ đến ngay việc gọi một bác sĩ, bất kỳ một bác sĩ nào mà tôi bắt gặp tên địa chỉ trong cuốn niên giám

điện thoại.

Bác sĩ đến. Sau khi khám bệnh cẩn thận cho vợ tôi, ông ta nhìn tôi cười và cho biết là sức khỏe của vợ tôi tốt... Lúc tiễn chân bác sĩ ra tới bậc cửa, ông bỗng quay lại đột ngột hỏi tôi là lý do nào đã khiến tôi gọi ông ta đến và cũng vì lý do gì mà tôi có ý nghĩ cho rằng vợ tôi bị bệnh? Lẽ dĩ nhiên là tôi không thể dài giòng nói hết sự thật cho bác sĩ biết. Một thơ ký kể toán tầm thường như tôi không muốn «lên lớp» bất kỳ về một vấn đề gì cho một bác sĩ nhiều tuổi, giàu kinh nghiệm

Bác sĩ nói sức khỏe vợ tôi tốt,

thế tôi cũng chỉ biết vậy.

Qua ngày hôm sau, bà nhạc mẫu của tôi ra đi. Không có mặt của bà thì chương trình hàng ngày của tôi cũng không thay đổi.

Ăn sáng xong, tôi đi đến sở, mãi chiều tối mới trở về, ngồi ăn cơm tối, đối diện với vợ. Hôm nay tôi có cảm tưởng là những cử động của vợ tôi có vẻ chậm chạp hơn đêm hôm trước. Vợ tôi ăn ít oi như mèo ăn, đôi mắt vợ tôi trông sâu hoắm. Trông thật tiêu điều!

Trên bàn vẫn có lọ hoa. Nhưng tôi không cảm thấy hương thơm ở chính những bông hoa đó tỏa ra, mà tôi lại cứ bị ám ảnh về mùi thơm kỳ lạ kia, mùi thơm hơi nặng nề hơi ngọt ngào. Và khi tôi hít vào lồng ngực thật mạnh mùi hương lạ kia, lúc này tôi không cần muốn ăn uống gì nữa.

Vào mùa này khí trời nóng bức. Cửa sổ tuy có đóng màn lưới nhưng vài ba con ruồi cũng tìm cách bay lọt vào phòng. Một con đậu lên môi vợ tôi mà tôi

cũng không thấy vợ tôi có một cử chỉ gì xua đuổi nó. Tôi hết cảm thấy nguồn vui về cảm đùa ăn tiếp. Bữa cơm như vậy là chấm dứt. Tôi đứng dậy dọn dẹp bàn ăn và đi rửa chén.

Hỡi ông bác sĩ ơi! Ông có hiểu thấu tâm trạng tôi như thế nào không?

Qua ngày hôm sau, tôi gọi điện thoại đến sở, xin nghỉ việc một ngày, viện cớ bị ngọa bệnh. Ra đường, tôi gọi một chiếc «ta xi» và chở vợ tôi đến một vị bác sĩ danh tiếng. Vì đây là một danh y, nên tiền khám bệnh khá đắt. Ông ta đòi tôi những 25 Mỹ Kim, nội chỉ việc khám bệnh và kê toa mua thuốc.

Tôi một mình bước vào phòng mạch của bác sĩ, kẻ thật rành mạch những triệu chứng về bệnh tình của vợ tôi.

Bác sĩ xem mạch rất lâu cho vợ tôi. Liên do, ông thử luôn cả máu cho vợ tôi. Bác sĩ kết luận là vợ tôi hơi bị thiếu máu, riêng tôi, tuy ông không bắt mạch cho toa, nhưng liếc mắt nhìn tôi trong

NGƯỜI ĐÀN BÀ

một giây, ông khuyên tôi cần uống vài viên thuốc về thần kinh và ông còn dặn thêm là nếu tôi không muốn ngọa bệnh thật sự.

Lúc này, tôi ở vào một tình trạng thật khó chịu vô cùng. Có thể là tôi có lý còn tất cả những kẻ khác đều sai lầm hay ngược lại, những kẻ khác có lý còn tôi đã hoàn toàn điên loạn.

Riêng tôi, tôi cảm thấy rằng tôi vẫn tỉnh táo hơn bao giờ hết. Tôi thấy rõ, nghe rõ, cảm thấy rõ... mọi sự vật, mọi cảnh huống.

Tôi nhớ lại cảnh khám bệnh. Lúc bác sĩ chích vào đầu ngón tay của vợ tôi để lấy máu. Tôi nhìn thấy vợ tôi nhếch môi lên một chút, và sau một hồi cặm cụi ở bàn giấy, bác sĩ nhìn tôi và bảo là « thiếu máu ». Bệnh trạng của vợ tôi không lẽ chỉ vồn vồn ở hai tiếng thô sơ ấy kia sao ?

Đêm hôm ấy, không biết ruồi từ đâu bay vào phòng tôi nhiều hơn các ngày khác. Tôi ra phố mua một bình thuốc xịt muỗi. Tôi xịt thuốc khắp nhà, xịt nhiều nhất ở căn phòng vợ tôi.

Nhưng ruồi vẫn tiếp tục bay vào nhiều hơn. Ruồi nhỏ đến ruồi lớn. Những con ruồi có cái bụng xanh. Thoáng nghe tiếng chúng bay vù vù là tôi đã rùng mình rồi. Những con ruồi đó đậu lên mặt vợ tôi mà vợ tôi cũng không buồn đuổi chúng. Cuối cùng, tôi phải lấy một chiếc khăn mặt đắp lên mặt cho vợ tôi. Đoạn, tôi đi ngủ.

Qua ngày hôm sau, tôi đến sở làm với một tâm thần gần như rối loạn. Tôi cộng sai rất nhiều con số bị chủ la rầy, nhưng tôi vẫn không mở miệng bào chữa hoặc xin lỗi gì cả.

Chiều hôm ấy trở về nhà, bếp núc lạnh tanh. Bữa cơm chiều không thấy dọn sẵn như thường lệ. Vợ tôi lại ngồi ở cửa sổ phòng khách.

Mùi hương lạ lạ tỏa ra nồng nặc. Từng đàn ruồi lại tới ập bay vào nhà. Nhiều con đậm đầu mạnh vào ống đèn nên ống thấp sáng. Tôi xuống bếp dọn bữa ăn. Thức ăn làm xong, nhưng rồi tôi cũng không buồn ăn khi nghĩ đến

NGƯỜI ĐÀN BÀ

những con ruồi quái ác đậu lên môi của vợ tôi.

Tôi bước lại cửa sổ, đưa tay dìu vợ tôi đi về phòng riêng của nàng. Da vợ tôi hơi lạnh lạnh, hai bên má như có mỗi bên nổi lên một vết dài màu tím. Tôi dìu vợ tôi đứng lại ở cửa phòng của nàng, đoạn tôi quay bước về phòng riêng của tôi. Hai ba tiếng đồng hồ sau đó, tôi bước sang phòng của vợ tôi, thăm nàng. Vợ tôi vẫn nằm yên trên giường, xem chừng vợ tôi ngủ được yên giấc.

Một tuần lễ một môi trôi qua. Tôi ngồi cạnh giường của vợ tôi. Tôi cố giữ bình tĩnh, sắp xếp cho có thứ tự trong đầu óc những ý nghĩ của mình. Nhưng càng nghĩ lại càng thấy rối trí hơn.

Khí trời vẫn oi bức. Ruồi bên ngoài vẫn tiếp tục bay vào nhà nhiều thêm. Tôi chợt nhớ lại những chuỗi ngày quá khứ trong cuộc sống giữa hai vợ chồng chúng tôi. Lúc này còn khỏe mạnh, hai chúng tôi thường đi xem chiếu bóng. Chúng tôi càng phá lên cười khi được xem một đoạn phim hài

hước và chúng tôi cũng đã âm thầm chảy nước mắt khi thấy chiếu lên màn bạc những cảnh làm cho chúng tôi mũi lòng. Không có con, nhưng cả hai vợ chồng chúng tôi làm ra bộ là có hạnh phúc lắm mặc dù trong thâm tâm, tôi biết rằng rồi đây vợ tôi sẽ rất buồn khổ vì đã không được làm mẹ, và nàng sẽ cảm thấy cô độc khi không có tôi bên cạnh.

Thần kinh bị khủng hoảng đến cực độ nên tôi lại lấy « xì gà » ra hút. Và tôi đã hút liên tục nhiều điều. Mãi thật khuya, tôi mới trở lại phòng riêng, lên giường ngủ lại. Vừa đứng dậy tôi bỗng bắt gặp một con sâu đang bò trên má của vợ tôi !

Tôi nghĩ rằng thế nào vợ tôi cũng có phản ứng. Nhưng thật trái ngược với lời quả quyết của nhạc mẫu tôi, và cả các ông bác sĩ vợ tôi không có phản ứng gì cả, chính tôi đã phải hành động.

Tôi gọi điện thoại cho một chủ nhà lo việc đám tang.

Tôi tiếp họ ở tầng dưới vợ;

lời dặn sơ sài.

— Chúng tôi cũng không khá giả gì cho lắm. Vì vậy, đám tang sẽ cử hành thật giản tiện. Ông chịu khó lo cho tôi tất cả thủ tục giấy tờ, đừng quên cả giấy khai tử do một bác sĩ chứng nhận.

Ông chủ lo việc ma tang bước lên lầu năm phút sau, ông ta trở xuống hốt ha hốt hải:

— Có lẽ, tôi làm phòng chẳng?

— Chính cái phòng ở tầng lầu hai ấy mà!

— Nhưng người đàn bà nằm trong phòng ấy đâu có chết chóc gì?

Tôi lắc đầu, tâm trí tôi lúc này đảo lộn. Tôi trả tiền cho người chủ đám tang. Anh ta từ già tôi ra về.

Hỡi các vị bác sĩ ơi!

Tôi hết tin tưởng ở tôi nữa rồi!

Không có ai đồng ý với tôi. Không có một ai tin ở những lời tôi nói ra với họ.

Dần dần, tôi có cảm giác thiên hạ cho tôi là một thằng điên.

Tôi thì nghĩ rằng tôi không thể nào để vợ tôi trong tình trạng như thế này ở mãi trong nhà tôi nữa. Sức khỏe của chính riêng tôi cũng suy giảm lần lần. Đến sở tôi lại làm sai be bét những con số. Buổi tối, trở về nhà, tôi phải lo cơm nước cho hai vợ chồng và trước khi ngủ, tôi phải chứng kiến cảnh nửa sống nửa mất hồn của vợ tôi. Vẫn chưa hết! Lại còn mùi hương lạ. Vẫn còn đàn ruồi bay vo vo. Tôi đoán biết là vợ tôi hơn ai hết, hiểu rõ nỗi khổ tâm của tôi.

Tôi bỗng nảy ra một ý nghĩ là đi tìm một cái rương lớn bằng gỗ. Trước đây, hai vợ chồng chúng tôi đã sử dụng cái rương này trong các chuyến du lịch xa. Tôi đặt rương cạnh vợ tôi. Tôi nhìn kỹ kích thước cái rương. Tôi nhận thấy chiếc rương hơi hẹp so với thân hình vợ tôi. Nên tôi đi tìm một cây dao. Tôi âm xác vợ tôi lên, miệng lầm bầm là tôi rất thương tiếc nàng nhưng sự thể bây giờ đến như thế này, đành

phải chịu, chớ biết tính sao đây!

Và tôi bắt đầu cặm cụi làm việc.

Từ giờ phút đó trở đi, đầu óc tôi đảo lộn... Tôi quên hết tất cả những gì đã xảy ra duy tôi chỉ còn nhớ mang máng là lúc đó tôi nghe một tiếng la thất thanh tiếp đó giòng máu bắn ra và trong phút chốc, nhà tôi đầy chật những người trong khu phố.

Tôi bị bắt giữ.

Đó là câu chuyện kỳ lạ nhất trong đời tôi. Thưa bác sĩ! Bác sĩ hiểu rõ tâm trạng tôi chưa?

người ta tố cáo là tôi đã giết vợ tôi!

Thưa bác sĩ! Tôi đã kể hết chuyện của tôi cho bác sĩ nghe. Nay xin phép được đặt ra một câu hỏi với bác sĩ: Nếu như bác sĩ ở vào địa vị của tôi, hoàn cảnh của tôi, ngày lại ngày, đêm lại đêm, phải nhìn thấy cảnh ấy, phải điều đứng trước cảnh ấy... thì bác sĩ sẽ đối phó ra sao?

Một người chồng thật sự thương yêu vợ phải xử trí ra sao?

Của David H. Keller

Với nhan đề «The dead woman»

Giàng Tân dịch



● En amour, l'espoir est préférable à la possession
(Trong tình yêu, hy vọng được lấy hay hơn là lấy được)

SAADI (Thi hào A-Rap)



« THỈNH TÀU KÊ » ở Thủ-Dầu-Một

RẼM tháng giêng vừa qua đã làm cho khu chợ Bình-Dương có 1 bộ mặt thực mới. Người ta có cảm tưởng như ngày đầu năm mới qua đội ba ngày.

Giai nhân tài tử (phần nhiều là Huế kiều) đua nhau diện quần áo

đi bát phố. Đường dẫn vào thành phố đầy ô tô, xe gắn máy, khách nhàn nhuá với những tà áo dài thướt tha hàng ngàn chiếc mini-robess quần pat-te d'éléphant rực rỡ thêm mùa xuân nhiều sắc thái đặc biệt. Cảnh sát được tăng cường để giúp lưu thông dễ hơn. Trước thị xã Phú Cường chạy dài 2 bên đường

PHONG HÓA

Nguyễn Thái Học và Thái lập Thành là khu tập trung Thương mại của những người «Tàu» đều treo tiền thưởng khi có «củ» đến viếng... Tiếng trống, chiêng đánh theo nhịp múa vang lên đó đây, nhiều «pha» được diễn ra, cù múa... những ca đấu võ hào hứng, rồi cù nhào lên đón tiền thưởng (có nhiều nơi lên đến hàng chục nghìn) trên các tầng lầu cao vút thực chịu đựng và điều-luyện.

Đặc biệt nhất ta phải biết đến «Chùa Bà».

Nơi phát sinh những cảnh vui vẻ, hào hứng nhất. Hàng nghìn người địa phương vừa Huế kiều vừa Việt-Nam đi lễ, đây là chưa kể đến con số người từ Saigon Chợ lớn, Bến-Hòa kéo về «lễ» «Chùa Bà» mỗi năm vào ngày Rằm tháng Giêng theo truyền thống từ xưa, ngay sớm mai con đường giải đá dẫn vào chùa Bà đã chật-địch người đi lễ, xe hơi bị cấm lưu thông ở đây, khách đi xe gắn máy phải vất vả lắm mới hy-vọng vượt qua được. Ở góc đường Đỗ Chiêu và Đoàn-Trần-Nghiệp hàng nghìn xe gắn máy chờ không còn 1

khoảng trống, người ta giữ hộ mỗi chiếc thực «rẻ» mới có 30 tỉ (thay vì 5 đ). Nhiều quán nước tiếm ăn, những hàng bán nhang đèn cũng mọc lên đây ở vệ đường. Những sòng bạc được dịp cũng bành trướng mạnh, khách có máu đỏ đen tha hồ phiêu lưu trong canh bạc. Ở đây cảnh sát trở thành «chứng nhân» ghé mắt cười không nói gì. Nếu ở vào dịp khác mấy con bạc không được yên thân với mấy thầy đội?

Ngoài sân chùa nhiều ông già ngồi đoán xăm cạnh chiếc cặp sờn da dựng đôi quyển sách cũng không mới mẻ gì. Các cô vầy quanh nhờ đoán trông có vẻ đặc ý khi ông già giải thích về tình

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

PHONG HÓA

duyên may rủi, vài nụ cười chợt tắt khi gặp phải quẻ xăm xấu.

Tùng, ben, tùng, ben... Đây là trống, chiêng đặt trong chùa được đổ liên tục. Khách vừa bước vào đã thấy cay mắt vì khói hương thực nhiều trên các bàn thờ.

Chánh điện không mấy lớn khoảng giữa là 1 số bàn xây gạch để đốt hương và xin xăm (có lẽ khi lập chùa họ cũng nghĩ đến việc xin xăm là chủ yếu đối với khách tín ngưỡng Bà, như sự «linh ứng» của Đức tá quân Lê văn Duyệt ở Lăng-Ông Bà-Chiều vậy. Gần đây về phía tả là những dáo gươm, thẻ bài của Bà và trong cùng là điện thờ Bà. Ở đây hương cúng Bà không cháy được 1/4 cây đã bị người ta đem vứt sau chùa bằng đồng để trống chỗ cho người đến sau dâng hương của họ.

Tôi còn nhớ thuở bé mỗi lần kỵ tổ, tham ăn tôi bảo mẹ sao cúng lâu thế không dọn ăn? mẹ mắng yêu: «tham ăn, con ạ! đợi tàn nhang đã chứ!» Thế mà

trong khung cảnh này có lắm người vừa lễ, thẻ nhang chưa tàn đã bị lấy đi. Tôi mỉm cười với 2 hoạt cảnh trái ngược...

Khói hương vẫn tỏa đầy chánh điện. Người đi lễ càng chật-ních, không khí oi bức, ngộp thở... Đó đây từng nhóm người dâng hương khẩn nguyện xin xăm.

Hai cửa hông chánh Điện rẽ sang tây lang là nơi cho vay tiền. Bà. Người ta chen nhau như đến mua vé, nhân viên cho vay cũng được ngồi trong phòng như những guichet ở các Rạp ciné. Trong dịp này 1 cô gái cho tôi biết: «Năm nào cũng thế. Họ vay tiền Bà nhiều lắm chị ạ! Mỗi phần 20đ và năm sau trả

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

PHONG HÓA

gấp đôi, chúng ta có thể vay nhiều hơn nếu trả ngay cả vốn lẫn lời? đề «lấy hên» làm ăn khá suốt năm... nhưng đối với giới trẻ, thấy họ vay, mình cũng vay, cho có vẻ đặc biệt khi ra về chứ lo buồn bán làm ăn gì đâu?

Tôi thấy nhiều chàng vừa «vay» bên này rồi sang phía kia lại... vay nữa mà cứ... tiếp tục, tôi nghĩ họ không còn vay, mà lại «xin» Bà luôn hay định «quýt» cả người khuất mặt?...

Khách đi lễ không mấy ai quên xin-xăm, vay tiền, và thỉnh nhang Bà trước khi ra về. Chiều đến. Khoảng 4 giờ 30 thỉnh kiệu Bà đi trên đường phố cho người vọng bái ở gia-đình, Thỉnh bà có hình thức như dâng cộ mùa Trung thu. Người Việt-Nam ta còn gọi nôm nữa là: «Thỉnh Tàu Kê» nữa.

Những năm còn bình yên, thỉnh Bà thật rỗi và kết thúc cũng khá khuya qua nhiều lộ trình thực hào hứng, trọng đại... Rồi mấy năm gần đây vì tình trạng an ninh nên thỉnh Bà quá sớm và đơn giản đi nhiều không còn linh

động như xưa nữa.

Đến giờ thỉnh Bà, sau khi làm lễ xong, người ta kiệu bàn Hương án bà đi kèm theo những gươm dáo, thẻ bài, hoa, đèn của Bà. Họ thay nhau giữ trật tự, sắp xếp và cho đoàn cộ đi.

Rời khỏi chùa đoàn cộ đi dọc theo đường Bác sĩ Yersin hướng về chợ Bình Dương. Bấy giờ người đi xem đã đứng nhều ở vệ đường. Cảnh sát bắt đầu làm việc nhiều.

Đi đầu với 3 xe Jeép cảnh sát giữ trật tự lướt chậm lướt còi dọn đường. Những gươm dáo, rồng, lân lân lướt kế tiếp nhau. Đặc biệt có

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE- G

PHONG HÓA

khoảng 15, 16 người hóa trang các vị Tiên thực cao lớn nhờ đi «cà khieu» trông thực ngoạn-mục.

Theo sau nhạc tây trời vang lên rồi đến cù, các cô bé Tàu thực xinh gánh văng, gánh hoa đèn đi diu dàng, thơ mộng.

Rồi «Bà» đi...

Chiếc xe du lịch trang hoàng cảnh núi non, ở góc trái trên mũi xe là Hồng Nhi (bé trai) ngồi chấp tay bất động theo hầu Bà. phía sau xe thiếu nữ diễm trang tuyệt đẹp thể hiện cho Bà đứng yên mặt áo rộng thướt tha cảm nhàn dươgliền khẽ quạt qua lại.

Hai bên đường phố người tín ngưỡng đặt bàn vọng bái, bàn Hương án của Bà vẫn phải dừng lại luôn cho họ thắp Hương và rước nhang trên bàn đang cháy dở. Người Huế kiêu cũng như một số người Việt ở đây sùng kính Bà thực cao độ. Sau Bà có nhạc «Tiêu» trời du dương đưa t.ên..,

Đoàn cộ đi quanh khu chợ Bình Dương, rồi rẽ sang đường Hùng-Vương ngang qua Thành lễ Trầ

Hà, trở về quốc lộ 13 đưa Bà trở lại «an tọa» với ngôi vị cũ,

Năm nay tuy không bằng những năm còn bình yên, nhưng tương đối tương bưng và chu đáo hơn năm ngoái.

Khách đưa nhau về trong nhộn nhịp, chờ đến năm sau có dịp du xuân xem lại «Thịnh Tàu kê» và nhất là gặp gỡ những cuộc tình bất ngờ trong mùa xuân thắm.

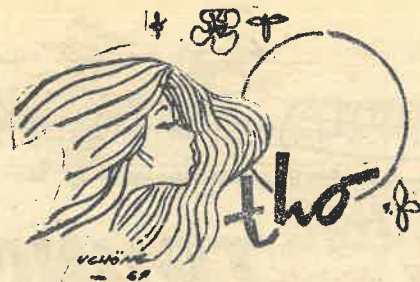
MAI-THÚY-LAN

(BÌNH-DƯƠNG)

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT



Thất Sơn

Sóng nào về Châu Đốc ?
Lối nào tới Thất-Sơn ?
Đường nghiêng nghiêng nghiêng dốc.
Non nước xanh xanh dòn.
Bảy cụm Quê-hương đỏ.
Muôn thuở rạng Trời Nam.
Niềm tin cao nắng gió.
Nhẹ-nhôm bước chân phàm
Mơ-màng ta chiêm-ngưỡng
Kính thiêng phủ đầu non.
Anh linh hồn phất phưởng
Mầu-nhiệm giống Tiên Long
Vì ai? Ai dựng Nước,
Vì ai? ai đào sông,
Dân Miền Nam quốc-thước
Núi-Miền Nam trở bóng.

NGUYỄN TRƯỞNG
(An-giang)



Huế ngày nay còn là đất

«Sơn bất cao, thủy bất thâm» nữa không ?

● TRẦN-TỬ

★ Giới quý tộc thượng lưu đầu hàng Pháp ngày trước đã tạo ra nhận xét cay nghiệt: Sơn bất cao, thủy bất thâm; nam đa trá, nữ đa dâm ?

● Huế tái thiết của quần chúng bình dân sau khi quý tộc và thượng lưu đã bỏ chạy, đã phá vỡ bản án lịch sử ?

Tái thiết cổ đô Huế là một công tác quan trọng và ý nghĩa như thế nào ?

Thiết tưởng sự xuất hiện của

Ủy-ban Tái thiết cổ đô do Linh-mục Cao-văn-Luận, Viện-trưởng sáng lập Đại-học Huế và Thượng-Tọa Thích-Minh-Châu Viện-Trưởng Đại-Học Vạn-Hạnh, ngay khi tiếng súng vừa ngưng nổ, cổ đô đang là một đồng gạch ngói còn âm ỉ khói và mặt than, sự cam kết của Hoa-Kỳ giúp Việt-Nam tái thiết cổ đô, cũng đủ rồi.

Ài cũng công nhận điều này.. không một luận cứ được chính quyền đồng ý một cách im lặng, chủ trương tái thiết cổ đô là một mục tiêu thứ yếu so với do các đòi hỏi của chiến

HUẾ NGÀY NAY

cuộc. Và lại, khi chủ trương như có người còn đưa ra hai yếu tố :

« Sơn bất cao, thủy bất thâm Nam đa trá, nữ đa dâm » để biện minh cho chủ trương như chưa cho cổ đô cái quyền bắt dân tộc này xuất, phương tiện ra tái thiết khi chiến tranh còn đòi hỏi nhiều.

Riêng người viết bài này (không phải là người Huế) thấy rằng :

● Có thể để chậm việc tái thiết trong trường hợp đề chậm không sao

Nhưng có nhiều lý do làm cho ta phải nghĩ rằng đề chậm là không kiến thiết lại được các công trình văn hóa nằm trong các công trình kiến thiết của cổ đô.

★ Phải biến kiến thiết cổ đô thành một phong trào nhân dân có tính chất văn hóa thay cho quan niệm cổ điển coi việc này là công tác chánh quyền.

I.—Vấn đề và giả thuyết

Vì sao để chậm lại không tái

thiết được ?

Chậm hay sớm tái thiết là một vấn đề phải đặt ra trên nhứt báo mới đúng cách. Nơi đây, người viết chỉ muốn bàn đến vấn đề nằm trong hai câu :

«Sơn bất cao, thủy bất thâm Nam đa trá, nữ đa dâm» mà người Huế coi như một sự lãng mạ đối với tất cả những ai sinh đẻ ở đất này.

Nhận xét này có phải là một sự lãng mạ toàn thể giới người Huế hay không ?

Muốn giải quyết vấn đề, theo người viết bài này, phải đặt ra hai giả thuyết :

1) Hai câu trên có phải là sản phẩm của một định đề địa lý học Đông phương thoát thai từ kinh Dịch ?

Nói một cách khác, có phải người ta đã căn cứ vào lý thuyết địa lý để đưa ra nhận xét trên sau khi đã quan sát địa hình địa thế và cảnh sắc đất Huế ?

2) Hay đây chỉ là một sự chỉ trích con người xứ Huế, chỉ trích bằng cách dùng đến một nguyên lý trong Triết học cổ Đông Phương ?

Nói khác đi, người ta đã mượn một định đề đưa lý học Đông phương cổ để áp dụng vào việc chỉ trích con người ? Thói quen Á Đông đã làm cho tác giả của câu nhận xét trên không chỉ trích thẳng một người, một nhóm, một triều đại thường quen dùng lối chỉ trích gián tiếp như chỉ trích người bằng cách nói đến sông núi của địa phương và áp dụng nguyên lý của lý thuyết địa lý :

«Khung cảnh có tác dụng tạo nên con người» để chứng minh giá trị của nhận xét ?

Phát đặt thành giả thuyết trước khi đi sâu vào việc tìm hiểu vì ta chưa có những yếu tố chắc chắn để biết rõ nhận xét này xuất hiện từ bao giờ, tác giả là ai ?

Riêng người viết, nghĩ rằng người Việt-nam xưa vừa thiếu tinh thần khách quan vừa thiếu

chứng nghiệm về thực tế địa lý học thường thấy «cảnh» qua «tâm» tin vào giả thuyết thứ hai và dựa vào giả thuyết này mà giải quyết vấn đề.

II. — Đối tượng của sự chỉ trích khắc nghiệt « Sơn bất cao »

Cái nhận xét bằng Hán tự nói trên dĩ nhiên phải là của những người tinh thông chữ Hán và đồng thời cũng có một phần kiến thức về khoa học địa lý tập thể nho sĩ. Chỉ có Nho sĩ mới có đủ hiểu biết về Văn tự để đưa ra nhận định nói trên.

Tác giả của nó là nho sĩ, từ một tác giả thành ra tập thể, vô danh.

Về ý nghĩa của nó, ta có thể nói rằng Sông Núi Nam Nữ nơi đây chỉ là những hình nhân thế mạng cho Vua Chúa Quý tộc và thượng lưu tiêu biểu cho Huế. Nói đến Huế là nói đến đối tượng này nhưng phải tránh gọi đích danh vì lý do luật pháp và luân lý.

Tiong lịch sử của Huế, quốc độ của nhà Nguyễn thời giữ ngôi Vua thế hệ Quý tộc và thượng lưu nào đã làm cho nhận xét cay độc này ra đời ? Thế hệ nào ? Trước hay sau năm 1884 là

năm mất nước ?

Theo suy luận của người viết, chỉ có thế hệ quý tộc và thượng lưu thời Đồng Khánh lên ngôi trở về sau này, mới phải lãnh cái nhận xét nói trên khi họ đã đầu hàng, tự chối bỏ mình và đồng thời thủ tiêu luôn đối tượng và lý do chiến đấu của sĩ phu coi việc dành độc lập và trả lại ngai vàng cho vua là một việc duy nhất. Chính thành phần quý tộc và thượng lưu đã hợp tác với Pháp đưa Đồng Khánh lên ngôi một cách «hợp hiến» làm cho lý do chiến đấu của sĩ phu và dân chúng yếu hẳn đi, lực lượng bị suy giảm hẳn.

Bởi thế cho nên thành phần sĩ phu chiến đấu này mỗi căm hận đến cao độ khi họ không thể gọi đích danh thành phần đối tượng vốn là người Huế, nên phải lên án bọn này qua người Huế và đặt Huế—bị gán vai trò đại diện cho Vua chúa, quý tộc và thượng lưu một cách oan uổng.

Nhận định này—qua thời gian vẫn tồn tại vì tác giả của nó

đại diện quần chúng chiến đấu có một nếp sống khắc khổ. Cái thế hệ hậu-sinh người Việt, có nếp sống khắc khổ, vẫn tiếp tục đấu tranh trong khi quý tộc và thượng lưu Huế dần dần biến thành tay sai cho bảo hộ tiêu diệt các phong trào tranh đấu của dân chúng lấy Độc Lập mục tiêu số 1.

Về phía quý tộc và thượng lưu bằng lòng với vai trò của một chánh quyền bản xứ hợp tác với thực dân, dĩ nhiên phải có một nếp sống vật chất giàu có, hưởng thụ vốn đáng lên án theo các tiêu chuẩn của nền luân lý chiến đấu mà một dân tộc chậm tiến.

Khách quan mà nói, nhận định này rất có lý xét trên phương diện luân lý đối với người chiến đấu của một dân tộc nông nghiệp đòi hỏi các đặc tính nhảu nhờ chịu đựng. Đúng trong một giai đoạn nào đó, chính lòng tự ái sôi sục của người Huế là một điều chứng minh giá trị của nhận xét này.

III. — Sự nghiêm khắc của lịch sử

Nhưng bây giờ xét lại ta thấy gì ?

Nếu nhận xét trên còn có giá trị trong hiện tại thì Huế bây giờ phải là một thứ ngoại ô cho cái thành phố Hô-li-vút, Lát-vê-gát khi người Huế đã mất tất cả trong biến cố Mậu-Thân.

Nhưng Huế đã từ chối cái gọi là American Way of life có một sức dẫn không cưỡng nổi, khác mọi thành phố khác, dựng lại cố đô, ổ kính của thần kinh năm xưa Huế hiện tại và người Huế đã dựng lại cố đô ổ kính có đáng nhận cái nhận xét này nữa không ? Sự đề kháng của Huế chống lại đời sống Mỹ hấp dẫn này đã đủ để làm cho cái nhận xét chưa cay về người Huế không chống nổi áp lực quân sự của Pháp, phải tự thủ tiêu hay chưa ?

Giữa người quý tộc Huế trước đây đã không chống nổi lại áp lực quân sự của Pháp, không kháng chiến tiếp tục được.

Và người dân Huế ngày nay, sau những tang tóc và mất mát Mậu Thân, vẫn xây lại một đời sống ổ kính Đông Phương

như xưa cũ, vẫn giữ được phong độ của người dân Việt Nam ở phương Đông, vẫn đứng vững trước sự lôi cuốn của cái gọi là «American way of life»

Huế ngày nay đã thanh toán được cái nhận xét cay độc trên kia chưa ? Đã hết bị vương, bị ám ảnh vì cái nhận xét đeo chặt lấy thành phố và con người ở đây hay chưa ?

Hay nếu phải mang lấy đời đời cái nhận xét này thì bây giờ nó có được quý mến vì sự khước từ áp lực của đồng đô la và các tiện nghi Hoa kỳ, đóng vai trò tiêu biểu cho một dân tộc không có gì để tự hào, không có một sức mạnh về vật chất và kỹ thuật nên coi chất Đông phương của nó : tập quán, phong tục nếp sống v.v — là sinh lực để trường tồn hay không ? Người viết thấy rằng sẽ có hai thành phần :

1) Một đa số người Việt sẽ yêu mến Huế vì thành phố này đã nói hộ cho họ điều họ không thể nói ra được trong đời sống dựa vào viện trợ Mỹ, một đa số thành phố phải mang chất Mỹ, vì cơm áo của con dân cũng sẽ có cảm tình với thành phố vẫn là

một thành phố của người Việt nam muôn thuở.

2) Một thiểu số người và địa phương khác sẽ căm giận Huế vì nó không chịu đồng hóa và đứng xứng ngang hàng với mình, cùng đồng đảng áp lực vì những mặc cảm day dứt của người phạm tội tội không muốn thấy có người lương thiện đứng cạnh...

Người viết, thuộc thành phần thứ nhất, nên đã thấy rằng :

Cái nhận xét nói trên, qua thời gian với quần chúng nghèo và cao tinh thần chiến đấu, vẫn còn sống đến ngày nay. Mọi người trên cương vị của người chiến đấu chịu ảnh hưởng đạo Nho, nhìn thấy đời sống của giới thượng lưu và quý tộc Huế phản ánh ra ngoài, sẽ tan thành nhận xét này. Vì phong lưu đã các, những cách hưởng thụ tao nhã của người trí thức Huế trẻ và già, chỉ chú trọng đến việc nâng cao điều kiện sống của cá nhân mà từ chối sự tranh đấu quần chúng về chính trị, dành con người toàn diện cho tình yêu nam nữ đã khiến cho người Việt của nông thôn và nho giáo ít chú trọng đến cá nhân, nỗi giận. Đi sâu hơn nữa, giới

quý tộc thượng lưu Huế, trong khung cảnh của chính quyền bảo hộ và Nam Triều, đã không chiến đấu mà còn cộng tác với Pháp một cách chặt chẽ từ cấp dưới lên đến cấp trên về mặt chính trị. Mặt khác, không đặt tương quan bình đẳng và không sống trung trực với người chung quanh vốn là dân chúng bách tính với mặc cảm tự tin của người «cành vàng lá ngọc» ích kỷ trong quan niệm nhân sinh, trong tương quan với dân chúng về mặt luân lý xã hội v.v... đã đưa quần chúng đến chỗ cùng tan thành với người xưa, nhìn người Huế với tất cả ác cảm, một ác cảm hướng đến một nếp sống nghị nh với giao điều nho giáo.

(Còn 1 kỳ)

REGAST .T
TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa.Lan

Hai cái cười

● THÁI NBẠCH

● Một cái cười miễn Bắc

MỘT ông quan võ có tánh thích làm thơ. Thơ ông chẳng ra quái gì. Tuy thế, ông vẫn làm, vì bên cạnh nhà có anh chàng bất cứ bài thơ nào của ông hẳn cũng khen hết.

Hai bên ý hợp tâm đầu, thành thử hễ ông quan võ làm xong bài nào, lại gọi hần sang, đọc cho nghe, và mời cùng nhậu nhẹt, đớp bít !..

Bữa nọ, ngày gần tết, ông quan võ dựng xong một chuồng chim bồ câu, hứng chí làm một bài thơ sứ tuyệt Chiêu đến, ông cho mời hần sang nhậu để đọc cho nghe chơi :

Bốn cột chông chênh đứng
giữa trời !

Khi thì bay bổng, lúc bay
khơi.

Ngày sau nó đẻ ra con cháu,

Nướng chả bắn viên đánh
chén chơi.

— Đó, tôi đọc, bác nghe xem được không ? ông quan võ hỏi :

Anh chàng « thi sĩ » nọ nức nở khen hay và phân tích bình phẩm từng câu :

— Hay lắm, xin quan lớn đọc lại cho con nghe lần nữa !

Ông quan võ đọc lại. Hần lên giọng phê bình :

— Hay lắm ! Hay lắm ! Xét câu đầu :

Bốn cột chông chênh
đứng giữa trời

Chắc hẳn quan lớn ngày sau sẽ làm đến tứ trụ (bốn cột).

Câu thứ hai :

Khi thì bay bổng lúc hay
khơi.

Ngài còn thăng quan tiến tước

HAI CÁI CƯỜI

đường mây còn nữa, chớ chẳng thế này đâu !

Câu thứ ba :
Ngày sau nó đẻ ra con
cháu :

Bẩm quan lớn, cứ thế, nhà ngài còn phát tài xai lộc, đa dinh nữa !

Câu thứ tư :
Nướng chả bắn viên
đánh chén chơi !..

Tuyệt tác, tuyệt tác, hậu vận quan lớn còn được an nhàn và phong lưu phú quý. Dẫu Lý Bạch Đỗ Phủ sống lại, kết luận cũng không thề hay hơn !..

Được khen ông quan võ mũi rở ra to bằng cái đầu. Ông rung đùi đắc chí, rót thêm rượu cho hần :

— Thơ tôi làm cũng khá tự nhiên, nhân bữa nay vui chúng ta thử cùng làm một bài tức cảnh xem sao ?

Chàng kia nghe nói, háng ngay vào :

— Dạ bẩm quan lớn, còn gì bằng, xin để quan lớn làm trước con họa theo.

Chàng ta nói xong, bỗng đâu

một con chó từ trong gầm giường chui ra, gặm xương, rồi thấy con chó cái trước sân, nó chạy ra phê phôn, đoạn giở trò « ái ân ». Ông quan võ ngó quanh, chẳng thấy cảnh gì nên thơ hơn, nên tức khắc lấy đó làm đề, vịnh ngay bài thơ chó, thơ rằng :

Chẳng phải ngựa bò, chẳng
phải trâu,
Tục danh con chó sữa gầu
gầu
Khi nằm với vợ thì lại đứng
Cả kiếp không ăn một miếng
trầu

Anh chàng nọ nghe xong, gật gù khen hay và lại bốc :

— Thần tình quá. « Hễ thấy ai vào sữa gầu gầu » quả thần thật tình ! Nếu không phải người văn võ toàn tài, danh vang bốn cõi như quan lớn đây thì không thể tài nào mà có cái khẩu khí như vậy !

Ông quan võ lại đắc chí, rót rượu mời. Hớp xong, anh họ lại :
Quanh quanh đằng đít
lại đằng đầu

Hễ thấy ai vào sữa gầu gầu.
Ăn hết của thơm lần của thú.
Trăm năm chẳng được hớp
trà trâu !

Câu chuyện đến đây là hết. Không cần kết luận, giải thích, có lẽ người đọc cũng dự hiểu cái ý nghĩa và tác dụng của nó...

Một cái cười miền Nam

Chuyện xưa kể rằng:

Ở miền núi Tây Ninh, có anh chàng nghe đồn thịt của ngon đáo để, nên một hôm sai vợ đi chợ tính đi ăn thử.

Nghe nói của có mai có cang, người vợ ra chợ gặp con sam, tưởng của mua về. Người chồng thấy sam tưởng rùa vì nó cũng có mai. Hai vợ chồng cãi nhau kịch liệt, rồi đánh nhau la làng, thành nội vụ phải ra hội đồng xã. Ông xã trưởng lên mặt kẻ cả:

— Hai đảng sai hết vì đây không phải của, không phải rùa mà là con cá đuối!

Vợ chồng anh chàng nọ không chịu, nội vụ lại đưa tới quan huyện.

Quan huyện nhìn con sam, tìm cười và cầm bút phê rằng:

Con mua của mua đã chẳng

xong

Thằng nói rùa lại càng thêm

rối.

Thằng cha xã xử con cá đuối.
Cả ba đảng đều quấy cả ba.
Hể con dại thì có mẹ cha.

Còn dân ngu thì nhờ quan

trưởng

Thôi để ông phê minh chỉ

thượng.

Cho khỏi hoài nghi:

«Cua, rùa, cá đuối giai phi,
Ấy chỉ thị là con bò cạp
nước...»

Câu chuyện cười trên có ý nghĩa như sau đây:

Ban đầu cái lầm của người đàn bà có thể tha thứ, vì con sam nó cũng có mai như con cua, cho đến anh chồng thì khó tha, mai của đâu có chút nào giống mai rùa. Tệ hơn nữa, anh xã trưởng với chức vụ cầm đầu một làng mà không thấy rõ con sam chẳng giống con cá đuối, cá đuối làm gì có chân có mai? Cả ba đều láo, đều lếu, nhưng ít nhất, mỗi người cũng có căn cứ vào một điểm tương tự nào đó của sự vật. Chỉ như quan huyện, xuất thân di nhiên tay có học, học giỏi, lại là thứ «dân chỉ phụ mẫu» mà dám lên mặt «phê minh chỉ thượng» đứng đứng ngay lên là con bò cạp nước, một con vật hoàn toàn chẳng giống sam chút nào, hỏi vô cùng láo không? Người có học đôi khi dốt hơn người ít học là thế!

Chiến dịch Cộng Sản chống

«Đê mê vì đĩa hát»

thất bại như thế nào.

(thiếu niên Đông Đức thích nghe nhạc

điệu Tây phương)

□ NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG

MỘT tràng vỗ tay cuồng nhiệt ở hí viện Friedrichstadt-Palast Đông Bá-linh! Tràng vỗ tay dành cho ban «Sput-nich» cho 5 thiếu niên vùng Đức do Nga chiếm đóng (Đông đức) với nhạc cụ và tây ban cầm cũng chơi những điệu cuồng loạn như anh em «Beatles» ở Liverpool, có khác chẳng là tóc bọn này chải chuốt đứng đắn hơn.

Sự thành công của nhóm «Sputniks» trong buổi trình

diễn công cộng trước ống kính đài vô tuyến truyền hình Đông-Đức đánh dấu sự thất bại của các cán bộ Cộng-sản trong xứ «Cộng-hòa dân chủ Đức»: Chiến dịch chống «âm nhạc của bọn lợi dụng Tây phương» và cô vợ cho «những bài hát xã-hội chủ nghĩa» thế là hoàn toàn đổ vỡ. Thiếu niên Đông Đức thích nghe các bài hát Tây-phương ướt át hơn những bài hát tuyên truyền của Cộng sản!

Những bài ca xã hội chủ nghĩa.

Từ khi «Cộng-hòa dân chủ Đức» thành lập, cán bộ đảng đã luôn luôn đòi hỏi cả trong ngành ca nhạc, tiêu đề «Tất cả có lợi cho ta — Đề cao Walter Ulbricht» phải ghi làm lòng. Người viết lời ca bị bắt buộc phải đem những ý tưởng của bản tuyên ngôn Cộng-sản, của chương trình đảng Cộng-sản Nga Sô hay của những nghị quyết của đảng Xã-hội thống nhất Đức (tức đảng Cộng-sản Đông Đức) vào bài hát. Các người cò võ không ngừng cho những bài hát đó. Nhưng vì thế mà họ lại mất hoàn toàn sự ưa thích của quần chúng.

Sau chót chính những người viết lời ca từ chối không chịu xưng tụng Walter Ulbricht một cách tầm thường — vì ngay khi họ đồng ý là bài ca sẽ trung thành theo đường lối Đảng mà vẫn không chịu bỏ đi những tiếng phổ thông được ưa thích, như «nhớ mong»,

«có độc», «thủy chung» thì họ liền bị chính huấn ngay và chính trị rằng những tiếng trên diễn hình cho nhân sinh quan tiểu tư sản!

wodka thay thế whisky

Chán ngấy vì những lời chính kiêu trên, một vài tác giả ra châm biếm tìm một lối thoát. Họ giữ lại những cái lảng mạn được ưa thích nhưng thay vào đó bằng các tên kiêu Nga. Thay vì *Gina*, hát thành *Tamara* hay *Ludmilla*, biển Riviera (Ý) thay bằng biển Crimée (Nga), thay cho whisky là wodka. Nhưng lứa tuổi choai choai bên đó vẫn chưa thỏa mãn.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

Bọn trẻ này thích nghe những bản «*Yeah, yeah*» hơn những bài hát tuyên truyền.

Karl Eduard von Schnitzler, nhà bình luận tài tử của đài vô tuyến truyền hình Đông-đức dạy đám thiếu niên rằng bài hát tây phương như «*Khối tuyết rơi xuống*», khối tuyết đó trọng hình thức của những bài hát thiếu tính chất chính trị muốn đề bẹp đám trẻ tuổi Tây-đức bằng một thứ lảng mạn nô lệ, và sự bất cần đời.

Những người vô sản từ Liverpool

Tuy nhiên chiến dịch chống «đề mê vì đĩa hát» vẫn thất bại. Cán bộ đảng xã hội thống nhất Đức cuối cùng đã phải chính thức rộng rãi hơn đề sự thêm khát âm nhạc của thiếu niên bên đó lảng lại.

Đôi khi họ phải «nhanh trí» lắm mới thoát khỏi được sợi dây tuyên truyền của chính họ ràng buộc. Chẳng hạn bản «*Con tàu sẽ đến*» mới đầu theo họ

chứng tỏ «bên phía Tây-phương không có tình yêu mà chỉ có mãi dâm». Tuy nhiên khi sự hâm mộ của đám tuổi trẻ khiến phải nhập cảng đĩa hát thì các phê bình gia của Đảng lại tìm cách diễn giải khác: «người con gái trong bài hát bỗng nhiên không còn là gái làm tiền mà là một đứa con thân yêu của thời đại chúng ta, chờ đợi người hôn phu lao động!»

Rồi khi ban «Sputniks» và các ban đồng ca khác có gan chỉ đánh những điệu nhạc Tây phương, do đó sự hâm mộ càng nổi như sóng cồn, thì cán bộ Cộng-sản đành bó tay chịu trận: họ biến anh em «*Beatles*» thành «*con của những gia đình vô sản ở Liverpool*» và giao cho xưởng đĩa hát «*Amira*» thuộc nhà nước sản xuất các đĩa hát *Beatle*!

NGUYỄN KHẮC TIẾN
TÙNG
(Tây Đức)



Đêm đọc thơ của một nhà thơ trẻ Việt Nam ở Mỹ

Dưới sự bảo trợ của nhóm « Người Trẻ Việt-Nam » ở Mỹ, một đêm đọc và phát hành thơ Phương-Tấn đã được tổ chức thật thân mật tại « Foreign Training Office » thuộc căn cứ huấn luyện « Sheppard AFB, Texas » trong đêm mừng một tết Việt-Nam. Ngoài khoảng 60 sĩ quan và hạ sĩ quan VN thuộc căn cứ Sheppard đã có thêm một số sinh viên sĩ quan phi hành tại « For Worth » và đặc biệt một số ít người Mỹ thuộc căn cứ Sheppard được mời tham dự trong đêm đọc thơ này.

Tên đêm đọc thơ mang cùng tên với tập « Thơ Tình Của Một Thi Sĩ Việt-Nam Trên Đất Mỹ ». Ngoài những bài viết về quê hương, gia đình và bạn bè ở quê nhà, số còn lại tác giả đã viết về những gì đã sống, thấy và xúc động ở Mỹ.

Góp vui cho đêm đọc thơ Phương-Tấn, một số anh em Việt-Nam yêu văn nghệ đã trình bày một số nhạc « tình » VN và ngoại quốc.

« Thơ Tình Của Một Thi Sĩ Việt Nam Trên Đất Mỹ » là một thành công đầu tiên của một nhà thơ trẻ Việt-Nam trên đất Mỹ

nhóm « Người Trẻ Việt-Nam » ở Mỹ.

ĐÊM ĐỌC THƠ

tuyết ô tuyết ô tuyết

Tuyết ô tuyết ô tuyết
Cung rất cung của ta
Em đến hoa là hoa
Hoa bay như chim ấy
Chim ơi chim ơi chim
em hót trong tay ta
cười sáng trên mái ngói
ấp trắng cỏ như sao
ta ngả lòng tuyết vui
ta ngậm chim trong miệng
chim khóc thành nước mưa
ta cần chim trong miệng
chim kêu buốt những răng
chim là hoa là tuyết
ơi tuyết của ta ơi
ta thương mình rất mực
xin ngả lòng tuyết vui
và ngả lòng tuyết vui

« Clinton county AFB, Ohio »

thơ rời cho ba chị em

Một

Chim kêu từ mai sớm
ta xa từ chiều hôm
lệ rơi không đợi khóc
như yêu người không

hai

tuổi người xinh chi
« ta chết mất thôi
mắt người bay trong lá
và mờ bóng trong ta

ba

vui ngợp trên thân người
lòng bay như nắng ngọt
kéo trắng xuống mà chơi
vải trắng như vải tuyết
ngậm tuyết như ngậm trăng
ngậm người say không biết
bồn

ta vui không kịp cười
lệ rơi không đợi khóc
như yêu người không hay
mãi xa người không hay

« Spring valley, Ohio »

trong sớm mai ở Mỹ

Cần hạt lệ đầu ngày
hay cần hạt mưa mai
lạnh thờ hay ta thờ
hay ô hay nào hay

Trong sớm mai ở Mỹ
buồn như không còn ai
buồn như ngày vừa hé
lòng hằng hà những dao
găm cho cùng dạ nhớ
Cười sao môi lại méo
môi hay lá trong chiều
tuổi ta rầu chi lạ
rầu như những khi vui
trong sớm mai ở Mỹ
ngậm cho hết cơn đường
vuốt cho ráo nước mắt
ráo một bầu mưa mai
« wichit falls, Texas »

* * * * *

* HỒ-XUÂN-HƯƠNG *

* * * * *

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

* NGUYỄN-VỸ

XIV — Hồ-Xuân-Hương bốc thơm Vua Quang Trung

1. — Chiến thắng Đống Đa

(Tiếp theo PT số 240)

Theo gia-phả họ Hồ, từ Hồ-quý-Lý đến Hồ-phí Diên là thân-sinh của cô Hồ-xuân-Hương, thì nữ sĩ Xuân-Hương là em họ của Quang-Trung Hoàng-đế, như tôi đã trình bày rõ-ràng ở Chương I trong thiên biên-khảo này. Cho nên khi Bắc-Bình - Vương Nguyễn-Huệ (Hồ-phí-Huệ) kéo quân ra đánh lấy Thành Thăng-Long (Hànội), Hồ-xuân-Hương

có làm ba bài Thơ tâng bốc người anh em đồng tông với cô, điều đó rất dễ hiểu,

Nơi đoạn nhận-xét, phê bình và kết luận chương này, tôi sẽ đi sâu vào cuộc thảo luận về đề tài trên. Ở đây, trước hết, chúng ta cần phải tìm hiểu ba bài thơ của Hồ-xuân-Hương ám chỉ và ca-ngợi Quang-Trung Hoàng-Đế.

HỒ XUÂN HƯƠNG

Bài thứ nhất: Vịnh Đẩu Kỳ
Hay-hảy trời Xuân lúc
mới trưa.
Anh-hùng đua chí hội
mây-mưa.
Mã-xa chỉ lối quân giông
ruổi
Sĩ-tượng nghênh-ngang
tướng nhớn-nhỏ.
Trên tiệc, tiếng-tầm lừng
bốn góc.
Trong quân, mưu-trí suốt
muôn cơ.
Cảnh hay trước mắt nào
ai biết!
Thú vị thanh-thời đệ
nhất kỳ.

Bài thơ này có chép trong bản thảo bằng chữ Nôm của Hồ-xuân-Hương hiện còn giữ trong Thư-Viện Trường Viễn Đông Bác-Cử Pháp ở Paris (*Textes Nôm* no 2, AB 398, XLVIII), và sao lại nguyên-văn phiên-âm trong quyển *«L'oeuvre de la Poétesse Vietnamienne Hồ-xuân-Hương»*, của Maurice Durand, trang 175-176.

Nhưng tất cả các sách khảo-cứu về Hồ-xuân-Hương và các tập

thơ Hồ-xuân-Hương, xuất bản từ trước đến nay, đều không có bài trên đây. Điều đó rất dễ hiểu, nhưng tôi sẽ đề-cập đến lý do trong phần nhận-xét, phê-bình và kết-luận của chương này.

Hãy đi ngay vào bài thơ trước đã, chúng ta thấy rằng Hồ-xuân-Hương vịnh *«Đẩu kỳ»*, (một cuộc *«Đánh cờ»*), nhưng chủ-ý của cô Hồ ám chỉ chiến-công oanh liệt của người anh họ của cô là Quang-Trung Hoàng đế, được tiết lộ rất rõ-rệt.

Hay-hảy trời Xuân lúc
mới trưa
Anh hùng đua chí hội
mây mưa,

Trái hẳn với tất cả các bài thơ khác của Hồ-x-Hương, trong bài này, (cũng như trong hai bài

REGAST .T

TRỊ CAC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa-Lan

«Vịnh Miêu» và «Vịnh Ông Lưu Bang» (mà tôi sẽ nói sau), cô Hồ không hề đá-dộng một tý gì đến ý-nghĩa dục-tình, kín hay hở. Đề tôn trọng tính-chất trang-nghiêm của đề-tài mà cô lựa-chọn lần này, cô đã gạt hẳn ra ngoài thi-bút của cô mọi ảo tưởng về tình dục, về thể xác, về cái mà «*Hiền nhân quân tử ai là chẳng...* ? lấy danh nghĩa là một cô em họ của Hoàng-đế Quang-Trung đề ám-chỉ và bốc thơm Ngài, lần đầu tiên cô Nữ thi-sĩ di-dôm và tinh-nghịch của giống-họ Hồ-Phi, làm thơ nghiêm nghị và không oái-oăm hay đùa nghịch nữa.

Tuy rằng có ba chữ «*hội mây mưa*» ở phần cuối câu thơ thứ hai, nhưng bốn chữ «*Anh hùng đua chí*» ở phần trên, nhất là hai chữ «*đua chí*» đã xua đuổi hẳn mọi ý-nghĩa có thể xuyên tạc về danh từ «*mây mưa*».

Đây thật là có sự «*đua chí*» của một đấng «*anh hùng*», quyết dành chiến thắng với một địch thủ.

Nhưng đua chí trong hoàn-cảnh nào ? Thì đây :

Hay hăy trời xuân lúc mới trưa.

Ai tinh ý cũng hiểu ngay rằng cô ám chỉ ngày mồng 5 Tết hay-hăy (mát mẻ) trời xuân, vào khoảng «*mới trưa*» Vua Quang Trung đã rầm rộ kéo quân xông vào hạ Đồn Thái-Hà-Áp chiến thắng lấy lòng oanh-liệt ở mặt trận Đống-Đa.

Anh-hùng Nguyễn-Huệ quyết *đua-chí* trong trận vũ-bão này, ào ạt như *mây mưa* để rửa sạch quân thù. Và Nguyễn Huệ đã thành công toại chí.

Mã xa chỉ lối quân giơng ruổi

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE- G

**Sĩ tượng nghênh ngang
tướng nhớn-nhờ**

Đại thắng ở Đống-Đa, xe-ngựa liền mở đường *chỉ lối* cho quân của Nguyễn Huệ *hăng say tiến vào* Kinh thành. Sầm-nghi Đống đã thất cô tự tử, Tôn-sĩ-Nghị đã chạy trốn qua sông, Lê Chiêu Thống đã bỏ thành theo giặc Tàu, cho nên *quân lính và tướng tá* cỡi voi đi *nghênh ngang* vô thành phố, reo mừng *nhớn-nhờ*.

**Trên tiệc tiếng tam lừng
bốn góc**

**Trong quân mưu trí suốt
muôn cơ**

Bắc-Bình-Vương Nguyễn Huệ *thết tiệc* khao quân, uy-danh của Ngài đại thắng quân Tàu, nổi dậy như cồn, *lừng vang bốn góc trời* khiến ở phía Bắc Trung quốc hải sợ, phía Tây Lào, Thái phải kinh, phía Nhật-bổn phải khiếp, phía Nam Nguyễn-Nhạc (Trung ương Hoàng Đế) được tin vô cùng kích-dộng,

Được chiến thắng vẻ-vang như thế, là vì Vua Quang Trung đã khéo vận dụng *mưu trí* trong chiến thuật sắp đặt (sáng-suốt) trong *muôn* nghìn *mưu cơ*

**Cảnh hay trước mắt nào
ai biết**

**Thú vị thanh thời đệ nhất
kỳ**

Thăng-Long biết bao nhiêu *cảnh hay* (cảnh đẹp) *ngay trước mắt*, nhưng bậc anh hùng không cần biết đến. (Vì Ngài đâu phải là Văn nhân Thi Sĩ !). Sau tiệc liên hoan, Ngài *thanh thời* nhàn-tĩnh, hưởng lạc-thú của con nhà võ : Đánh một ván cờ *đệ nhất* thiên hạ !

★

Hiệu hết bài thơ đề tựa là «*Vịnh đấu kỳ*» của Hồ-xuân-

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

Hương, ngày nay chúng ta là kẻ hậu-thế, tìm chẳng thấy đâu cả ý-nghĩa cụ thể của một cuộc đánh cờ thông thường. Suốt 8 câu thơ,



chỉ có hai câu 4 và 5 là nói phớt qua những con cờ trên bàn cờ mà thôi. Nhưng toàn thể 8 câu đều diễn tả rõ rệt chiến thắng Đống Đa của Hoàng-đế Nguyễn Huệ, mà cô con gái có quyền kiêu hãnh của ông Hồ-Phi-Điện biết rõ anh chàng tên thật là Hồ-Phi-Huệ !

Sau khi cô đề 6 câu thơ bốc thơm chiến công hùng hổ của người anh họ cùng tộc-hệ với cô ở Nghệ-an, cô dành riêng hai câu kết để chê chàng : chỉ là một võ tướng không phải một Văn nhân.

Ngay đối với Quang-Trung Hoàng-đế, mà cô tâng bốc là lá cờ cao «Đệ nhất» trong thiên hạ, cô vẫn trề môi ranh mãnh chê ngài

chẳng biết thương thức, đôi chút hi-vị Sơn thủy của Văn nhân.

Phục con người võ-tướng, mà chê con người thiếu óc văn-ngệ. Bởi chính cô là một nhà Thơ thiên-tài. Cho nên sự đột ngột của hai câu kết khiến cho chúng ta vô cùng ngạc nhiên. Dù là trong một bài thơ nghiêm-ngệ đã gạt bỏ hết mọi ý-nghĩa ỡm-ờ ranh-mãnh, Hồ-



Xuân-Hương vẫn giữ nguyên vẹn bầm-tính kiêu hãnh di-dâm của cô. Cô cười Quang-Trung Hoàng-đế là một cây cờ «Đệ-nhất» thiên-hạ, chỉ phất một cái là xua sạch cả quân Tàu, nhưng chẳng hơn được văn-tài của một cô em họ !

(Còn nữa)

ANACINE

TRỊ PHONG NGỪA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

Chung quanh chuyện

HAI ÔNG MỘT BÀ...

● PHẠM-VĂN-ƠN

Các dân tộc từ Á qua Âu đều mê tín không nhiều thì ít. Tây-phương mỗi ngày một tiến. Văn-minh khoa học đã đập tan được rất nhiều dị-doan mê tín mặc dầu bây giờ ở dưới trời tây vẫn có một số người làm nghề đồng cốt, thờ cúng ma quỷ, tin điều quái đản.

Nhưng các dân tộc Đông-phương cho đến ngày nay vẫn giữ nhiều mê-tín hơn cả, xét ra đời sống với thiên nhiên ngày xưa, nghĩa là đời sống tự ngàn đời vẫn còn duy trì ảnh hưởng của thần thánh bởi lẽ dân-dị nhất là chúng ta còn lạc hậu, chậm tiến. Người Tàu và các đồng bào Thượng xét ra còn sống với thần thánh ma quỷ nhiều nhất. Chúng ta chung đụng với người Tàu từ đầu kỷ-nguyên

Thiên chúa qua suốt một ngàn năm nên đã lây họ khá nhiều tập tục vô lý, vô nghĩa.

Người Tàu tin trọng cuộc sinh hoạt hàng ngày của con người có sự soi xét của 5 vị thần là: Thần cửa, thần giếng, thần bếp, thần nông, thần mái tranh. Người ta gọi là ngũ tự, tức là 5 chữ Thờ ở trong nhà. Chúng ta không có thể giấu gì trước mắt của 5 vị thần kể trên. Và người ta e-lè nhất ông thần Bếp tức Tư mệnh thần, eho rằng ông thần này hiểu biết sự sống chết của con người. Ông là đại diện của Thượng-đế để xét các điều thiện ác dưới thế-gian hàng ngày. Rồi với kẻ thiện, thần đề nghị với Thượng-đế cho hưởng phước lành, với kẻ ác thần sẽ xin trừng phạt bằng cách gieo tai ương, bệnh hoạn, xui nên các

cuộc thất cơ lỡ vận để mà điều đứng
đề mà chết.

Thần Bếp được người ta
trọng vọng, tôn sùng vì tin có sự
chi phối trực-tiếp, gián-tiếp và
thường-xuyên đến cá nhân và gia
đình, ngược lại dần dần người ta
thờ ơ với bốn vị kia. Do lẽ này
mỗi gia đình có một bàn thờ
Thần Bếp tức Táo quân, sau đó
có việc thờ cả Thổ-Công tức Thổ-
thần. Ông thần đất như vậy cũng
chỉ thua có Thần-Bếp mà thôi.
Ai muốn được yên chốn, yên sở
phải biết đến thần đất. Đặc biệt
với Táo quân, cả ngàn năm nay
có tới ngày 23 tháng chạp cuối
năm, theo tục truyền, người ta làm
lễ cúng Táo quân lên bầu trời.
Táo quân sẽ làm sổ tàu lên Thiên
đình các điều thiện ác ở nhân gian.
Người ta mua con cá chép để làm
ngựa cho Táo công cưỡi lên mây
xanh dạng gợn cụ Trời, duy tại
sao cá chép lại thành ngựa của ông
Táo chúng tôi chưa tìm ra lời giải
thích. Liền theo việc sắm sửa ngựa
ngựa cho ông, người ta mua cả
mũ, áo mà lại không mua quần.

Lại một chuyện lạ nữa: tại sao

đề ông Táo ở trường?

Tất phải có ý nghĩa gì đó mà
nay ít ai biết trong khi cổ bản
long trọng được đặt ra để tiễn chân
ông Táo, như vậy người ta tôn
sùng ông Táo đặc biệt, còn có tiếc
gì!

— Mà tiếc ông Táo là nguy
lắm đó!

— Tại sao?

— Xìu thưa nếu không hỏi-lộ
ông Táo như mấy ông lớn ở thế
gian ngày nay, ông Táo bị tội
hay cứ sự thật tàu cụ Trời trừng
phạt thì chỉ có quanh năm cơm
đen vụng tưng, đôi cơm rách áo,
ra tù vào khám là đủ bề mặc cuộc
đời. Nói cách khác người ta hậu
đãi ông Táo để ông đổi trắng thay
đen cho. Táo sao âm vậy mà!

Bây giờ chúng ta thử triết lý
để tìm ra cái thâm ý của cổ nhân
trong việc tôn sùng Táo quân.

Chưa chắc đặt ra việc thờ ông
Táo là dị-đoan nhé! Có người
nghĩ (và có lý) rằng cổ nhân muốn
khuyến khích loài người vốn đầy
tội lỗi ăn ở cho đàng hoàng cha

ra cha, con ra con, vợ ra vợ,
chồng ra chồng, nên đặt chuyện
ông Táo ra mà hăm những kẻ có
nhiều thói hư tật xấu. Nếu làm
càn, dầu che đậy khéo léo kỹ càng
thế nào cũng không qua được mắt
ông Táo tuy rằng ông Táo chỉ ở
xó bếp, nơi tối tăm nhất. Tóm
lại cổ nhân lấy chuyện quỷ thần
ra răn người đời rồi vì quá sợ
ông Táo người ta bày thêm việc
cúng vái rồi để ra dị đoan. Có
thể thôi!

Người Tàu, đặt tên Táo là thế
nào?

Xem *Cổ chu lễ* thấy có nói:
ông Chúc Dung làm Táo thần.
Sách Hoài-nam-Tử viết: Vua
Hoàng đế làm ra bếp để nấu nướng
sau chết đi làm Táo thần. *Ngũ
kinh-dị nghĩa* chép: Táo thần
họ Tô tên Cát Lợi, phu nhân họ
Vương, tên là Bắc đầu. *Dị
duyên tạp chử* nói: Táo thần
họ Ngõ, hình giống như con gái.
Lại có họ là Trương, tên là Đan,
tên tự là Tử Quách, phu nhân tên
tự là Khánh-ky, sinh ra 6 cô gái
tên là Sát trị. Còn nhiều chuyện
nữa, quái đản, hoang đường đề

cho những kẻ lợi dụng mê tín
làm kẻ mưu sinh, không đáng tin,
thưa các bạn.

Ở miền Hoa Bắc nước Tàu có
một chuyện khá buồn cười về Táo
quân. Đó là tục «*Túy tư mệnh*».
Người ta cho rằng Táo quân rất
sính rượu chè, khi say tít rồi thì
không còn biết trời trăng là gì
hết.

Ngày 23 tháng chạp, Táo quân
lên bầu trời thì người ta mua rất
nhiều tiền giấy, gọi là «*tiền thế
mạng cho cả nhà*», dán tranh ngựa
lên vách bếp, dốc cả hũ lớn hũ
bé ra bếp và cửa bếp như dội
nước.

— Đề làm gì?

— Thưa đề ngài Táo quân say
tít cùng tháng rồi lên tới thiên
đình sẽ không còn nhớ điều gì
xấu xa của thế gian để tâu bẩm
lời thơ.

Thế là họ đánh bả Táo quân,
một tội thứ hai sau tội hối lộ.
Với cái trò này thì Táo quân nào
mà chẳng bị sập bẫy, trách nhiệm
Trời trao cho thế là hồng bét.

Có người nói rằng ta tiễn ông Táo lên trời ngày 23 tháng chạp, nhưng người Tàu lại cúng ông Táo vào ngày 24. Vậy là thế nào ?

Có lẽ cụ Trời đặc biệt cho ông Táo Việt được lên châu trước ông Táo Tàu chăng ? Hơn một ngày hay một chước mà !

Lư-Ẩn đời Đường có bài thơ «Thập nhị nguyệt, nhị thập tứ tổng Táo» có câu :

Nhất trần thanh trà nhất lữ yêu
Táo quân hoàng đế thượng thanh thiên..

nghĩa là :

«Một chén trà, một nén hương,
«Tiễn đưa cụ Táo thẳng đường
lên mây,

Nhà thơ trào phúng của ta là Tú-Xuyên viết :

Hôm nay tháng chạp hai mươi ba,
Ông Táo lên trời mách chuyện ta...

Rồi ở Việt-Nam không biết vì ai mà có một sự tích khá ly kỳ,

bắt dẫn về ông Táo như sau :

Xưa có hai vợ chồng nghèo nhưng rất thương yêu nhau, sau vì một duyên cớ nào đó hay vì cần đi xa để kiếm kế sinh nhai, người chồng biệt vợ nhưng trước khi lên đường dặn vợ nếu quá ba năm không về thì vợ nên đi lấy chồng khác. Người vợ ở nhà vẫn chăm chỉ làm ăn như thường rồi ba năm thấm thoát, người đi cứ mỗi ngày một biệt tăm tích, người vợ lo buồn chỉ biết có khóc than mà thôi. Nhưng rồi cảnh nhà mỗi ngày thêm bần bách không có gì để cấp dưỡng mẹ già nàng phải nhận sự cứu mạng của một ông già nhà giàu bên xóm. Rồi một ngày kia mẹ nàng hấp hối chết. Bà dối dằng rằng nên lấy ông già nhà giàu vừa đề trả ơn bà mới nhắm mắt được ngoài ra nàng cũng cần có nơi nương tựa cho yên thân nhất là nàng còn trẻ. Rồi lại chính ông già bỏ tiền ra tống táng cho mẹ nàng. Nàng đành vâng lời mẹ, bước đi bước nữa, nhưng duyên mới chưa vui được quá hai tháng thì người cũ ở xa về.

Chàng không tỏ sự hờn giận, chỉ tủi mình bất tài không nuôi được mẹ già, không chu tất được cho vợ đến nỗi nàng phải bán mình trả nợ hiếu tình. Người chồng đau khổ ấy chỉ tự trách mình rồi thất cổ tự vẫn. Thấy vậy người vợ cũng hết sức đau khổ không thiết sống nên ra bờ sông trẫm mình chết theo. Còn ông nhà giàu, ông cũng có điều thắc mắc trong lương tâm, coi như mình phạm tội sẽ duyên người ta rồi vì sự lơ đãng cả hai cùng chết. Ông cho mọi tội lỗi ông đáng phải gánh hết.

Những linh hồn oan khổ ấy xuống Diêm la, địa-phu phải ra trước tòa phán xét. Diêm-vương tra hỏi biết rõ sự tình của mỗi người rồi đệ hồ-sơ lên thiên-dình xin Thượng-đế định-đoạt.

Thượng-đế hỏi người đàn bà đối với chồng trước nàng nghĩ thế nào. Nàng đáp :

— Nàng vẫn thương yêu chàng vì lấy nhau từ lúc hàn vi. bữa cơm bữa cháo có nhau chỉ vì cảnh nghèo, mẹ già tật bệnh nên phải chịu ơn người chồng mới,

Với người chồng sau, nàng nghĩ sao ?

— Người chồng mới là ân nhân, làm ơn chẳng vụ lợi, việc hôn nhân với người ân nhân chỉ là chuyện ơn báo nghĩa đền chớ không có vì ép-uống, nên tuy mới lấy nhau mà đôi bên vẫn tương thân, tương ái...

Thượng-đế không biết xử trí cách nào hơn là đặc ơn cho ba người sống chung thành bộ ba vì rẽ duyên một người trong bọn họ. Thượng-đế cũng cho là có tội. Xum họp, đoàn tụ, cùng sống chung một nhà là biện pháp hay hơn cả. Tuy nhiên Thượng-đế vẫn thông tư đi khắp trần gian cho hay đây là một trường hợp hi-hữu, bất khả kháng; kẻ nào bắt chước làm chuyện đa phu đa thê vẫn là «vi hiễn», kẻ vi luật, vi hiễn thác xuống âm-phủ vẫn có thể bị quỷ sứ bề rầy rút lưỡi như thường...

Về phần ông Táo Tàu thì không có chuyện hai ông một bà như gia đình Táo quân Việt-Nam, thế mới biết ở Việt-Nam cái gì cũng hết sức đặc biệt, và khác người.

P.V.S.

Tìm hiểu và so sánh hai bài thơ hay cận đại:

«Thề Non Nước»

của

Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiểu
và bài

«Lời Non Nước»

của

Kỳ-Đồng Nguyễn-văn-Cầm

● ĐÔNG-TÙNG

NĂM đó, (1958) chúng tôi làm thư ký tòa soạn cho tờ tuần san *Minh-Tân*, cơ quan văn hóa của hội Khổng-học Việt-Nam, do cụ Nguyễn-Trác, phó hội trưởng hội này làm chủ nhiệm.

Một hôm tại trụ sở hội, nhận được một tập san nọ... do tòa soạn tập san đó gửi tặng. Trong

số tập san đó có một bài viết về Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiểu. Kèm theo một cái « xú-tít » :

« Từ thi sĩ, tới chí sĩ ».

Sau khi xem qua, cụ Nguyễn-Trác trao lại số tập san cho tôi và nói :

— Cứ đưa nhau viết thăm thẳm, có gì ở Nguyễn-khắc-Hiểu mà

TÌM HIỂU

gọi là Chí-Sĩ được ? Ông Hiểu là một nhà thơ, một nhà thơ rất hay, có khuynh hướng lãng mạn lại cũng sáng tác và dịch thuật nhiều. Nếu ai có say ông ta, thì cứ gọi là « Thi-hào » hay « Thi bá » thì cứ gọi. Còn gọi ông Hiểu là Chí-Sĩ thì là một sự lạm dụng danh từ lố bịch.

Trong khi chúng tôi đang choáng váng với câu nói trên, thì cụ Trác lại tiếp :

— Có lẽ cũng vì nhận thức ngộ mậu như thế, cho nên trong chương trình giáo dục ở miền Nam Việt-Nam, người ta mới để Nguyễn-khắc-Hiểu vào, đem Huỳnh-thúc-Kháng ra.

Nghĩ ngợi lại một vài phút, cũng theo mọi người, tôi trả lời cụ Nguyễn-Trác :

— Thừa cụ, gọi là chí sĩ hay không phải chí sĩ, cũng tùy thuộc ở lập trường và ý kiến từng người hay ý kiến từng nhóm người.

— Lại thêm một ông nữa nguy hiểm. Cụ Trác nói hơi lớn tiếng.

— Vậy thưa cụ, danh từ chí sĩ, nghĩa nội hàm và chính xác của nó là sao ?

— Có lẽ cũng vì người ta chưa hiểu, hay cố tình hiểu sai như ông, cho nên mới có những lạm dụng hàm hồ. Rồi Cụ Trác tiếp tục giải thích :

— Danh-từ Chí-Sĩ xuất phát từ câu sách : « Sĩ hà sự, viết thượng chí sở thượng nhất chí, nhi chí lão bất vong, chí tử bất biến, viết CHÍ-SĨ » (Sao gọi là Sĩ, kẻ sĩ là người phụng sự một chí hướng chỉ một chí hướng thôi, cho tới già không quên, tới trường hợp phải chết cũng không thay đổi, mới gọi được « CHÍ-SĨ »)

Còn ông Nguyễn-khắc-Hiểu thì ông đã phụng sự cái chí hướng gì, ngoài câu chuyện thơ phú ngâm nga, rượu chè túy lúy — có khi thuốc phiện cũng không từ — Nếu như năm ông thi vào trường hậu-bồ, mà lúc đó chữ Tây ông khá, phiên dịch được trôi chảy bài tiếng Pháp : « Le chien est un animal très utile à l'homme » thì cũng đàng hoàng, rồi học và ra làm quan

tại, nó lệ cho Pháp như bọn chúng tôi, chứ chí-sĩ cái gì?

Tôi liền thay đổi chiến thuật để bênh vực cho Tân-Đà Nguyễn khắc Hiếu Tiên-Sinh, một thi hào mà tôi hằng ngưỡng mộ. Tôi nói:



— Thưa Cụ ? khi qui định Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu là một nhà Chí-Sĩ, có lẽ người ta đã bằng vào một số ít tác phẩm của ông, cụ thể nhất là bài thơ «Vịnh bức địa đồ rách» và bài «Thề non nước»

Cụ Nguyễn Trác cắt ngang lời tôi :

— Thế cũng không ổn, hai bài đó tôi đều đã đọc kỹ. Bài vịnh bức địa đồ rách, chỉ gởi gắm một ý thức tiếc rẻ văn vật, nội dung không nói lên được cái gì cụ thể hết. Còn bài «Thề non nước» của ông ngoài một số kỹ thuật chơi chữ, bóng bẩy, uyển chuyển ra, nội dung cũng rất mung lung, trừu tượng văn vật... nêu chỉ có ngần ấy thôi, mà cũng được gọi là Chí-Sĩ, thì chao ôi : danh-Từ chí-sĩ sao mà rẻ rúng quá.

Tôi đây cụ Nguyễn-Trác, viên điều thuốc lảo bỏ vào điều ống rồi quẹt diêm hút, sau khi buông cần, cụ tiếp :

— Cũng một đề tài ấy, nhưng bài của Cụ Kỳ-Đông Nguyễn-văn-Cầm, nó cụ thể và nói lên được rất nhiều hơn, có ngôn và có hành tự nhủ mình phải có hành, và cũng khuyên người khác hành nữa, chứ không phải là phát phơ, trừu tượng như «Thề non nước» của ông Hiếu.

Từ hôm chúng tôi được nghe cụ Nguyễn-Trác phân tích hai bài thơ hay cận đại đến nay, chúng tôi vẫn có những thắc mắc. Mặc

dù không hoàn toàn đồng ý với cụ Trác, nhưng cũng không thể bảo rằng tất cả những lời của vị cựu Nho này là không có một phần nào đúng nhất là đoạn ông xác định về danh - từ « Chí-Sĩ ».

Nay nhân làm việc ở Thư viện (phòng sưu tầm) chúng tôi được đồng thời bắt gặp lại 2 tác phẩm đó. Vậy xin sao lục lại đây cả hai bài, để chất chính cùng các quý vị độc giả thử thẩm định lại giá trị của hai tác phẩm, cũng như lời nhận xét của cụ Nam-Châu Nguyễn Trác.

● Vài nét sơ giản về Tân-Đà Nguyễn khắc-Hiếu

Nguyễn-khắc-Hiếu, hiệu Tân-Đà (1888-1939) người xã Khê thượng, huyện Bát-Bát, tỉnh Sơn Tây (Bắc-Việt) con cụ Nguyễn-danh-Kê. Trước theo Nho học, thi nhiều khoa không đậu, sau chuyển làm nghề viết quốc văn, từng làm chủ bút tờ tạp chí « Hữu-Thanh » năm 1921 và An-Nam tạp chí năm 1926. Là một thi sĩ cận đại, có lối thơ nhẹ

nhàng, uyển chuyển, có những tư tưởng phóng khoáng, tự do.

Tân-Đà đã có rất nhiều thi phẩm, văn phẩm được lưu hành, cũng như có nhiều bài thơ truyền tụng. Điển hình nhất là bài «thề non nước».

Thề Non Nước

Nước non nặng một lời
thề,
Nước đi đi mãi không về
cùng non,
Nhớ lời nguyện nước thề
non,
Nước đi chưa lại, non còn
đứng không.
Non cao những ngóng cùng
trông,
Suối tuôn dòng lệ chờ mong
tháng ngày.
Sương mai một năm hao gầy,
Tóc mai một mái đã đầy
tuyết sương.
Trời tây chiếu bóng tà dương,
Cang phơi vẻ ngọc, nét vàng
phối pha
Non cao tuổi vẫn chưa già,

TÌM HIỂU

Non thời nhỏ nước, nước
mà quên non.

Dù như sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, hãy còn
thề xưa.

Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra bề lại mưa về
nguồn.

Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm
chi.

Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn xanh tươi tốt, non thì
cứ vui.

Nhìn năm giao ước kết đôi,
Non non, nước nước, không
người lời thề.

Thiệt không ai phủ nhận được cái hay và âm ba tiết điệu hay là phần nhạc trong bài «Thề non nước» của nhà thơ Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiểu. Nhưng nếu bảo rằng trong đó có bao hàm tinh thần ái quốc để gọi Thi-sĩ là «Chí-Sĩ» thì cũng thiệt là khó khăn vô cùng trong việc tìm kiếm.

Sau đây chúng tôi xin tiếp tục giới thiệu bài «Lời non nước» của Cụ Kỳ-Đồng Nguyễn-văn-Cầm.

Vài nét sơ giản về Cụ Kỳ Đồng

Chính tên là Nguyễn-văn-Cầm, mà Kỳ-Đồng cũng không phải là một biệt hiệu do đương sự tự đặt cho mình, như những người khác thường làm.

Kỳ-Đồng là một cái tên do vua Tự-Đức đặc-tứ, theo lời phúc bẩm của những quan trường ở tỉnh Hưng-yên khi chấm bạch thi, thấy Cụ còn quá đồng-ấu rồi ra nhều câu đối, Cụ đổi lại những câu đối mà người ta nói là đến những tay giáp bảng cũng không thể theo kịp.

Kỳ có nghĩ là lạ-lùng. Đồng là đưa trẻ Kỳ-Đồng nghĩa là đưa trẻ lạ lùng; cũng na ná như nghĩa chữ Thần-Đồ g. Vì tên của nhà vua Đặc-Tứ cho nên người đời chỉ dùng cái tên «Kỳ-dồng» ấy để gọi ông.

Kỳ-Đồng là một người có tinh thần yêu nước, ông lớn lên giữa lúc Pháp đã đặt xong nền tảng thống trị Bắc-kỳ. Thoạt kỳ thủy, ông tổ chức lên một đám học sinh kéo tới tỉnh lý, cũng giống như

TÌM HIỂU

đội cần vương sĩ tử của Phan bội Châu lúc tráng niên. Việc làm của ông đương nhiên phải thất bại.

Nhưng người Pháp biết ông là một người có biệt tài, được mọi người đương thời tôn trọng, họ không muốn trừng trị như những trường hợp khác, nên họ đã cấp học bổng cho ông đi du học ở Alger. Ông là người Việt-Nam đầu Tú-tài Pháp đầu tiên. Đầu Tú-tài ở Alger, người ta lại đem ông về Pháp học thêm và sau đó người Pháp nghĩ muốn đem ông trở về nước làm quan, nhưng bị ông từ chối.

Kỳ-Đồng là một người có tinh thần yêu nước và ham hoạt động.

Sau đây là bài «Lời non nước» của ông :

Nước xanh biếc lừng lờ một
dải,

Kề trên bờ một trái non
cao,

Nhân khi ngẫu-nhĩ gặp
nhau,

Nước non bày tỏ nóng sâu sự
đời.

Non bảo nước : « bác người
lich duyệt »

Khắp xa gần đi hết mọi
nơi ;

Đục trong đã trải mùi
đời,

«Gốc nguồn xin kể cho tôi biết
cùng »

Nước nghe nói nổi lòng tỏ
giải

Rằng « tôi nay tứ hải vi
gia »

Thênh thênh đâu cũng là
nhà,

Khi vào lục địa, khi ra hải
tân.

Khắp thiên hạ nhân dân
mong mới

Mong gặp tôi cho khỏi khổ
khan,

Khắp loài sinh vật thể
gian,

Công tôi vun tưới muôn ngàn
năm nay.

Thở hơi ra thành mây ngũ
sắc

Phun ra mưa nhuần khắp
mọi nơi.

gọi là cũng tạm giúp đời,
Giở hay xin dạy cho tôi biết
cùng !

Non nghe nói trong lòng chán
ngất.

Bảo nước rằng «bác thực
rối hơi»

Công đâu chìm nổi với đời,
Mà trong, mà đục, mà vui,
mà đây ?

Cứ như tôi thế này cũng đủ :
Riêng một bầu, một thú làm
vui,

Tro tro đứng ở giữa trời,
Còn trời còn đất vui chơi còn
nhiều.

Nước nghe nói mấy điều trái
ý,

Mắng non rằng : «Nghĩ lý
phải đâu»

Thử xem một quả địa cầu,
Cỏ kim từng mấy bề dâu đời
dòi.

Kìa cứ lấy mặt trời mà nói,
Sáng phương đông chiều tới
phương tây,

Trăng còn khi khuyết khi
đầy,

Bốn mùa khi hạn đem ngày
khuac nhau,

Máy tạo-hoá ngã uầu vô định
Phải tìm đường mưu tính
mời xong.

Chỉ tôi đã quyết giao thông,
Dẫu rằng trong đục, đục
trong, quản gì.

Ai lại cứ ngồi ỳ như bác,
Coi sự đời chẳng khác chiêm
bao !

Đêm ngày mượn thú tiêu dao,
Dù ai muốn khoét muôn đào
cũng thôi.

Thế còn mọc ra đời chi nữa ?
Chật đất thêm mà có ích gì !
Mau mau phải tỉnh phải suy :
Đã kia nước chảy có khi
cũng mòn.

Qua những lời trách non của
nước, chúng ta thấy được tác
giả là một người rất thực tến và
ham hoạt động, không bao giờ
muốn sống cuộc sống nhàn rỗi hư
sinh.

Người ta thường nói : «Văn
tức là người» Nếu. câu nói ấy
đúng, thì chúng ta nhận xét Cụ
Kỳ-Đồng Nguyễn-Văn-Cẩm như
vậy cũng không sai.

ĐÔNG-TÙNG

Tiểu Long Mã

THẾ LAN

CÂU chuyện tôi kể đây là
câu chuyện một con ngựa thần,
con « Tiểu-long-Mã ». Chuyện
xảy ra ở xứ Ưu-Đàm, vào một
thời xa xưa, xưa lắm. Thời đó
xứ này là một miền gió hòa mưa
thuận, và cũng như mưa gió, lòng
người rất dễ thuận hòa.

Nhờ sự thuận hòa của mưa
gió cũng như của lòng người, mà
nhân gian ai nấy đều được sống
trong no ấm. Nơi nơi, giữa đồng
hoa nội cỏ, trên nước biếc non
xanh, vang lên những tiếng ca vui
của thời bình trị. Đã cỏ hoa cầm
tú, có sơn thủy hữu tình, mà

ngoài ra, xứ Ưu-Đàm còn nổi
danh là một miền linh địa. Với
núi Linh-Sơn bốn mùa tuyết phủ,
với sông Thiên-Giang bắt nguồn
từ đỉnh núi để rồi đem dòng



nước thiêng nhuận gội khắp quê
hương. Núi Linh-Sơn sở dĩ được
coi là linh địa là bởi vì, đối với

dân tộc Ưu-Đàm nó chính là nơi xuất tích của tổ tiên. Ngày ngày, khi ngược mặt quan chiêm đỉnh núi, bốn mùa tuyết phủ, họ cảm thấy như tìm gặp tổ tiên của họ, những vị Thần Tiên cao cả mà tuy hình bóng không còn nữa, nhưng vẫn còn bất diệt với trăng sao. Còn dòng Thiển-Giang thì nó lại liên hệ đến một vị thần tăng của thời xưa đã đắc đạo và từng ra tay hành ma diệt quỷ, cứu độ muôn người. Vì những lẽ đó nên xứ Ưu-Đàm đã từng được coi như là «Cực lạc chi địa». Tuy nhiên, đối với những bọn con buôn tham ác thì nó lại là một món mồi ngon béo bở...

Thuở đó, ở về phương mặt trời lặn có một giống người cực kỳ tham ác gọi là giống Tây-Độc. Giống người này lấy tiền và bạo lực làm chủ nghĩa, và để thực hành chủ nghĩa đó, vua xứ họ đã tổ chức những đoàn con buôn đi khắp bốn phương. Những đoàn con buôn này mang theo những món hàng thuộc loại đổi trụy, như ma túy, dâm dược, kỷ nữ... Và kể cả những loại kỳ trân dị bảo, mục đích làm bại hoại người tiêu thụ.

Và bên những hàng hóa của giống người Tây-Độc, là khí giới và là phù thủy. Khí giới để tàn sát người, và phù thủy để mê hoặc người.

Một ngày kia, bước chân của một trong những đoàn con buôn này tìm đến Ưu-Đàm Thánh-địa. Và tất nhiên cũng như ở những nơi khác, chúng giở trò mua bán ra. Nhưng thử hỏi một dân tộc thuần lương như dân tộc Ưu-Đàm có khi nào lại chịu mua bán những món hàng đổi trụy phản lại truyền thống của ông cha như thế? Thế là tai họa đã xảy ra: bọn con buôn Tây-Độc liền giở khí giới ra tay tàn sát và vơ vét. Nhân dân Ưu-Đàm mặc dù thuộc một dân tộc anh hùng bất khuất, nhưng trong lúc không hề phòng bị, chỉ yêu sống hòa bình nên đành cam thất trận mặc tình cho bày ác quỷ độ lốt con buôn dày xéo, và sau đó thống trị quê hương mình.

Trong lịch sử, thêm một lần nữa, một dân tộc hiếu hòa lại chịu sa vòng nô lệ. Và từ đó, bọn con buôn Tây-Độc tha hồ đi khắp xứ.

Và một hôm, trong lúc cắm trại giữa một vùng sa mạc, một con buôn Tây-Độc đã bắt gặp một con ngựa nhỏ nằm hấp hối trên biển cát, dưới ánh nắng chói chang. Con ngựa này có một bộ lông đỏ như lửa chiếu ánh lấp lánh, nếu chỉ xét về bộ lông thôi thì quả là một bảo mã trong đời. Nhưng con ngựa này thân hình lại chỉ còn da bọc xương, và cái vẻ nằm vật của nó, mép sùi bọt, ngực thoi thóp, mắt lờ đờ, thì trông thật là thảm nào. Một tên lính hộ vệ trong đoàn con buôn, quen tính độc ác, liền chạy đến đá mạnh vào lông con vật. Vừa đá, hấn vừa cất tiếng chế diễu.

— Ha ha, đồ con ngựa chết toi. Cái xứ Ưu-Đàm này thì chỉ sản xuất toàn những giống chết toi. Người chết toi, ngựa cũng chết...

Đá chán, chửi chán, hấn bèn giơ cao ngọn dáo, định phóng xuống đó kết liễu đời con vật.

Cũng may là lão phù-Thủy trong đoàn vừa bước tới. Lão đưa tay nói «khoan đã» và cúi

xuống quan sát kỹ con vật. Thì ra lão Phù-Thủy có cặp mắt rất tinh đời: bộ lông đỏ như lửa và có ánh sáng lấp lánh của con ngựa hấp hối kia đã làm lão chú ý... Một bộ lông như thế phải là dấu hiệu phi thường...

Quan sát xong, lão phù Thủy đứng lên với vẻ mặt nghiêm trọng. Lão ra lệnh cho tên lính phải săn sóc con vật: «Hãy cho nó ăn uống từ từ...» Và lão bước ngay vào lều tên trùm buôn để báo cáo mọi sự.

Thì ra con ngựa hấp hối kia quả là một vật phi thường. Nó chính là giống long mã. Giống ngựa này, che là rồng, mẹ là ngựa, và nguyên xứ của nó là ngọn núi Linh-Sơn Tuyết phủ bốn mùa kia. Chẳng hiểu tại sao con ngựa thuộc giống thần câu này lại lạc lông đến nơi đây để rồi hấp hối trên sa mạc.

— Con «Tiêu-long mã» này, lão phù thủy nói:

— Vốn có sức đi xa ngàn dặm. Trong kinh phù thủy của xứ chúng ta có tả về nước phi của

nó : thực là như gió cuốn mây bay, Nay may mà chúng ta bắt được một con như thế, thực là trời giúp chúng ta trong sứ mệnh phổ biến văn hóa phù thủy ở các nước phương đông này. Vậy chúng ta đừng giết nó, hãy nuôi nó từ từ để vừa làm ngựa thồ vừa làm chiến mã, tiện lợi vô cùng.

Tuy nhiên, lão phù thủy hạ giọng tiếp :

— Có một điều mà chúng ta phải nhớ là con ngựa này cha nó là rồng tức nó là phải giống chí-linh. Tuy ngày nay nó gặp hoạn nạn, sẽ phải làm nô lệ cho chúng ta, nhưng trong tiềm thức nó không quên tổ tiên nó là Rồng đầul. Nếu một ngày kia nó nhận thức ra điều đó thì nó sẽ bỏ chúng ta mà đi..: Theo truyền thuyết thì giống ngựa này, một khi gặp cơ hội, có thể mọc cánh mà bay lên trời. Điều này nếu có thì cũng chẳng có gì là khó hiểu, bởi vì cha ông nó chẳng phải là Rồng tung hoành trời biển đó sao?

Cho nên điều cần là chúng ta phải tìm cách ngăn cản không cho

nó nhận thức ra chân tướng của nó... Cũng dễ! chỉ việc dùng keo đen sơn một lớp dày lên bộ lông đỏ của nó, và đồng thời che mắt nó lại, không cho nó nhìn thấy gì chung quanh... Còn một điều nữa là chúng ta nên tránh không cho nó được qua sông suối... Nhất là dòng suối Thiên-kê, thượng lưu của con sông Thiên Giang thì lại càng đại kỵ...

Qua câu chuyện trò giữa lão phù-Thủy và tên trùm con buôn, tất nhiên chúng ta đã có thể đoán biết số phận của con ngựa bất hạnh kia — con tiêu long mã — là như thế nào rồi. Từ đó con tiêu long mã miêu duệ của giống Rồng thần trên đỉnh Linh-Sơn biến thành một « công cụ viễn chinh » của giống người Tây Độc.

Theo đúng kế hoạch của lão phù-thủy, chúng dùng keo đen sơn một lớp dày trên mình con vật, che kín bộ lông. Thế là con thần câu « chói sáng như ngọn lửa hồng » đã biến thành một con vật đen ngòm dơ bẩn. Và con vật đó chẳng khác chi mù, vì cặp mắt tinh anh như đôi điểm sao

trời của nó đã bị hai miếng da tròn che kín... Tội nghiệp con ngựa thần, nó không thấy gì cả, mặc dù chung quanh nó trên muôn dặm đường đi, biết bao cảnh đẹp quê hương cũng như bao cảnh đau thương dân tộc vẫn diễn ra hàng ngày. Nó không thấy chi cả, những cảnh xương phơi máu đỏ, cảnh xiềng xích gông cùm, những cảnh địa ngục trần gian mà quê hương nó đang phải chịu mà trong đó, dù biết dù không, nó cũng có tham dự một phần. Nó không thấy chi cả, dù rằng trước mặt nó, hùng vĩ nguy nga, ngọn núi Linh-Sơn, quê hương của giống rồng tổ phụ, vẫn thẳng ngày phơi mình trắng xóa, như một niềm tin, như một lời nguyện. Trong vô tư về thân phận cao quý của mình, con ngựa kéo dài một kiếp sống nô lệ với những bao hàng hóa chất nặng trên lưng và nhiều khi với những « bàn móng » của quân xâm lược. Mình nó bị sơn đen, mắt nó bị che kín, hàm nó bị khớp cương, con thần câu hiện hữu như một con quái vật. Trong chuồng ngựa giữa trận tiền, đồng loại không nhận ra nó và nó cũng không

nhận ra đồng loại, cả hai không nhận ra nhau. Những lúc xung trận với một kẻ thù trên lưng, nó có hay đầu những con ngựa mà nó dùng mõm cắn, những thân người mà nó dùng vó đạp, những dòng máu mà nó làm đổ ra lại chính là ruột thịt của nó, lại chính là những gì mà lẽ ra nó phải thương yêu đùm bọc nhất trên đời ! Nhưng làm sao được, vì nó chỉ là một quái vật sơn đen, vì mắt nó không nhìn thấy, nghĩa là như bị đui mù. Bởi thế, nó chỉ còn biết sống như một con vật quái thai, như một con vật ô nhục, như một con vật nô lệ với tất cả những gì là cam chịu, là mù quáng, là điên rồ. Nó ăn, nó ngủ, nó chờ nặng, nó xông xáo trận tuyến, nó làm tất cả những việc đó như một cái máy, một cái máy hữu hiệu và tàn bạo.

Nhiều tháng năm trôi qua như thế... Cho đến một ngày kia... (tất nhiên như các em cũng biết mọi chuyện đau khổ nào lại chả có « một ngày kia »). Vậy thì... một ngày kia... trời bỗng nổi một cơn giông to lớn. Cơn giông tố này xuất phát từ phương đông, nơi

ngọn núi Linh-Sơn ngự trị. và trong giây lát bao trùm cả cái xứ sở bất hạnh đang rên siết dưới gót giày tàn bạo của lũ con buôn. Con thịnh nộ của đất trời thật ghê gớm; dưới sức mạnh của nó, mọi vật kể cả nhữn lâu đài thành quá h kiền cổ nhất của lũ con buôn đều rung rinh cở hồ sụp đổ.

Trong cơn bão loạn đó, một tiếng sét nổ trún vào chuồng ngựa nhốt con thần câu, chặt đứt giây xiềng của nó. Và không biết là vì sợ hãi hay vì nghe theo một tiếng gọi nhiệm mầu nào mà con « tiêu-long-mã » đã trườn mình lên vượt khỏi ngục tù giam giữ... đề rời cật vó phi nhanh như một mũi tên, xuyên qua lòng giếng bão. Nó nhắm về phương Đông mà chạy và sau khi vượt qua trăm dặm, nghìn đời, đến sáng hôm sau, khi màn trời mới rạng, cơn giếng tố vừa tan, con tiêu-long-mã đến trước một ngọn suối mà nguồn nước ồ ạt reo ca như trăm thứ chim rừng. Không biết có phải vì bị tiếng reo ca của ngọn suối quyến rũ chăng, mà con thần

câu đã không ngần ngại, lao mình xuống nước... Nhưng dòng nước xiết mạnh như thác đổ, và mãi đến hàng giờ sau, sau bao phen vật lộn, con thần câu mới vượt đến « bờ kia ». Và cũng không biết là đã có một phép lạ nào xảy ra chăng, chỉ hay là con thần câu sau khi sang đến « bờ kia » liền đổi dạng. Lóp keo đen trên mình nó không còn nữa, và con thần câu phục hồi chân tướng, ngồi ngời như ngọn lửa hồng.

Lúc đó ánh phương đông, đã rạng. Và con thần câu sau khi đã soi gương dưới suối để tự ý thức về mình, liền ngừng cổ lên trời cao, cất lên một tiếng hí mà âm ba vang dội như tiếng rồng gầm.

Và, cũng như quyền của mọi con rồng trong vũ trụ, nó tự làm mọc ra đôi cánh và dùng đôi cánh đó để vượt trời xanh bay lên đỉnh Linh-Sơn nơi quê hương của nó...

THẾ-LAN

Tiếng nói của thế hệ

Mùa Xuân hôm nay không phải là mùa Xuân năm cũ...

★ LÊ SUYÊN



THỦY EM!

Lại một mùa Xuân trở về — mùa Xuân của khói lửa, của đau thương, khác hẳn với những mùa Xuân năm trước — mùa Xuân lúc này mà chúng mình còn lưu luyến bên nhau, còn trao cho nhau những gói quà Xuân xinh xắn trong những buổi chiều mai vắng rộ nở đó em!

Đã mấy Xuân rồi em nhỉ? hình như đã sáu Xuân rồi phải không em? Thời gian qua nhanh quá, thời gian thẳm đến dài trên mái tóc xanh non của lứa tuổi đôi mươi đã làm mình cần đi ít nhiều mộng mơ của mùa xuân năm cũ... Nhưng

gì hiện diện hôm nay không còn là hình ảnh trang đài, là lượt, cửa hoa rừng cỏ nội mộng mơ, mà là của muôn ngàn cái đau thương xơ xác hận thù... Tất cả sự thật đã lui vào quá khứ, nhường lại cho những sợ hãi, lo âu, giả dối, lọc lừa...

Mùa Xuân năm nay không phải là mùa Xuân năm cũ — tiếng sừng trận thay cho giọng cười ngây thơ, trong trắng của ngư ị em gái năm xưa — Sao anh không được hôn em lần cuối, không được vuốt mắt em trong giây phút tạ từ — sáu năm xa cách là sáu

năm bên biệt lời ước hẹn nồng
thắm bên nhau — tình yêu ban
đầu đầy e thẹn và kín đáo như
đóa mai vàng e ấp hé nụ chờ
xuân đã bị mai một qua những
chuỗi ngày cách biệt vì chiến
chính.

Chúng mình không diễm phúc
để sống trọn với lứa tuổi mộng
mơ cũng như được đặt lấy một
hy vọng, dù đó chỉ là một hy vọng
nhỏ nhỏ mơ hồ trong ký ức.

Mùa xuân của thù hận, của đau
thương đã trở về, đã mang theo
trăm vạn tiếng nấc nghẹn ngào
uớt lệ — hàn thờ đêm nay thấp
thoáng bóng khăn tang thay cho
lời chúc tụng tạ từ của người
em gái xa xưa — tất cả, tất cả
đều mang một sắc thái bệnh
hoạn, ủ rũ của những mùa xuân lý
loạn máu đào.

Tấm ảnh em còn đó, nhưng
em đã biến biệt nơi đâu? mộ phần
ngút khói anh nhắc lên lời thề
ước năm xưa để nghe lòng mình
thấm lạnh với bao kỷ niệm đau
buồn mất mát. Mộng tình tan vỡ,
dòng lệ biệt ly còn thấm uớt đôi

mi : anh đã khóc trong niềm chua
xót, hăm hiu, trong những năm
dài tháng lạnh thờ ơ dưới muôn
ngàn chứng tích của những mùa
xuân tan tác hận thù, mùa xuân đã
cướp mất em đang ước mơ niềm
mơ duyên dáng xuân tình,

Nét hờn đôi ban đầu còn đâu?
Sự bạo tàn của chiến tranh đã làm
khô đi bao vóc dáng diễm kiều,
tươi trẻ chỉ còn chấp nhận nơi
đây niềm cay đắng e chề oằn theo
năm tháng lạnh lùng thâm trầm trong
những xác xơ vì chiến cuộc —
tuổi đời ngắn ngủi đã kết thúc đời
em bằng cái chết thâm hải hùng
để cho lòng ai rơi bút bằng
ng tưng những đêm dài thao
thức nhớ thương — Giọt lệ thiên
thu theo đóa mai vàng rơi rụng
run lên lời đưa tiễn, tạ từ trong

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

một kiếp xuân ngắn ngủi — mai
vàng rộ nở chờ đón xuân sang,
sao hôm nay lòng anh u uất, ngậm
ngùi... Lệ biệt ly thay cho lời
chúc tụng mừng rỡ năm xưa —
Ôi chiến chinh cướp mất mùa
xuân, mùa của hy vọng, của hẹn
hò thề ước trăm năm.

Nghĩa-Trang buồn phôi nắng,
mộ em vàng cỏ úa cô đơn — màu
áo trinh nguyên của người em nữ
sinh đã trở thành màu tang chết
chóc trong một mùa xuân khói
lửa mịt mù vòng tay nhỏ nhắn
xinh xinh, nụ cười thắm tươi
nũng nịu, trái tim hồng bồng bồng
bương yêu với lời thiết tha âu
yếm ngọt ngào. Ôi diễm tuyệt !
tiếng nói của em là điệu chuông
vàng khua động giữa chiều thu,

vòng tay của em là đôi bích ngọc
của nàng Tiên nơi Thượng giới,
ánh mắt của em là ánh trăng mát
dịu chiếu sáng đêm thâu, hơi thở
của em là Hương hoa của vũ trụ,
của muôn ngàn tinh khí trắng
sao — tất cả đều kết tụ của những
mùa xuân hứa hẹn Thanh bình —
rồi tất cả đã trở thành diễm ảo,
mơ hồ dưới lòng đất lạnh phủ
phàng, chua chát, bất nhân.

Tiếng súng trận ầm ầm nơi chiến
tuyến Anh lắng tai nghe ngoài
kia nàng xuân nhẹ diễm gót sen,
ngự trị trên lá hoa cây cỏ — Anh
giật mình vượt lệ — Ô ! nàng
không phải là nàng xuân năm cũ
của đôi ta — nàng gầy và buồn
nhiều quá !



ĐỀ KHỎI MẮT THÌ GIỜ

Muốn điện-thoại cho tôi, xin gọi :

Buổi sáng, 25.861, Tòa soạn Phổ-Thông

Buổi chiều, 41 095, Tòa soạn Thăng Bờm,

N.V

đoàn văn

● TRỊNH VĂN CHƯƠNG

SÁNG nay thức dậy. Mặt trời còn ngủ yên sau màn sương dày đặc của rừng núi Võ đăc. Sương buổi sáng ở đây thật mềm mại, thật mát mẻ, không lạnh như miền cao nguyên Đalat. Từng lớp sương trắng ngần kết thành bức màn dày kín mặt trời, che khuất cả loài người và vạn vật cách xa tôi chừng năm mươi mét.

Tôi ngỡ ngàng, thật ngỡ ngàng dang tay ôm trọn một vùng sương. Một vùng không gian xa lạ. Đây là buổi sáng đầu tiên có sự hiện diện của tôi ở Võ đăc, một thị trấn nhỏ, thật nhỏ, thuộc quận lỵ Hoài đức. Dù sao đây cũng là niềm an ủi đối với tôi không nhỏ. Trước kia, khi đặt chân đến đây, tôi cứ ngỡ rằng mình sẽ va chạm với một cuộc sống thật tẻ nhạt và cô đọng của dân

miền rừng núi, man di. Nhưng chiều hôm qua, khi xách hành lý rời khỏi sân bay (gọi là sân bay cho nó oai, chứ thật sự chỉ là một khoảng đất cứng cứng, được bao phủ bởi những vũng sinh lầy đỏ ngầu, đặt sệt, chỉ dùng làm chỗ đậu cho vài chiếc trực thăng) quang cảnh rộn rịp của thị trấn Võ đăc đập vào mắt tôi cho tôi biết rằng mình đã nghĩ lầm về Võ đăc... và điều này giúp tôi đánh tan phần nào nỗi lo lắng cứ mãi canh cánh trong lòng từ mấy hôm nay. Từ khi nhận được công vụ lệnh về làm việc tại Võ đăc, nỗi lo lắng phải đương đầu với không khí tẻ nhạt, mà bản chất con người tôi từ lâu vốn ghét cay ghét đắng. Bởi vì tâm hồn tôi chất chứa bao nhiêu là chuyện buồn phiền đau khổ. Tất cả chỉ chờ dịp gặp môi trường thích nghi là nổi dậy hành hạ,

cầu xé tôi, lôi kéo tôi xuống vực sâu không đáy của sự chán chường, buồn giá.

Tôi nói lỏng vòng tay cho sương mù loang ra trước mặt. Hốt nhiên, tôi có cảm giác mình vừa ôm một thân thể thật mát mẻ, thật mềm mại, với khoảng ngực trần trắng ngà và mông lung như muốn tan thành sương. Tôi vội vàng khép chặt vòng tay lại. Một cảm giác lạnh lạnh ở ngực lôi tôi ra khỏi vùng ảo giác. Tôi mở to mắt, Trước mặt vẫn đen thui một màu sương trắng ngà, dày đặc. Tất cả chỉ là ảo giác. Tôi vùng cười to lên như một thằng khùng, Từ trong miệng, một dòng sương chảy ra cuộn cuộn. Dòng sương va chạm với màn sương bên ngoài, cuộn tròn lại thành một khuôn mặt, với hai con mắt thật quen thuộc. Khuôn mặt của Liên. Khuôn mặt dần dần mờ ảo, dần dần xa vắng. Tôi hốt hoảng đưa hai tay ôm chầm lấy khuôn mặt. Hai tay tôi chơi với trong

không-khí. Vùng sương dày đặc vẫn điềm nhiên phủ kín quanh tôi.

Tôi vùng chạy nhanh ra đường. Chạy đi tìm mặt trăng. Như một con én đi tìm mùa xuân. Như một chú cò trắng bay đi, trốn khỏi vùng tuyết giá. Nhưng mặt trời vẫn còn ngủ quên. Và màn sương mềm mại vẫn lặng lẽ bao phủ quanh tôi. Bỏ tù đôi mắt tôi trong bốn bức hư vô.

Tôi lại cảm đầu chạy vào nhà. Vai va mạnh vào cánh cửa. Cánh cửa đập vào vách vang lên một chấn động vô vụn, lôi tôi về chỗ hiện thực. Một vùng không khí ấm áp nhẹ nhàng mơn man da thịt tôi để trần. Tôi nghe một niềm cảm khoái dâng lên trong sự mệt mỏi. Tôi leo lên giường nằm, nhắm mắt lại để tận hưởng cảm giác mới lạ này. Hốt nhiên, khuôn mặt Liên lại hiện ra, với đôi mắt to đen, thật ấm áp, thật dịu dàng. Không có lẽ xa vắng như lúc trước. Tôi nằm duỗi thẳng

tay chân trên giường. Hình ảnh Liên càng ngày càng rõ, giữa khoảng hư không trước mặt. Tôi có cảm giác khuôn mặt Liên càng lúc càng áp lại gần tôi, đôi môi đỏ ướt của Liên sắp chạm vào môi tôi và tôi ngủ lúc nào không hay, trong sự thoải mái, dịu dàng.

Trong giấc ngủ muộn màng tôi nằm mơ thấy Liên. Với chuỗi tình yêu học trò năm nào... những giờ «cúp cua», chun qua hàng rào nhà tường, rách cả áo, để đến chỗ hẹn với em. Những ngày chủ nhật diu em trên Đồi dương. Những buổi chiều trên Đập đá Dựng nhìn nắng vàng ngủ trên tóc người yêu... Tất cả đẹp như một bài thơ đang dở.

Tiếng động của sự sinh hoạt buổi sáng đánh thức tôi dậy, giữa lúc giấc mơ đang diễn ra thật đẹp chuyện tình của tôi và Liên.

Tôi vẫn lười biếng, chưa chịu mở mắt. Cố gắng kéo dài thêm giấc ngủ, để mong tìm lại giấc mơ còn dang dở. Đang

dở như chuyện tình của tôi và Liên.

« Liên ơi, bây giờ em đang làm gì. Sáng nay sương xuống nhiều em có mặc áo lạnh không. Đừng quên mặc áo lạnh nghe em. Không khéo lại bị cảm thì khổ cho... Ồ! mà khổ cho ai đây. Ta đâu còn được điễm phúc khổ sở, lo âu trong những lần Liên đau ốm...

Ồi, đáng vốc người tình nào mảnh mai yếu đuối như chực biến thành sương khói. Mà thực trong ta hiện giờ, nàng chỉ là sương, là khói. Ta chỉ còn gặp nàng trong sương rừng gió núi. Và chỉ mong tìm được bóng dáng yêu kiều ở giữa hư vô ».

Tôi nằm duỗi dài thoải mái, như một con mèo no mồi. Tôi cố hình dung dáng vóc của Liên, để ru lại giấc ngủ trong triển vọng mị. Nhưng cũng như những lần trước, chẳng có giấc mơ nào đến với tôi tròn đoạn kết. Tôi giận dữ, tung mền ngồi dậy và chệnh choạng

ra cửa. Trong khi ảo giác vẫn còn dậy kín tâm hồn.

Tôi uể oải mở cửa. Một dòng mặt trời chảy mạnh vào nhà, cuốn tôi trôi ra khỏi vùng ảo giác. Cảnh sinh hoạt của những giờ đầu trong những ngày diễn ra khá tấp nập. Vượt hẳn ngoài phỏng đoán của tôi.

Có tiếng thằng Phước ù ở trong nhà. Chắc nó cũng đang nằm mơ thấy người yêu đây. Người yêu của nó, nhưng, em họ tôi, một đứa con gái thật nhí nhảnh và còn mang nhiều nét ngây thơ trong đáy mắt, trong nụ cười, trong suối tóc óng mượt đầy hồ hững hờ vai thon nhỏ.

Thằng Phước là bạn thân nhất của tôi trong suốt bảy năm nay, tất cả những cảm nghĩ của tôi chính là những cảm nghĩ của nó, và ngược lại. Đặc biệt nó cứ lần lượt trao tình yêu cho mấy đứa em họ của tôi. Và tôi cứ thường gọi tâm tình về những bà chị thân thuộc của nó,

Tôi trở vào nhà. Đến chỗ ngủ của thằng Phước. Nó có vẻ còn nuôi tiếc giấc ngủ nên hỏi tôi mấy giờ rồi... Thay vì trả lời, tôi nắm áo nó lôi dậy.

Tôi và Phước dắt nhau ra chợ, tìm quán cà phê, khi mặt trời đã lên khá cao. Mặt trời ở miền này, vào buổi sáng, trông tái mét, không một chút linh động. Những giọt sương đeo trên cành lá bên đường hắt vào mặt tôi, gây một cảm giác lạnh lạnh. Tôi đưa mắt nhìn ra xa và chỉ cho thằng Phước xem những đám sương mỏng còn lảng vảng trên mấy ngọn đồi. Màu xanh của cây và màu lam nhạt của sương quyện vào nhau, thật đẹp...

TRINH VĂN CHƯƠNG
(VƯỢT CẠN BÌNH-TUY)



Sự ước mong của lớp trẻ

● THẠCH-THI-LINH

CHƯNG tôi lớp tuổi Đôi mươi đời mận nong và tim gan rạo rạt Máu,... Chúng tôi sinh ra, lớn lên trong chiến chinh gian khổ trong đau đớn triền miên, nhưng đồng thời chúng tôi từng trải qua những giây phút vinh dự, cái vinh dự chung của một dân tộc nhỏ bé quật cường...

Phải, chúng tôi băn khoăn, thao thức trước tình thế ngả nghiêng của đất nước, chúng tôi đang ngậm ngùi chưa xót trước cảnh máu đổ xương rơi.

Phải chúng tôi là tất cả đang sống trong nỗi niềm đau thương đó, chúng tôi vẫn nuôi mãi một niềm tin bất diệt, một vịnh dự lớn lao cho thế hệ trẻ chúng ta là chúng ta đã kiên trì chiến đấu, để bảo vệ non sông qua gần 25 năm khói lửa mịt mù.

Con đường gian khổ, nhưng vinh quang còn dài, chúng tôi cần phải phấn đấu phấn đấu đến kỳ cùng, để thực hiện hoài bão cao đẹp của mình là Hạnh phúc, Tự do, Công lý. Sự no ấm an lạc điều mà cha ông chúng ta đã hy sinh biết bao xương máu, mồ hôi để xây dựng và phát triển.

Đứng trước những cơn phong ba dập dùi, chúng tôi vẫn theo mãi bước chân anh hùng của các bậc tiền nhân Lê Lợi, Quang Trung, Hoàng hoa Thám, Phan bội Châu, Phan chu Trinh, và hàng ngàn hàng vạn liệt sĩ khác đã vì quốc vong thân.

Chúng tôi cương quyết đập tan tất cả mọi mưu mô xảo quyệt của những phần tử độc tài, và bọn phong kiến phản

động chỉ biết vinh thân phi gia.

Tò quốc này là tò quốc chung. Tuổi trẻ chúng tôi đòi hỏi những người có bổn phận hướng dẫn thế hệ trẻ trong giai đoạn lịch sử này, hãy sáng suốt soi đường chỉ lối cho chúng tôi những người trẻ đang đứng trên bờ vực thẳm...

Thật vậy chúng tôi ước vọng rằng đàn anh của chúng tôi, nhất là những người muốn lái con thuyền quốc gia qua cơn sóng gió hải hùng này, phải có thiện chí yêu nước, phải có đạo đức cách mạng. Phải có khả năng thấu biết mọi vấn đề liên hệ đến vận mạng nước nhà.

Không, lớp trẻ chúng tôi nhất thiết không chấp nhận những tay lái chỉ biết chủ trương phất cờ theo gió, những kẻ đã từng cúi đầu trước mũi nhọn của danh lợi, trước uy vũ của độc tài, phong kiến, để rồi lại vênh vang trên bệ cao chiều lớn.

Đề đương đầu với sức mạnh đối nghịch, phải cần có những bàn tay lái đã từng có một vai trò yêu nước trong tinh thần cách mạng, được thể hiện trong mấy mươi năm chiến đấu gian khổ, chúng tôi cần mong mỗi những bàn tay xây dựng đề lớp trẻ chúng tôi được tôn thờ, tin tưởng, chúng tôi bằng mọi cách, không đón nhận những nhà cách mạng giả tạo, những kẻ yêu nước bằng mồm, chúng tôi chán ngán những lời kêu gào yêu nước, bề ngoài có vẻ thống thiết, nhưng bên trong chứa đựng những mưu mô thấp hèn, nhằm phục vụ quyền lợi, phe nhóm cá nhân.

Chúng tôi cần thấy sự thật, những sự thật minh bạch rõ ràng, những sự thật thành kính yêu nước thương dân, chúng tôi đã trưởng thành trong khói lửa, thì không ai có thể dùng mưu thần chước quỷ để lừa bịp phỉnh phờ chúng tôi được.

Xã hội Việt Nam trên đã bị rách rưới nát tan, thuần phong mỹ tục bị chà đạp, cảnh nịnh

trên ép dưới đang tiến triển, những thủ đoạn làm giàu trên mồ hôi nước mắt của dân nghèo đang được thi thố một cách tự do.

Trước bất công đó «trước những thói tha mực nát đó» lớp trẻ chúng tôi nhận định rằng chỉ có những bàn tay lái có đạo đức cách mạng, có tinh thần cương quyết, chí công vô tư, mới đưa xã hội đến chỗ lành mạnh, lớp đàn anh sa đọa dưới mọi hình thức kìm hãm, thì làm sao có thể kêu gọi đàn em tránh khỏi sa đọa, cũng không thể gọi toàn dân nói chung, lớp trẻ chúng tôi nói riêng, hy sinh khắc khổ để lớp đàn anh tự do chuyển ngân ra ngoại quốc xây biệt thự, sống với vợ đẹp con sang.

Lớp trẻ chúng tôi cũng phải nhìn đến đó, là phải kham khổ để giết giặc để tìm cho mảnh đất quê hương yêu dấu này thêm cường mạnh trong sự thiếu thốn thì trong lúc ấy ít nhất những bậc đàn anh cũng phải xa rời nệm ấm gối êm.

Không, Không ai có quyền chuyên ngồi trong phòng lạnh những căn nhà phóng khoáng những chiếc xe lộng lẫy, có đầy đủ tiện nghi cho đời sống, để thúc đẩy lớp trẻ chúng tôi phải chịu đựng mọi thứ gian khổ được.

Chúng tôi không chủ trương đấu tranh giai cấp, chúng tôi không tị hiềm ganh ghét một ai, nhưng đứng trước tình thế nguy ngập lúc này, chúng tôi nghĩ rằng, chỉ có sự hòa đồng và thương nhau trong sự sống hằng ngày mới cứu nguy được dân tộc. Chỉ có ánh sáng đạo đức, chỉ có lòng vị tha của nhà cầm quyền mới đẩy mạnh được thể hệ trẻ, tiến mạnh trên con đường hy sinh phục vụ tổ quốc.

Không lúc nào bằng lúc này thể hệ trẻ cần phải được huấn luyện, rèn chí trong: thanh thân cần, trong ý chí chiến đấu kiên cường bất khuất và không bao giờ những kẻ thiếu đạo đức lại có quyền đứng ra giáo

dục tư tưởng cho người khác được.

Nội bộ chúng ta đang nằm trong sự chia rẽ trầm trọng: chia rẽ bởi các tôn giáo, đảng phái, chia rẽ giữa người giàu và người nghèo, chia rẽ giữa người bắc và người nam...

Thêm vào đó nền kinh tế nông thôn bị kiệt quệ, kỹ nghệ không phát triển nên kỹ thuật ở nhà quá ư eo hẹp, vật giá gia tăng, người dân nghèo đang lâm lẹ bước vào con đường cùng khổ...

Do đó, lớp trẻ chúng tôi thấy rằng những người lãnh đạo quốc gia phải đem tài chí mình để hàn gắn mọi đổ vỡ, đã và đang xảy ra trên mảnh đất quê hương yêu dấu này,

Tình thế càng ngày càng nguy biến, thì lớp người trẻ trước tự cho mình là đàn anh phải tỏ ra sáng suốt, nhận định đúng hành động hợp lý, thống nhất mạnh mẽ để đương đầu với đối phương, trên mọi

lãnh vực quân sự chính trị, văn hóa kinh tế.

Chúng tôi không chấp nhận những chủ trương chia rẽ độc tài làm giảm tiềm lực đấu tranh bảo vệ tổ quốc.

Chúng tôi cương quyết chống lại mọi thủ đoạn lợi dụng chiến tranh để làm giàu cho một thiểu số và đồng thời gây đói khổ cho đại đa số đồng bào trong đó có đông đảo những người tuổi trẻ chúng tôi.

Lớp người trẻ chúng tôi khát vọng **độc lập tự do dân chủ, cơm no áo ấm và hòa bình hạnh phúc.**

Lớp trẻ chúng tôi quyết nói lên tiếng nói trung thực của mình, chúng tôi cần bày tỏ lập trường tranh đấu của chúng tôi để góp phần vào công cuộc cứu quốc và kiến quốc trong giai đoạn lịch sử này.

Thạch thi Linh
(B.N. HOANG-VU)

án tinh thần của mọi tầng lớp dân chúng bị... tăng giá ngang xương. Đã cái nọ lên nó lôi kéo cái kia theo. Tuy bộ Kinh tế cho biết giấy viết của học trò không có đánh thuế, nhưng nó vẫn lên. Rồi sách giáo khoa, rồi đủ họ hàng nhà giấy đều lên.

Trong cuộc tranh đấu ở vào giai đoạn ba, ủy ban tranh đấu bảo vệ tự do báo chí đã quyết định các nhật báo ngưng xuất bản báo ngày 10-3, và trong bức thư gửi toàn thể đồng bào đã cho hay «cuộc tranh đấu bảo vệ báo chí nhất định thành công». «phải thu hồi ngay Nghị định tăng giá giấy và giải nhiệm Tổng Trưởng Kinh tế Phạm kim Ngọc».

Hai ông Tổng Trưởng Kinh tế và Thông tin, sau mấy lần thảo luận với các đại diện báo chí, đã trình lại với Thủ Tướng Chánh Phủ và Thủ Tướng Chánh Phủ, sau khi cứu xét các nguyện vọng trên và thấy cần nâng đỡ báo giới

nên đã chỉ thị cho bộ Kinh tế :

«Trợ cấp số giấy cần dùng để in báo thực sự, bằng cách miễn các sắc thuế.»

Như vậy là cuộc tranh đấu của báo giới đã thắng lợi.

«Đại Hội Báo chí lần thứ 5 đã được triệu tập bất thường tại Câu Lạc Bộ Báo chí trong niềm hân hoan, thỏa mãn. Tuy nhiên, đại hội đã quyết định sự thắng lợi này vẫn chỉ là nhất thời, giai đoạn, nên báo giới lại cam kết tiếp tục đoàn kết và luôn luôn ở thế «sẵn sàng» vì trên pháp lý, báo giới chưa có một sự cam kết bảo đảm nào của chính quyền cả.

Ngay trong đại hội, ông Tôn thất Đình, chủ tịch ủy ban tranh đấu sau khi báo cáo với đại hội về kết quả của cuộc tranh đấu bảo vệ đệ tứ quyền, ông đã thay mặt toàn thể báo giới Việt Nam cảm tạ tất cả các giới đồng bào đã góp phần tích cực tranh đấu chung bảo

vệ sự sinh tồn của nền dân chủ, nhất là hai tổng liên đoàn lao công, lao động và Tổng Hội Sinh Viên. Đến nay đã hết nhiệm vụ, nhưng ủy ban tranh đấu vẫn được Đại Hội đồng ý giữ nguyên và trong một cuộc họp tới của các chủ báo sẽ đổi tên và đặt nhiệm vụ mới cho ủy ban này.

Sinh Hoat

● *Thăng Bờm*, tuần báo hướng dẫn giáo dục Thiếu nhi Việt Nam số 1 đã ra mắt. Tuần Báo thăng Bờm do chính chủ nhiệm tạp chí Phò Thông chăm sóc. Báo được in bằng offset

hai màu 32 trang, Bìa cũng in offset 4 màu.

● *Tiếng Hát Đêm Đen* tập thơ thứ hai của *Nguyễn Lăng* (sau tập *Vết Buồn*) đã ra mắt do nhà Gió Ngàn xuất bản.

● *Tình Chung* thơ của *Việt Chung Tử* CHGVA, quay ronéo do chính tác giả ấn hành tại Vĩnh Long.

● *Saigon choai choai* phóng sự về các cô cậu Hippies choai choai ở Saigon của *Trương Kỳ* và do Hoa Biền Đồng xuất bản.



Bạn yêu thơ hãy tìm đọc :

Tình ca linh ALFA đỏ

● của QUỐC NAM ●

— Tập thơ đầu tiên nói đến người sĩ quan trường Võ Bị Đalat

— Sách dày 46 trang, gồm 22 bài thơ, đề giá 60đ

— Hỏi mua ngay tại quán **THĂNG BỜM** hoặc quán **THƠ**.

Đường về Bản Thượng...

(Tặng Trần-thị-Chiều Nhất 3 S.P.Q.N.)

Con đường đã những lần về viễn xứ
Bước lưng đeo từng thỏi núi đầy voi
Cây tương tư mây xoắn tóc ven đồi
Chim thoi hót những chiều thu nhạt nắng
Anh cúi hôn một mau hoa gòn lặng
Nghe tư duy mang hạt giống người rừng
Tiếng hát em trong tiem thức bản khoán
Những rung cảm: Tình ca «chiều bản Thượng»
Ý huyền thoại ăn sâu giòng tư tưởng
Trong thi ca thổ ngữ giống dân Hời
Màu thị quan đang chuyển tiếp muôn nơi
Con rồng đá mắt ưu buồn vô chủ
Giòng sông « Rây » bỗng khóc òa không ngủ
Những canh tàn vắng vắng tiếng vua tôi
Lẽ tự nhiên của giòng giới ma Hời
Hòn non nước khô gan cùng tuế nguyệt
Con quốc quốc vừng đông gào thê thiết
Có gái Mường buông thông điệu hò lơ lửng !
Có Hằng Nga nhẩn mặt khóc lưng trời
Kẻ nuôi tiếc bên kia bờ vũ trụ
Lời em ca thương quốc nỗi nhục hủ
Cho nghìn xưa hoải vọng với nghìn sau
Giòng sử quan không hẹn lại chuyển đồ
Bạo phé chừng theo anh về thị trấn

LÊ-SƠN-TÔNG

(Qui Nhơn)



● Nhân Chứng — ĐẤT ĐỨNG ĐẦU XUÂN

Tuyển tập Thơ Văn đầu năm 1970, của một số nhà Văn Thơ, «những viên gạch đã xây nền lót móng cơ sở Nhân Chứng» : Hoàng-Hương-Trang, Hồ-trường-An, Diễm-Phúc, Phan Lạc Giang-Đông, Trịnh thị Diệu-Tân, Đinh thị Thụy-Uyên, Hà-Thủy, Bích-Hoài, Viễn-Nhân, Tùng-Linh, Từ-băng-Nghiêm-Vy, Bích-Yên, Phở-Đức.

Cơ-sở xuất bản Nhân Chứng 581 Trương minh-Giang.

ĐÃ PHÁT HÀNH

Mộng Thanh Bình

Thơ TÔN NỮ HỖ KHƯƠNG

Bìa do Họa sĩ NGHIÊU ĐỀ

Phụ bản do Nữ sĩ HOÀNG HƯƠNG TRANG

Do cơ sở NHÂN CHỨNG xuất bản và phát hành.

Mọi sự liên lạc với nhà xuất bản và Tác giả xin gửi về địa chỉ :

581 TRƯƠNG MINH GIANG — Saigon

trị: **ỈA CHẢY NHIỄM ĐỘC**
Ở RUỘT
KIẾT-LÝ CÓ ĐÀM MÁU

Đừng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
 Thuốc bột cho trẻ em,

*Hợp với
 người lớn
 trẻ em*

PHONG HƯNG

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 206c/BYT/I7-S-67



MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt **CON CỌP** mỗi cha
 là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn iều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p' ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dợt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống **Lối Công Hoàn « Ông Tiên »**. Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. **Nhà thuốc Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.**
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống **Giả
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N, BYT. số 3—9-5-63)

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN VỸ**

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 40 đ

Công sở : gấp đôi

NEUROTOMIC

Từ thôn quê đến thị thành
ST. Nông. Công. Thương chạy dành **NEURO**

CORNE
UNIVERSITY
JUL 22 1970
LIBRARY

NEUROTOMIC

★ BỒI BỒ ỐC